

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh Viên : Nguyễn Thị Lệ

Mã Sinh Viên : 110615

Lớp : QT 1104 K

Người hướng dẫn : Ts. Nguyễn Thành Tô

Hải Phòng - 2011

MỤC LỤC

Lời mở đầu.....	4
Chương I : Lý luận về Doanh thu , chi phí , kết quả kinh doanh và hạch toán kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	6
1.1. Một số nét về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.....	6
1.1.1. Về doanh thu.....	6
1.1.1.1. Về Doanh thu bán hàng trong Doanh Nghiệp.....	6
1.1.1.2. Doanh thu hoạt động tài chính.....	11
1.1.1.3. Thu nhập khác.....	11
1.1.2. Về chi phí cho hàng bán ra.....	12
1.1.3 Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.....	13
1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh.....	15
1.2.Tổ chức hạch toán kế toán doanh thu , chi phí , xác định kết quả kinh doanh.....	16
1.2.1. Kế toán doanh thu.....	16
1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	16
1.2.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	27
1.2.1.3. Kế toán thu nhập khác.....	30
1.2.2. Kế toán giá vốn và chi phí hàng bán ra	32
1.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán.....	32
1.2.2.2. Kế toán chi phí bán hàng & chi phí quản lý doanh nghiệp.....	37
1.2.2.3. Kế toán chi phí tài chính.....	41
1.2.2.4. Kế toán chi phí khác.....	43
1.2.2.5. Kế toán kết quả hoạt động kinh doanh.....	45
Chương II : Công tác hạch toán kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Vận Tải Và Thương Mại Xuân Trường Hai.....	50
2.1. Đặc điểm tình hình chung Công Ty Cổ Phần Vận Tải và Thương Mại Xuân	

Trường Hai.....	50
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty.....	50
2.1.2. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty Cổ Phần Vận Tải Và Thương Mại Xuân Trường Hai.....	51
2.1.3. Những thuận lợi và khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động.....	52
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty	52
2.1.5. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ Phần Vận Tải Và Thương Mại Xuân Trường Hai.....	55
2.2. Công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Vận Tải Và Thương Mại Xuân Trường Hai.....	58
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	58
2.2.2. Doanh thu hoạt động tài chính	73
2.2.3. Kế toán Giá vốn hàng bán ra.....	78
2.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.....	90
2.2.5. Kế toán chi phí tài chính.....	99
2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	104
Chương III : Một số ý kiến nhằm hoàn thiện Công tác doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công Ty Cổ Phần Vận Tải và Thương Mại Xuân Trường Hai.....	111
3.1. Nhận xét, đánh giá khái quát công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Vận Tải Và Thương Mại Xuân Trường Hai.....	111
3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Vận Tải Và Thương Mại Xuân Trường Hai.....	114
3.3. Ý nghĩa của việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	119
Kết luận.....	121

LỜI MỞ ĐẦU

Doanh thu bán hàng, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có quan hệ mật thiết với nhau. Doanh thu thể hiện số tiền bán hàng (tiêu thụ sản phẩm) thu được, chi phí là toàn bộ số tiền bỏ ra trong kỳ sản xuất kinh doanh, còn kết quả kinh doanh là quá trình xác định doanh thu bán hàng của một kỳ trừ đi các chi phí đã bỏ ra và đem lại kết quả cho hoạt động kinh doanh. Để tăng doanh thu thì doanh nghiệp phải phấn đấu tiêu thụ được nhiều sản phẩm, để có kết quả kinh doanh tốt, lợi nhuận nhiều thì doanh nghiệp cần phấn đấu tiết kiệm chi phí, giảm giá thành làm cho lợi nhuận sẽ tăng lên, hiệu quả sẽ cao.

Để phản ánh doanh thu đầy đủ, chi phí hợp lý, xác định kết quả kinh doanh chính xác thì việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là rất quan trọng, đồng thời việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả là cần thiết đối với tất cả các doanh nghiệp.

Từ nhận thức nêu trên, lại được đi thực tập tại công ty Cổ Phần Vận Tải Và Thương Mại Xuân Trường Hai em đã đi sâu nghiên cứu doanh thu bán hàng, chi phí của hàng hoá bán ra và xác định kết quả kinh doanh của công ty và đã chọn đề tài cho khoá luận tốt nghiệp của mình là : “ ***Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CP Vận Tải & Thương Mại Xuân Trường Hai***”

Nội dung của khoá luận, ngoài lời nói đầu và kết luận, được chia thành ba chương chính sau đây:

Chương I : Lý luận chung về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh và hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương II : Công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Vận Tải & Thương Mại Xuân Trường Hai.

Chương III : Một vài kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác hạch toán kế toán Doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Vận Tải & Thương mại Xuân Trường Hai.

Tuy đã cố gắng nghiên cứu , tìm tòi nắm bắt tình hình thực tế của công ty , xong do kiến thức và kinh nghiệm còn hạn chế nên khoá luận không thể tránh khỏi những thiếu sót . Vì vậy em rất mong nhận được sự góp ý chỉ bảo của Ban giám đốc , các phòng ban liên quan đặc biệt là các cô chú , anh chị trong phòng kế toán tài chính của công ty. Em cũng rất mong nhận được sự tham gia góp ý của các thầy cô, của thầy giáo hướng dẫn để khoá luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin được trình bày nội dung của bài khoá luận.

CHƯƠNG I

LÝ LUẬN VỀ DOANH THU , CHI PHÍ , KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ HẠCH TOÁN KẾ TOÁN DOANH THU , CHI PHÍ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Một số nét về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.

1.1.1. Về doanh thu.

1.1.1.1. Về doanh thu bán hàng trong doanh nghiệp.

1.1.1.1.1. *Khái niệm:*

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong kì kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

1.1.1.1.2. *Vai trò, vị trí của doanh thu trong các doanh nghiệp*

- Doanh thu : Là nguồn thu quan trọng để doanh nghiệp bù đắp chi phí, trang trải số vốn đã bỏ ra như chi phí về tiền lương, tiền thưởng cho người lao động; chi phí nguyên vật liệu đầu vào và thực hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với nhà nước như nộp thuế thu nhập doanh nghiệp...Đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn đồng thời mở rộng sản xuất, tăng quy mô hoạt động của doanh nghiệp.

- Doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để doanh nghiệp có thể tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh liên kết với các đơn vị khác, đầu tư vào công ty con

- Doanh thu là đòn bẩy kinh tế quan trọng có tác dụng khuyến khích người lao động nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp.

- Doanh thu cao nghĩa là quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ tốt góp phần làm tăng tốc độ chu chuyển vốn làm cho đồng vốn kinh doanh không bị ứ đọng tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình sản xuất tiếp theo.

→ Nếu doanh thu của doanh nghiệp không đủ để trang trải những khoản chi phí đã bỏ ra doanh nghiệp sẽ khó khăn về tài chính, nếu tình trạng này kéo dài doanh nghiệp sẽ không còn đủ sức để tồn tại dẫn đến phá sản doanh nghiệp.

1.1.1.1.3. Các loại doanh thu , điều kiện ghi nhận doanh thu và phương pháp xác định doanh thu.

* Các loại doanh thu và điều kiện ghi nhận doanh thu :

– **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Là số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Tổng doanh thu bán hàng là số tiền ghi trên hóa đơn, trên hợp đồng cung cấp lao vụ, dịch vụ.

+ Doanh thu bán hàng của doanh nghiệp được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

1- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

2- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa.

3- Doanh thu được xác định là tương đối chắc chắn.

4- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

5- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Trong trường hợp bán lẻ hàng hoá : Thời điểm ghi nhận Doanh thu là thời điểm nhận báo cáo bán hàng của nhân viên bán hàng.

- Trong trường hợp gửi đại lý bán hàng : Thời điểm ghi nhận Doanh thu là thời điểm nhận báo cáo bán hàng do bên đại lý gửi.

- Trường hợp bán buôn qua kho và bán buôn vận chuyển thẳng theo hình thức giao trực tiếp thì thời điểm hàng hoá được xác nhận là tiêu thụ và Doanh thu được ghi nhận là khi đại diện bên mua ký nhận đủ hàng , đã thanh toán tiền hàng hoặc chấp nhận nợ.

- Trường hợp bán buôn qua kho , bán buôn vận chuyển thẳng theo hình thức chuyển hàng thì thời điểm ghi nhận doanh thu là khi thu tiền của bên mua hoặc bên mua chấp nhận thanh toán.

– Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Cung cấp dịch vụ nghĩa là thực hiện những công việc đã thỏa thuận trong hợp đồng. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn 4 điều kiện sau:
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ.
- + Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán (B01)
- + Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

–Doanh thu tiêu thụ nội bộ: Là số doanh thu có được do bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty....

❖ Phương pháp xác định doanh thu:

- Doanh thu phát sinh từ giao dịch được xác định bởi thỏa thuận giữa doanh nghiệp với bên mua hoặc bên sử dụng tài sản. Nó được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi đã trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

- Giá trị hợp lý: là giá trị tài sản có thể được trao đổi (hoặc giá trị một khoản nợ được thanh toán một cách tự nguyện) giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong sự thay đổi ngang giá.

- Đối với các khoản tiền hoặc tương đương tiền không được nhận ngay thì doanh thu được xác định bằng cách quy đổi giá trị danh nghĩa của các khoản sẽ thu về được trong tương lai về giá trị thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu theo tỷ lệ lãi suất hiện hành. Giá trị thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu có thể sẽ nhỏ hơn giá trị danh nghĩa sẽ thu được trong tương lai.

- Khi hàng hóa hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hóa hoặc dịch vụ tương tự về bản chất và giá trị thì việc trao đổi đó không được coi là một giao dịch tạo doanh thu.

- Khi hàng hóa hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hóa hoặc dịch vụ khác không tương tự thì việc trao đổi đó được coi là một giao dịch tạo doanh thu. Trường hợp này doanh thu được xác định bằng giá trị hợp lý của hàng hóa hoặc dịch vụ nhận về, sau khi đã điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu thêm. Khi không xác định được giá trị hợp lý của hàng hóa hoặc dịch vụ nhận về doanh thu được xác định bằng giá trị hợp lý của hàng hóa hoặc dịch vụ đem trao đổi, sau khi đã điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu thêm.

1.1.1.1.4. Các yếu tố làm tăng, giảm doanh thu bán hàng.

**** Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng :***

Các khoản giảm trừ doanh thu như: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp và thuế xuất nhập khẩu, được tính vào doanh thu ghi nhận ban đầu, để xác định doanh thu thuần làm cơ sở để tính kết quả kinh doanh trong kỳ kế toán. Các khoản giảm trừ doanh thu phải được phản ánh, theo dõi chi tiết, riêng biệt trên những tài khoản kế toán phù hợp, nhằm cung cấp các thông tin kế toán để lập báo cáo tài chính (Báo cáo kết quả kinh doanh, thuyết minh báo cáo tài chính).

+ Chiết khấu thương mại :

Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

+ Hàng bán bị trả lại:

Là số hàng đã được coi là tiêu thụ (đã chuyển giao quyền sở hữu, đã thu tiền hay được người mua chấp nhận trả tiền) nhưng lại bị người mua từ chối và trả lại do các nguyên nhân như : Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, không đúng quy cách... Khi doanh nghiệp ghi nhận trị giá hàng bán bị trả lại cần đồng thời ghi giảm tương ứng trị giá vốn hàng bán trong kỳ.

+ Giảm giá hàng bán:

Là số tiền giảm trừ cho người mua trên giá bán đã thỏa thuận do các nguyên nhân đặc biệt thuộc về người bán như : hàng kém phẩm chất, hàng không đúng quy cách, hàng xấu hoặc giao hàng không đúng thời hạn ghi trong hợp đồng.

+ Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp :

Là các khoản thuế được xác định trực tiếp trên doanh thu bán hàng theo quy định hiện hành của luật thuế tùy thuộc vào từng mặt hàng khác nhau. Thuế tiêu thụ đặc biệt (trường hợp được coi là một trong những khoản giảm trừ doanh thu) phát sinh khi doanh nghiệp cung cấp các loại sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất (hoặc các loại dịch vụ) thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt cho khách hàng. Khi đó doanh thu bán hàng được ghi nhận trong kỳ theo giá bán trả ngay đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (chưa bao gồm thuế GTGT). Doanh nghiệp phải xác định phần thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp vào ngân sách Nhà nước căn cứ vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ.

*** Các yếu tố làm tăng doanh thu :**

– Doanh thu hoạt động tài chính :

Doanh thu về các hoạt động tài chính bao gồm những khoản thu do hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại như: tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

– Thu nhập khác :

Thu nhập khác là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện, hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên như: doanh thu về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, giá trị các vật tư, tài sản thừa trong sản xuất; các khoản nợ vãng chủ hay nợ không ai đòi, hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, nợ khó đòi, tiền được phạt, thu chuyển quyền sở hữu trí tuệ...

1.1.1.2. Doanh thu hoạt động tài chính.**1.1.1.2.1. Khái niệm :**

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm: tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, thu nhập từ các hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán và doanh thu từ các hoạt động tài chính khác của DN.

1.1.1.2.2. Cách xác định Doanh thu hoạt động tài chính .

– Doanh thu hoạt động tài chính được phản ánh trên TK 515 bao gồm các khoản doanh thu tiền lãi , tiền bản quyền , cổ tức , lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác được coi là thực hiện trong kì, không phân biệt các khoản doanh thu đó thực tế đã thu được tiền hay sẽ thu được tiền.

– Đối với các khoản doanh thu từ hoạt động mua bán , bán chứng khoán , doanh thu được ghi nhận là số chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá gốc , số lãi về trái phiếu , tín phiếu hoặc cổ phiếu.

– Đối với khoản doanh thu từ hoạt động mua , bán ngoại tệ , doanh thu được ghi nhận là số chênh lệch lãi giữa giá ngoại tệ bán ra và giá ngoại tệ mua vào.

– Đối với khoản tiền lãi đầu tư nhận được từ khoản đầu tư cổ phiếu , trái phiếu thì chỉ có phần tiền lãi của các kì mà doanh nghiệp mua lại khoản đầu tư này mới được ghi nhận là doanh thu phát sinh trong kì , còn khoản lãi đầu tư nhận được từ các khoản lãi đầu tư dồn tích trước khi doanh nghiệp mua lại khoản đầu tư đó thì ghi giảm giá gốc khoản đầu tư trái phiếu , cổ phiếu đó.

– Đối với khoản thu nhập từ nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con , công ty liên doanh , công ty liên kết , doanh thu được ghi nhận vào tài khoản 515 là số chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá gốc.

1.1.1.3. Thu nhập khác.**1.1.1.3.1. Khái niệm :**

Thu nhập khác là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện, hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên như: doanh thu về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, giá trị các vật tư, tài sản thừa trong sản xuất; các khoản nợ vắng chủ hay nợ không ai

đòi, hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, nợ khó đòi, tiền được phạt, thu chuyển quyền sở hữu trí tuệ...

1.1.2. Về chi phí cho hàng bán ra.

1.1.2.1. Khái niệm chung về chi phí

Chi phí : Là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một kỳ kế toán nhất định.

1.1.2.2. Vai trò, vị trí của chi phí trong các doanh nghiệp

- Chi phí đóng vai trò quan trọng nhất trong các doanh nghiệp. Chi phí giảm thì lợi nhuận sẽ tăng. Vì vậy việc giảm chi phí một cách hợp lý là nhiệm vụ sống còn đối với mỗi doanh nghiệp.

1.1.2.3. Giá vốn hàng bán và chi phí cho hàng bán ra.

– Giá vốn hàng bán :

Là trị giá vốn của sản phẩm , vật tư , hàng hoá lao vụ , dịch vụ tiêu thụ . Đối với sản phẩm , lao vụ , dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất (giá thành công xưởng) hay chi phí sản xuất . Với vật tư tiêu thụ giá vốn là giá trị ghi sổ , còn với hàng hoá tiêu thụ , giá vốn bao gồm trị giá mua của hàng hoá tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.

Việc xác định giá vốn hàng bán là hết sức quan trọng , nó có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh , đặc biệt trong nền kinh tế thị trường hiện nay còn nhiều biến động thì các doanh nghiệp càng phải quan tâm trong việc lựa chọn phương pháp xác định giá vốn thích hợp cho mình sao cho có lợi ích nhất mà vẫn phản ánh đúng trị giá vốn của hàng hoá theo quy định của bộ tài chính.

– Chi phí cho hàng bán ra :

Chi phí cho hàng bán ra bao gồm :

- + Chi phí bán hàng
- + Chi phí quản lý doanh nghiệp
- * Chi phí bán hàng :

Là bộ phận của chi phí lưu thông phát sinh dưới hình thái tiền tệ để thực hiện các nghiệp vụ bán hàng hoá . Chi phí bán hàng bao gồm những khoản chi phí phát

sinh có liên quan đến hoạt động tiêu thụ như : chi phí nhân viên bán hàng , vận chuyển , bao bì , hàng hoá trả đại lý.

* Chi phí quản lý doanh nghiệp:

Chi phí quản lý doanh nghiệp là một loại chi phí thời kỳ được tính khi hạch toán lợi tức thuần . Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí chung cho quản lý văn phòng và các khoản kinh doanh không gắn với các địa chỉ cụ thể trong cơ cấu tổ chức kinh doanh của doanh nghiệp cũng như chi lương nhân viên quản lý , đồ dùng văn phòng , chi tiếp khách...

1.1.3 Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp

1.1.3.1. Khái niệm.

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp : Là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả của hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

Có thể khái quát mối quan hệ chặt chẽ giữa doanh thu, chi phí và kết quả sản xuất kinh doanh bằng sơ đồ dưới đây:

Lãi thuần	Thuế thu nhập DN		
Lãi trước thuế		Chi phí quản lý và chi phí bán hàng	
Lãi gộp		Trị giá vốn hàng bán	
Doanh thu thuần bán hàng			- Chiết khấu bán hàng - Giảm giá, trả lại - Thuế TTĐB
Doanh thu bán hàng			

1.1.3.2. Cách xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và chi phí khác.

Công thức tổng quát của kết quả hoạt động kinh doanh :

$$\begin{array}{rcccl} \text{Kết quả hoạt động} & & \text{Thu nhập} & & \text{Thu nhập} \\ \text{kinh doanh} & = & \text{bán hàng} & + & \text{hoạt động} & + & \text{Thu nhập khác} \\ & & & & \text{tài chính} & & \end{array}$$

Hoặc:

$$\text{Kết quả HĐKD} = \text{Doanh thu thuần} - \text{Giá vốn} - \text{Chi phí BH} - \text{Chi phí QLDN} + (\text{Doanh thu HĐTC} - \text{Chi phí HĐTC}) + (\text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác})$$

1.1.3.3 .Vai trò, ý nghĩa của kết quả hoạt động kinh doanh.

- Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển đều phải hoạt động theo quy tắc “lấy thu bù chi và có lãi”. Lãi là chỉ tiêu chất lượng tổng hợp quan trọng của các doanh nghiệp, nó thể hiện kết quả kinh doanh và chất lượng hoạt động của doanh nghiệp. Xác định kết quả kinh doanh và việc so sánh doanh thu thu được với chi phí, nếu doanh thu lớn hơn chi phí thì doanh nghiệp có lãi và ngược lại doanh nghiệp sẽ bị lỗ.

- Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp, là một chỉ tiêu kinh tế quan trọng không chỉ cần thiết cho doanh nghiệp mà còn cần thiết cho các đối tượng khác cần quan tâm như các nhà đầu tư, ngân hàng, người lao động, nhà quản lý...

- Xác định kết quả kinh doanh là cơ sở xác định các chỉ tiêu kinh tế tài chính, đánh giá tình hình của doanh nghiệp: Xác định số vòng luân chuyển vốn, xác định tỷ suất lợi nhuận trên doanh nghiệp...Ngoài ra nó còn là cơ sở để xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước, xác định cơ cấu phân chia và sử dụng hợp lý, hiệu quả số lợi nhuận thu được, giải quyết hài hoà giữa các lợi ích kinh tế Nhà nước, tập thể và cá nhân người lao động.

Tóm lại , việc xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa sống còn với doanh nghiệp tránh hiện tượng “lãi giả lỗ thật” . hơn nữa nó còn có ý nghĩa với toàn bộ nền

kinh tế quốc dân giúp cho các nhà hoạch định chính sách của nhà nước có thể tổng hợp phân tích số liệu và đưa ra các thông số cần thiết giúp chính phủ có thể điều tiết ở tầm vĩ mô được tốt hơn , tạo nguồn thu cho Ngân sách nhà nước, thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế.

1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh

- Tổ chức theo dõi , ghi chép , phản ánh chính xác đầy đủ kịp thời và giám đốc chặt chẽ tình hình nhập – xuất – tồn kho của từng loại hàng hoá trên cả hai mặt hiện vật và giá trị

- Tham gia kiểm kê , đánh giá, lập báo cáo về tình hình tiêu thụ sản phẩm , kết quả bán hàng và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp.

- Xác định đúng và tập hợp đầy đủ chi phí bán hàng phát sinh trong quá trình bán hàng cũng như chi phí quản lý doanh nghiệp , phân bổ chi phí cho các loại hàng tiêu thụ hợp lý để xác định kết quả bán hàng.

- Xác định chính xác giá mua thực tế (giá gốc) của lượng hàng đã bán đồng thời phân bổ chi phí thu mua cho hàng bán nhằm xác định kết quả bán hàng.

- Theo dõi phản ánh chính xác đầy đủ , kịp thời tổng giá thanh toán của hàng bán ra bao gồm cả doanh thu bán hàng , các khoản giảm trừ doanh thu , thuế GTGT đầu ra của từng nhóm mặt hàng , từng hoá đơn , từng khách hàng , từng đơn vị trực thuộc .

- Xác định đúng thời điểm hàng hoá được coi là tiêu thụ để kịp thời lập báo cáo bán hàng và phản ánh doanh thu . Báo cáo thường xuyên , kịp thời tình hình bán hàng và thanh toán với khách hàng chi tiết từng loại , từng hợp đồng kinh tế nhằm giám sát chặt chẽ hàng bán về số lượng , chất lượng , chủng loại , đơn đốc thu tiền khách hàng về nhập quỹ.

- Tổ chức hệ thống chứng từ ban đầu và trình tự luân chuyển chứng từ hợp lý , các chứng từ ban đầu phải đầy đủ , luân chuyển khoa học hợp lý không quá phức tạp mà vẫn đảm bảo yêu cầu quản lý , nâng cao hiệu quả công tác kế toán.

- Lập và báo cáo kết quả bán hàng đúng chế độ , kịp thời cung cấp các thông tin kinh tế cần thiết cho các bộ phận liên quan , đồng thời tiến hành phân tích kinh tế đối với hoạt động bán hàng và xác định kết quả bán hàng , từ đó tham mưu cho Ban Lãnh Đạo về các

giải pháp nhằm thúc đẩy quá trình bán hàng.

1.2. Tổ chức hạch toán kế toán doanh thu , chi phí , xác định kết quả kinh doanh.

1.2.1. Kế toán doanh thu.

1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

1.2.1.1.1. Kế toán chi tiết doanh thu bán hàng.

a) Chứng từ kế toán sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Hóa đơn bán hàng
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng...)
- Các chứng từ tính thuế
- Chứng từ liên quan khác: phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng trả lại...

+ Căn cứ vào các chứng từ bán hàng là các hoá đơn bán hàng kèm giấy đề nghị mua hàng, kế toán tiêu thụ thành phẩm sẽ tiến hành ghi sổ chi tiết bán hàng cho từng loại thành phẩm . Ngoài giá bán thực tế hàng tiêu thụ trong kỳ , kế toán phải theo dõi các khoản phí thu thêm , hoặc các khoản trợ giá , phụ thu theo quy định của nhà nước.

+ Sổ chi tiết bán hàng theo dõi chi tiết số lượng cũng như giá trị từng loại sản phẩm được tiêu thụ trong kỳ . Các sổ chi tiết này đồng thời cũng phải theo dõi doanh thu của số hàng bán bị trả lại , các khoản giảm giá , bớt giá , hồi khấu cho khách hàng

+ Từ hoá đơn bán hàng , kế toán xác định số thuế GTGT đầu ra (đối với các doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ , hoặc thuế tiêu thụ đặc biệt (TTTĐB) đối với doanh nghiệp sản xuất mặt hàng chịu thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu cho từng loại sản phẩm . Cuối kỳ , kế toán lập bảng tổng hợp thuế GTGT , thuế TTĐB , Thuế XK cho tất cả số thành phẩm tiêu thụ trong kỳ.

+ Căn cứ vào hoá đơn bán hàng và phiếu thu kế toán sẽ vào sổ thanh toán với người mua . Sổ chi tiết thanh toán với người mua được mở trang riêng cho tất cả khách hàng thường xuyên và mở trang riêng cho các khách hàng không thường xuyên. Ngoài ra kế toán phải theo dõi thời hạn thanh toán cũng như các khoản chiết khấu , giảm giá cho khách hàng . Qua đó , nhân viên phụ trách công nợ sẽ có kế

hoạch đôn đốc khách hàng trả nợ đúng hạn.

– Một số mẫu chứng từ được sử dụng chủ yếu :

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT-3LL		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		DT/2010B		
Liên 3 : Nội bộ		0000888		
Ngày Tháng Năm				
Đơn vị bán hàng:.....				
Địa chỉ:.....				
Tài khoản :				
Điện thoại :MS :				
Họ tên người mua hàng:.....				
Tên đơn vị :				
Địa chỉ :				
Số tài khoản :				
Hình thức thanh toán :.....MS:				
Tên hàng hóa , dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
B	C	1	2	3=1X2
Cộng tiền hàng :				
Thuế suất GTGT:10% Tiền thuế GTGT :				
Tổng cộng tiền thanh toán :				
Tiền viết bằng chữ :				
Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị		
(ký , ghi rõ họ tên)	(ký , ghi rõ họ tên)	(ký , đóng dấu , ghi rõ họ tên)		

Công ty CP VT & TM Xuân Trường Hai
Số 4 Nguyễn Bình Khiêm- Q.Hải An- HP

PHIẾU THU SỐ 03/05
Ngày 31 tháng 05 năm 2010
Nợ TK : 111
Có TK : 511, 33311

Mẫu số 01-TT
QĐ Số :48/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 Của Bộ
Trưởng Bộ Tài Chính

Họ và tên người nộp tiền :.....

Địa chỉ :

Lý do nộp tiền :

Số Tiền :.....

Kèm theo :Chứng từ gốc.....

Ngày tháng năm

Giám đốc (ký , họ tên , đóng dấu)	Kế toán trưởng (ký , họ tên)	Người lập (ký , họ tên)	Người nhận (ký , họ tên)	Thủ quỹ (ký , họ tên)
--	-----------------------------------	------------------------------	-------------------------------	----------------------------

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ).....

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng , bạc , đá quý).....

+ Số tiền quy đổi :.....

b) Sổ sách sử dụng.

- Bảng kê, hóa đơn chứng từ hàng hóa dịch vụ bán ra.
- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi (mẫu 14 – BH).
- Báo cáo bán hàng.
- Sổ cái TK 511, TK512.
- Bảng cân đối số phát sinh.
- Báo cáo tài chính.

1.2.1.1.2. Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng

- Tài khoản sử dụng :

Phản ánh các khoản liên quan đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ kế toán sử dụng các tài khoản sau:

*** Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hoá mua vào và bán bất động sản đầu tư
- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động...

*** Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 511.**

- + Bên nợ : - Các khoản khấu trừ doanh thu theo chế độ.
 - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản xác định kết quả kinh doanh.
- + Bên có : Doanh thu bán hàng theo hợp đồng thực hiện trong kỳ hạch toán (giá bán chưa có thuế , nếu nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ hoặc nộp thuế theo phương pháp trực tiếp)

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

- Tài khoản 511 có 5 tài khoản cấp 2 :
 - TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá

TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm

TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá

TK 5117: Doanh thu bất động sản đầu tư

* **Tài khoản 512** “ Doanh thu bán hàng nội bộ ” là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, Tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

TK 512 không có số dư cuối kỳ.

* **Tài khoản 3331** - Thuế GTGT chi tiết TK 33311 – Thuế GTGT đầu ra

Tài khoản này áp dụng chung cho đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế và đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

* **TH 1: Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức bán hàng trực tiếp**

Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quầy, hay tại phân xưởng sản xuất của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hoá đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức coi là tiêu thụ.

* Bán buôn

- Bán buôn hàng hoá là việc bán hàng cho các đơn vị thương mại hoặc bán cho các đơn vị sản xuất để tiếp tục sản xuất. Đặc điểm của nhiệm vụ bán buôn hàng hoá hàng hoá chưa đến tay người tiêu dùng, giá trị và giá trị sử dụng hàng hoá chưa được thực hiện đầy đủ.

+ Bán buôn qua kho: hàng hoá được tập trung tại kho của doanh nghiệp trước khi đem tiêu thụ.

- Đối với hình thức bán trực tiếp, khi người mua nhận được hàng theo hợp đồng, ký nhận vào các giấy tờ có liên quan. Khi đó hàng hóa không thuộc sở hữu của doanh nghiệp nữa, hàng hoá được xác định là tiêu thụ, doanh nghiệp ghi nhận doanh thu chưa thuế đồng thời phản ánh thuế GTGT đầu ra phải nộp tính trên doanh thu ghi nhận.

- Đối với hình thức bán buôn qua kho theo hình thức gửi hàng, khi giao hàng cho khách, hàng vẫn thuộc sở hữu của doanh nghiệp, chỉ khi khách hàng thanh toán

hoặc chấp nhận thanh toán thì số hàng đó mới được chấp nhận là tiêu thụ. Kế toán ghi nhận doanh thu theo giá bán chưa có thuế GTGT.

+ Bán buôn hàng hoá vận chuyển thẳng: Doanh nghiệp thương mại sau khi mua hàng, nhận hàng mua không đem về nhập kho và vận chuyển thẳng cho bên mua. Xét về đối tượng tham gia có ít nhất 3 đối tượng tham gia mua bán.

- Nếu bên bán có tham gia thanh toán: Doanh nghiệp mua hàng của nhà cung cấp và chuyên đi bán thẳng cho bên mua hàng, phương tiện vận tải tự có hoặc thuê ngoài. Hàng hoá gửi đi vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi nào bên mua nhận được hàng và chấp nhận thanh toán thì doanh nghiệp mới ghi nhận doanh thu. Chi phí vận chuyển doanh nghiệp chịu hay bên mua phải trả tùy thuộc vào hợp đồng ký giữa hai bên.

- Trường hợp bán hàng vận chuyển thẳng không tham gia thanh toán: Nếu không tham gia thanh toán, kế toán chỉ theo dõi số hoa hồng hưởng từ nhiệm vụ môi giới hàng cho nhà cung cấp hoặc cho khách hàng.

* Bán lẻ:

- Trong khâu bán lẻ, chủ yếu là bán thu bằng tiền mặt và thường thì hàng hoá xuất giao cho khách hàng và thu tiền trong cùng một thời điểm. Vì vậy thời điểm tiêu thụ đối với khâu bán lẻ thường được tiến hành theo các phương thức sau:

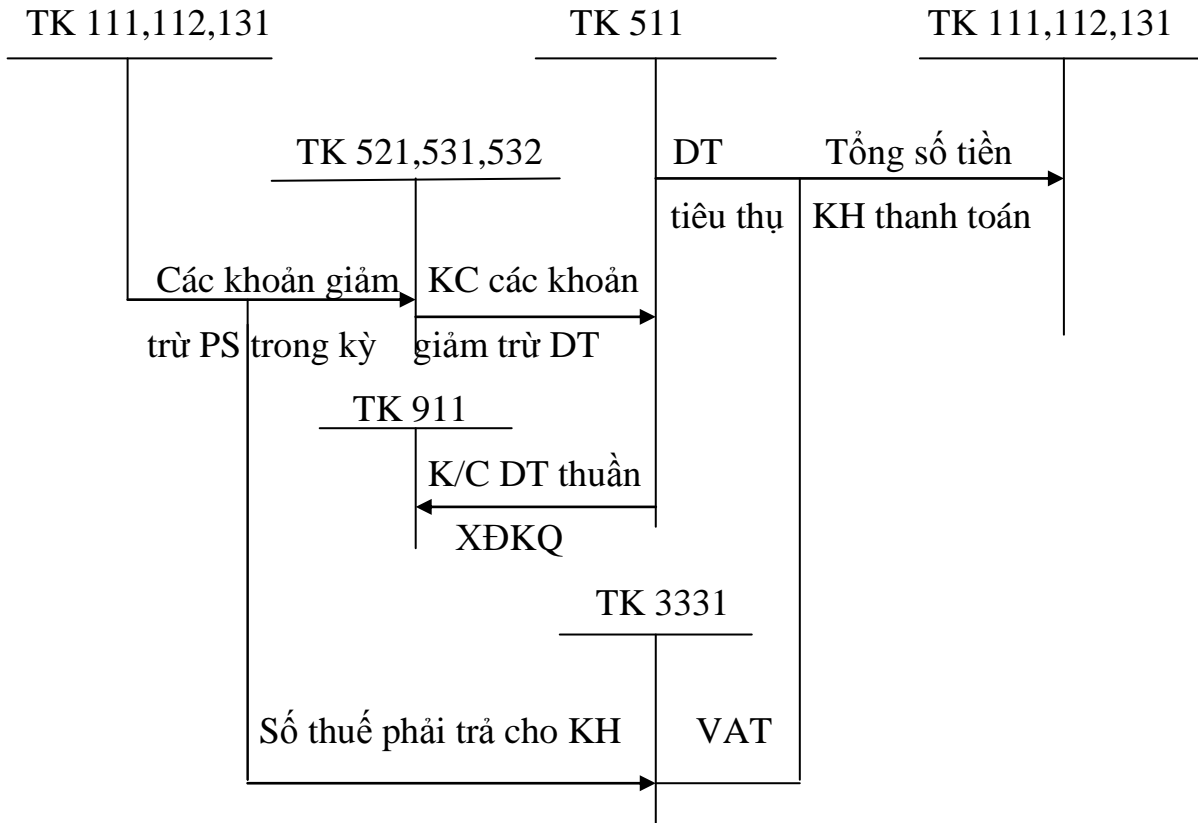
- Phương thức bán hàng thu tiền tập trung: Phương thức này tách rời nhân viên bán hàng và nhiệm vụ thu tiền. Nhân viên thu ngân có nhiệm vụ viết hoá đơn thu tiền và giao hàng cho khách hàng để khách hàng đến giao nhận hàng ở quầy do nhân viên bán hàng giao.

Cuối mỗi ca hoặc cuối ngày, nhân viên thu ngân tổng hợp tiền, kiểm tra tiền và xác định doanh số bán. Nhân viên bán hàng căn cứ vào số lượng hàng đã giao theo hoá đơn để lập báo cáo bán hàng, đối chiếu với số hàng hoá còn để xác định số hàng thừa thiếu.

- Bán hàng thu tiền trực tiếp: Nhân viên bán hàng trực tiếp thu tiền và giao cho khách hàng. Cuối mỗi ca, nhân viên bán hàng kiểm tiền làm giấy nộp tiền, kiểm kê hàng hoá hiện còn ở quầy và xác định lượng hàng hoá bán ra trong ca(ngày). Sau đó,

lập báo cáo bán hàng để xác định doanh số bán, đối chiếu với số lượng đã nộp theo giấy nộp tiền.

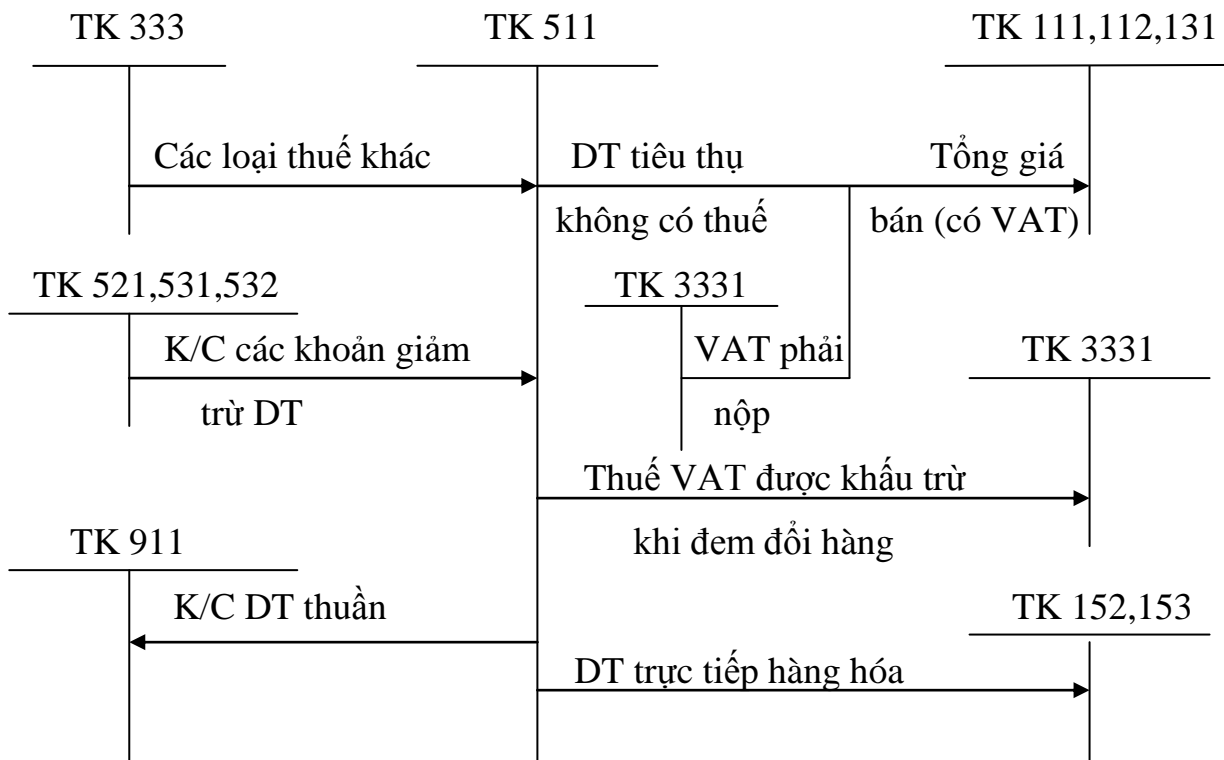
Sơ đồ 1: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trực tiếp



*** TH 2: Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức chuyển hàng chờ nhận**

Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng, số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Chỉ khi nào được người mua chấp nhận thanh toán một phần hay toàn bộ số hàng chuyển giao, thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ và bên bán mất quyền sở hữu.

Sơ đồ 2: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức chuyển hàng chờ chấp nhận



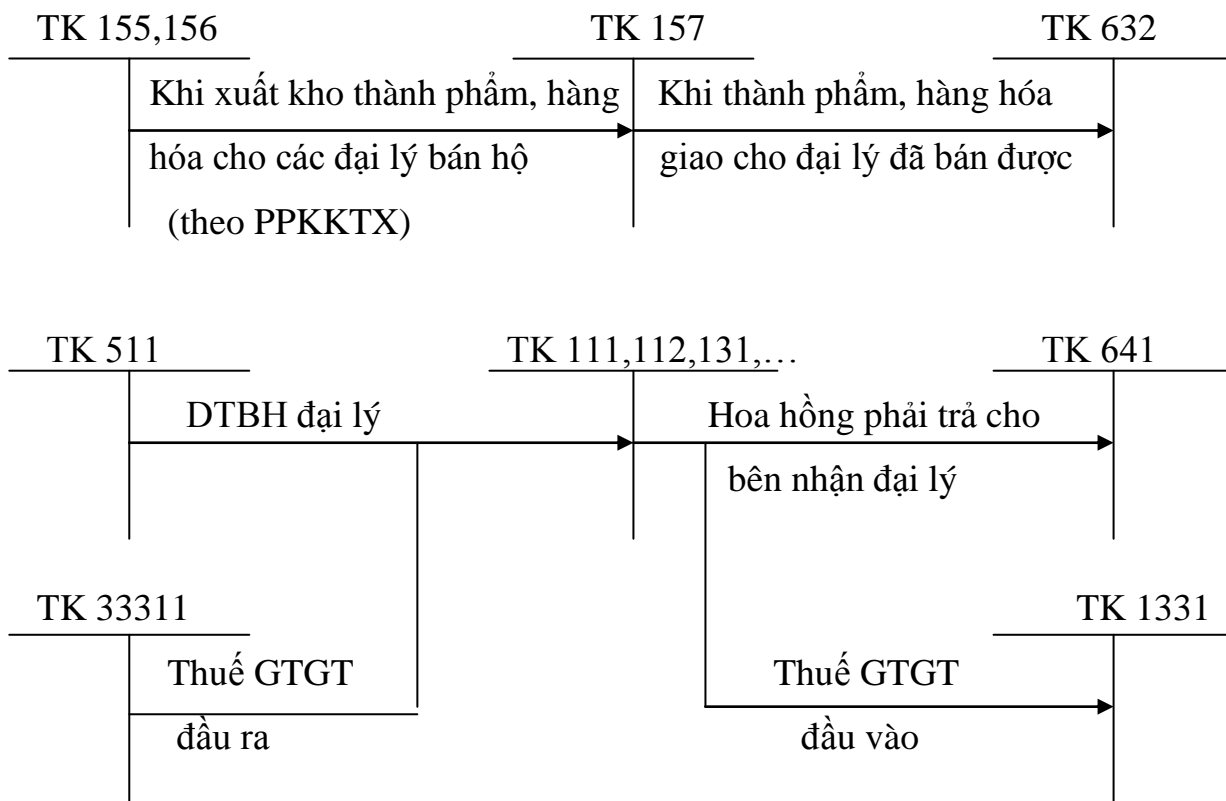
*** TH 3: Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng**

Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán, bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

- Đối với bên giao đại lý: Doanh nghiệp giao hàng cho bên nhận đại lý, bên đó sẽ trực tiếp bán hàng, thanh toán cho doanh nghiệp và nhận hoa hồng. Doanh nghiệp có nhiệm vụ nộp thuế GTGT, thuế TTĐB (nếu có) trên tổng giá trị hàng gửi bán không được trừ phần hoa hồng phải trả cho bên nhận đại lý. Khoản hoa hồng được coi như khoản chi phí và được hạch toán vào TK 641.

- Đối với bên nhận đại lý: Với số hàng bán đại lý không phải sở hữu của doanh nghiệp nhưng doanh nghiệp cũng có trách nhiệm bảo quản và bán hộ và được hưởng hoa hồng như trong hợp đồng đã ký.

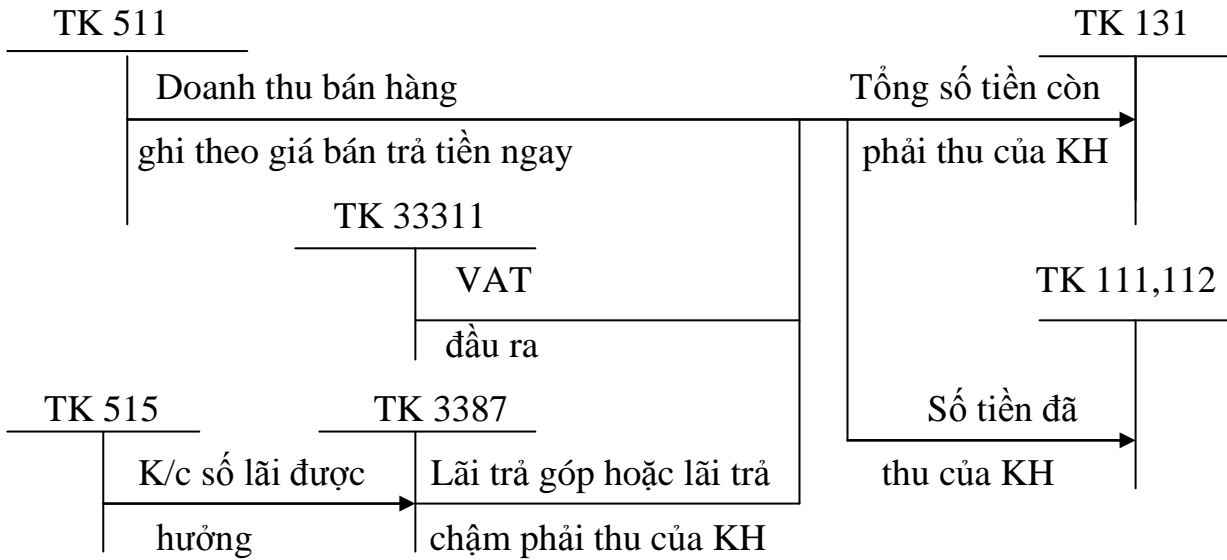
Sơ đồ 3: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng.



*** TH 4: Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả góp, trả chậm**

Là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền trả chậm phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Về mặt hạch toán, khi giao hàng cho người mua thì hàng được coi là tiêu thụ (về thực chất, người bán chỉ mất quyền sở hữu khi người mua trả hết tiền).

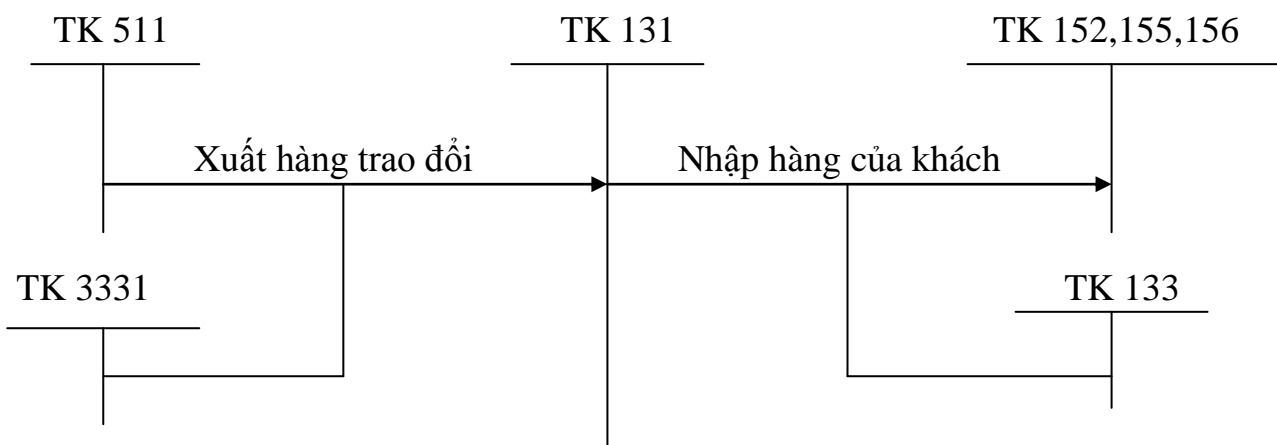
Sơ đồ 4: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả góp, trả chậm.



*** TH 5: Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng không tương tự.**

Khi doanh nghiệp xuất hàng trao đổi cho khách, kế toán phải ghi nhận doanh thu bán hàng và tính thuế GTGT đầu ra. Khi doanh nghiệp nhận hàng của khách kế toán ghi hàng nhập kho và tính thuế GTGT đầu vào.

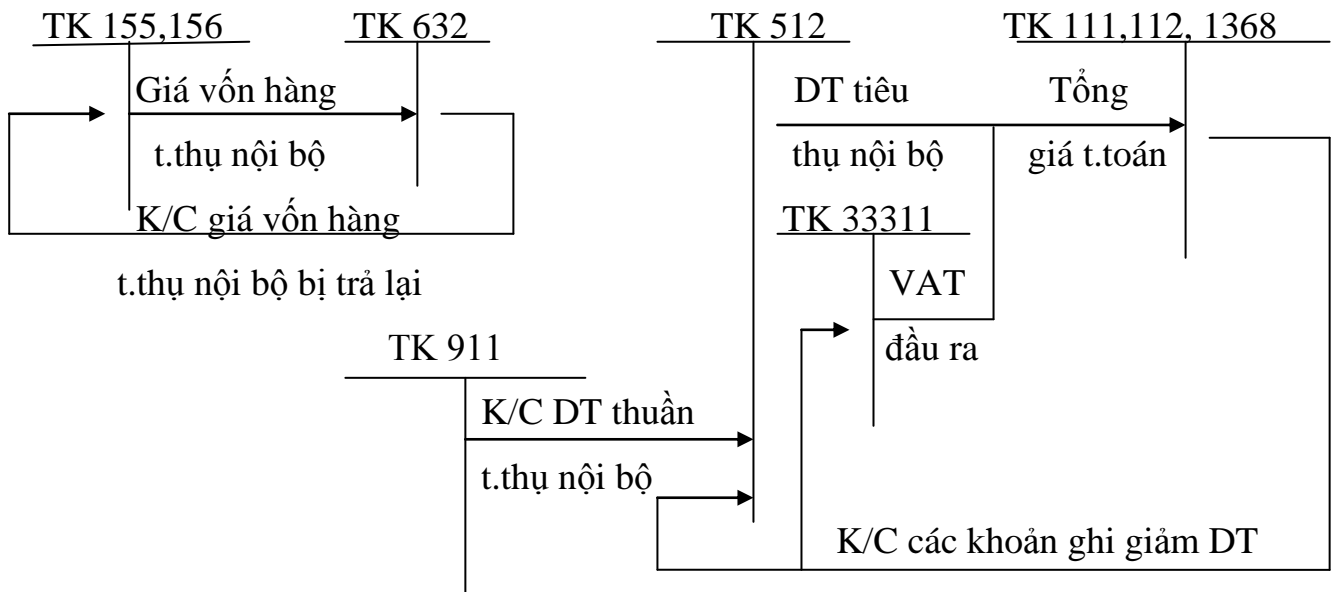
Sơ đồ 5: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng không tương tự



*** TH 6: Kế toán doanh thu bán hàng nội bộ**

Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ giữa các đơn vị chính với các đơn vị trực thuộc hay giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong một công ty, tổng công ty...

Sơ đồ 6: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức tiêu thụ nội bộ.



1.2.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

1.2.1.2.1. Kế toán chi tiết doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm: tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, thu nhập từ các hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán và doanh thu từ các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- Chứng từ, sổ sách sử dụng:

- + Giấy báo có, giấy báo nợ
- + Phiếu chi
- + Các chứng từ khác liên quan (nếu có)
- + Sổ Nhật ký chung.
- + Sổ cái Tk 515
- + Sổ chi tiết TK 515

*** Cách xác định doanh thu hoạt động tài chính :**

– Đối với các khoản doanh thu từ hoạt động mua bán , bán chứng khoán , doanh thu được ghi nhận là số chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá gốc , số lãi về trái phiếu , tín phiếu hoặc cổ phiếu.

– Đối với khoản doanh thu từ hoạt động mua , bán ngoại tệ , doanh thu được ghi nhận là số chênh lệch lãi giữa giá ngoại tệ bán ra và giá ngoại tệ mua vào.

– Đối với khoản tiền lãi đầu tư nhận được từ khoản đầu tư cổ phiếu , trái phiếu thì chỉ có phần tiền lãi của các kì mà doanh nghiệp mua lại khoản đầu tư này mới được ghi nhận là doanh thu phát sinh trong kì , còn khoản lãi đầu tư nhận được từ các khoản lãi đầu tư dồn tích trước khi doanh nghiệp mua lại khoản đầu tư đó thì ghi giảm giá gốc khoản đầu tư trái phiếu , cổ phiếu đó.

– Đối với khoản thu nhập từ nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con , công ty liên doanh , công ty liên kết , doanh thu được ghi nhận vào tài khoản 515 là số chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá gốc.

1.2.1.2.2. Kế toán tổng hợp doanh thu hoạt động tài chính:

TK sử dụng : – TK 515

Nội dung và kết cấu TK 515

+ **Bên Nợ** :

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 – “ xác định kết quả kinh doanh ”

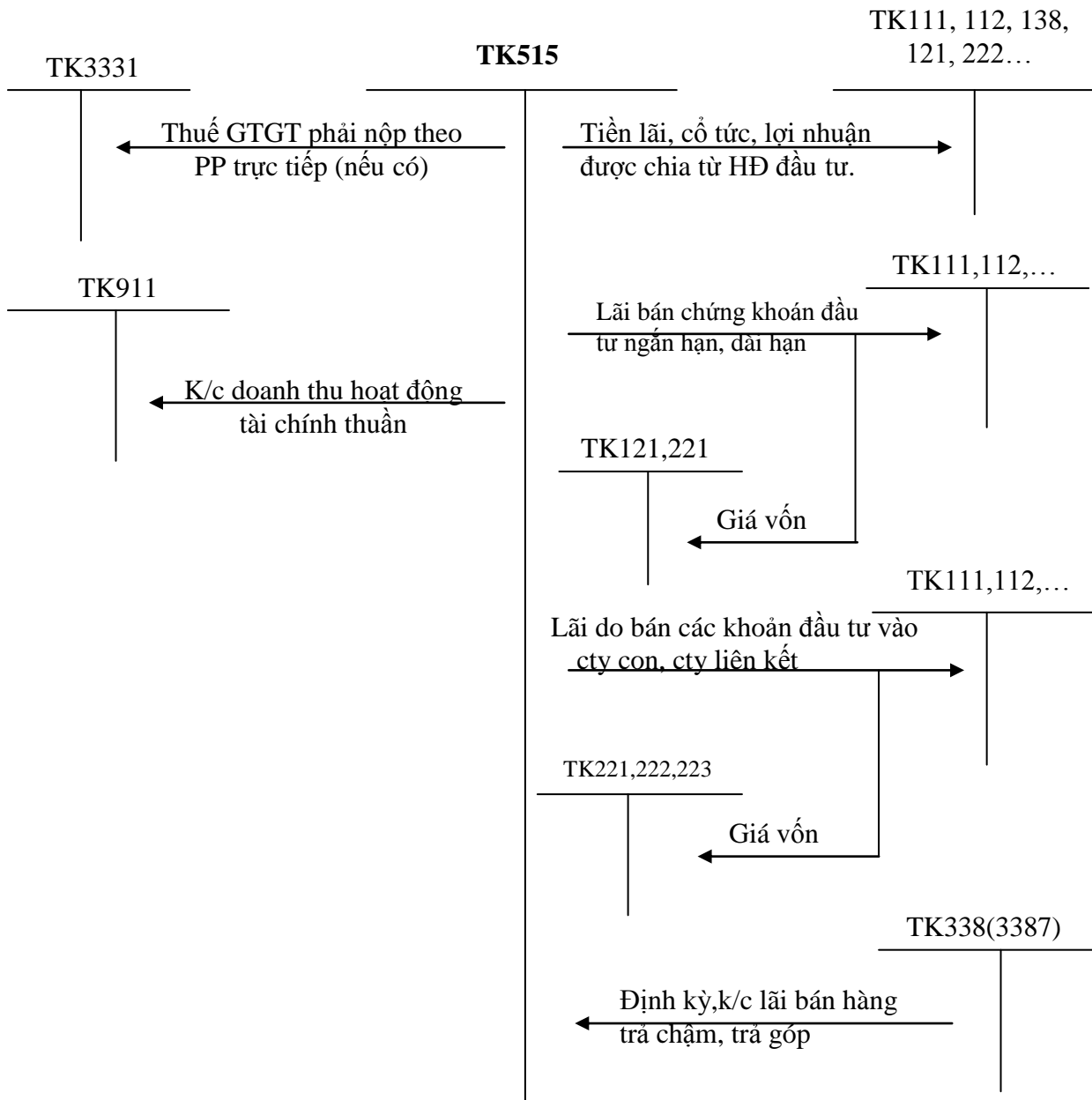
+ **Bên Có** :

- Tiền lãi , cổ tức và lợi nhuận được chia .
- Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kì của hoạt động kinh doanh.
- Lãi tỉ giá phát sinh khi bán ngoại tệ .
- Lãi tỉ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh .
- Kết chuyển hoặc phân bổ tỉ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu TC

- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kì.

❖ **Sơ đồ hạch toán:**

Sơ đồ 7: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính



1.2.1.3. Kế toán thu nhập khác.

1.2.1.3.1. kế toán chi tiết thu nhập khác:

Nội dung : Thu nhập khác là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện, hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên như: doanh thu về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, giá trị các vật tư, tài sản thừa trong sản xuất; các khoản nợ vắng chủ hay nợ không ai đòi, hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, nợ khó đòi, tiền được phạt, thu chuyên quyền sở hữu trí tuệ...

- chứng từ , sổ sách sử dụng :

- + Biên bản thanh lý TSCĐ
- + Phiếu thu
- + Các chứng từ có liên quan (nếu có)
- + Sổ Nhật ký chung
- + Sổ cái TK 711.

1.2.1.3.2. Kết toán tổng hợp thu nhập khác :

TK sử dụng : TK 711 - “ Thu nhập khác ”

Nội dung và kết cấu TK 711:

Bên Nợ :

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

Cuối kì kế toán , kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kì sang TK 911 - “ Xác định kết quả kinh doanh ”

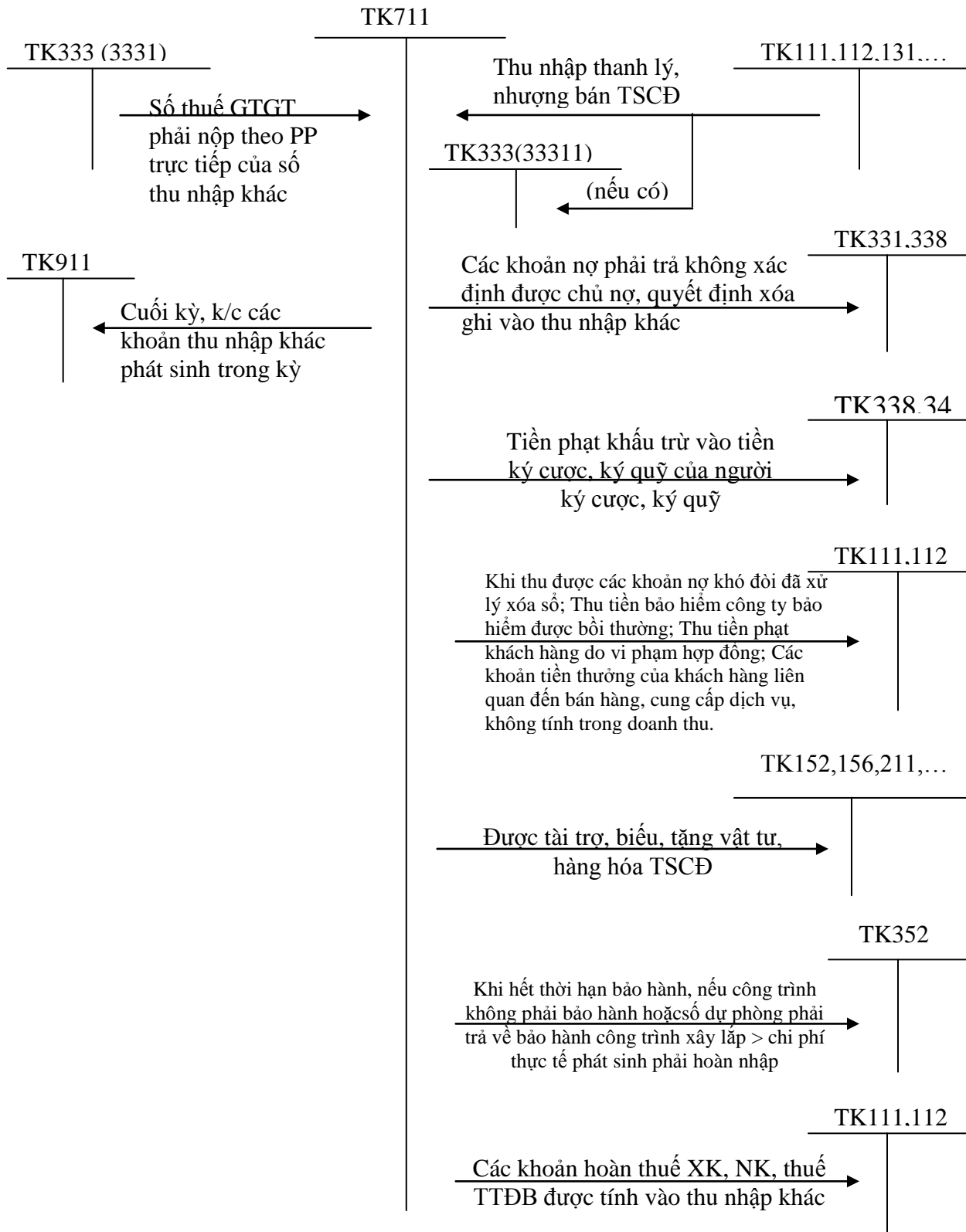
Bên Có :

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kì.

TK này không có số dư cuối kì .

❖ Sơ đồ hạch toán:

Sơ đồ 8: Kế toán thu nhập khác



1.2.2. Kế toán giá vốn và chi phí hàng bán ra .

1.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán.

1.2.2.1.1. Kế toán chi tiết giá vốn hàng bán.

- Nội dung : Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm , hàng hoá , dịch vụ , bất động sản đầu tư , giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ.

- Các chứng từ , sổ sách ghi chép :

+ Phiếu xuất kho

+ Hợp đồng kiểm phiếu xuất kho

+ Bảng kê mua hàng

- Các chứng từ thanh toán như : phiếu thu , séc chuyển khoản , séc thanh toán , uỷ nhiệm thu , giấy báo có của ngân hàng...

Để theo dõi giá vốn hàng bán , chứng từ ban đầu là phiếu xuất kho , khi xuất hàng hoá , thành phẩm kế toán phải lập phiếu xuất kho làm căn cứ để xuất hàng hoá đồng thời là cơ sở vào sổ chi tiết vật liệu , công cụ , thành phẩm , hàng hoá . Đồng thời phải ghi nhận về số lượng hiện vật

Khi bán hàng cửa hàng lập bộ chứng từ gồm phiếu xuất kho , hoá đơn GTGT , phiếu thu và ghi nhận giá vốn hàng bán ra qua TK 632 . Cuối tháng kế toán tổng hợp giá vốn hàng bán toàn công ty , dùng bảng tổng hợp nguyên vật liệu , công cụ thành phẩm , hàng hoá , để lập báo cáo bán hàng.

- Phương pháp xác định giá vốn hàng bán

Trị giá vốn hàng bán được sử dụng để xác định kết quả kinh doanh là toàn bộ chi phí kinh doanh liên quan đến quá trình bán hàng, bao gồm: Trị giá vốn hàng xuất kho, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

Đối với doanh nghiệp sản xuất, trị giá vốn thành phẩm xuất kho để bán hoặc thành phẩm hình thành không nhập kho đưa đi bán ngay chính là giá thành sản phẩm thực tế của sản phẩm hoàn thành.

Đối với doanh nghiệp thương mại, trị giá vốn hàng xuất kho để bán bao gồm: Trị giá mua thực tế và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán.

Việc tính trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán được tính theo một trong

bốn phương pháp sau:

*** Phương pháp tính theo giá đích danh**

Được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được từng lô hàng. Phương pháp này căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô hàng nào và đơn giá thực tế của lô hàng đó.

*** Phương pháp bình quân gia quyền**

Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho được căn cứ vào số lượng vật tư xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền, theo công thức:

$$\text{Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho} = \frac{\text{Số lượng hàng xuất kho}}{\text{Số lượng hàng xuất kho}} * \text{Đơn giá bình quân}$$

+ Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ :

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá mua thực tế của hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị mua thực tế của hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

+ Đơn giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (Bình quân gia quyền liên hoàn)

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá vốn thực tế hàng hóa tồn sau lần nhập } i}{\text{Số lượng hàng hóa thực tế tồn sau lần nhập } i}$$

*** Phương pháp nhập trước - xuất trước**

Áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được nhập trước thì được xuất trước và lấy đơn giá xuất kho bằng đơn giá nhập kho. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở những lần nhập sau cùng.

*** Phương pháp nhập sau - xuất trước**

Áp dụng dựa trên giả định là hàng nào nhập sau thì được xuất trước, lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Theo phương pháp này thì giá trị lô hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, trị giá hàng tồn kho được tính theo giá của lô hàng những lần nhập đầu tiên.

1.2.2.1.2. Kế toán tổng hợp giá vốn hàng bán.**- Tài khoản sử dụng :**

+ TK 156 – Hàng hóa: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động của các loại hàng hóa của doanh nghiệp bao gồm hàng hóa tại kho, quầy hàng, hàng hóa bất động sản.

TK 156 có 3 tài khoản cấp 2

+ TK 157 – Hàng gửi bán: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hàng hóa, thành phẩm đã gửi cho khách hàng hoặc nhờ bán đại lý, ký gửi; hàng hóa, sản phẩm chuyển cho các đơn vị cấp dưới hạch toán phụ thuộc để bán; trị giá dịch vụ đã hoàn thành, bàn giao cho người đặt hàng nhưng chưa được chấp nhận thanh toán. Tài khoản này được dùng cho tất cả các đơn vị sản xuất, kinh doanh thuộc mọi lĩnh vực.

+ TK 611 – Mua hàng: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá nguyên liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa mua vào nhập kho hoặc đưa vào sử dụng trong kỳ.

TK 611 chỉ áp dụng đối với DN kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

TK 611 không có số dư và có 2 TK chi tiết cấp 2

+ TK 632 : Giá vốn hàng bán: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kì.

Ngoài ra, TK này còn phản ánh trị giá hàng hoá, sản phẩm đã được gửi hoặc chuyển tới khách hàng nhờ bán đại lý, ký gửi, nhưng chưa được chấp nhận thanh toán.

Kết cấu TK 632:

+ Bên nợ : - Kết chuyển trị giá vốn thành phẩm chưa tiêu thụ đầu kỳ
- Tổng giá thành sản phẩm , dịch vụ sản xuất hoàn thành trong kỳ.

+ Bên có : - Kết chuyển giá vốn hàng chưa tiêu thụ cuối kỳ
- Kết chuyển trị giá vốn hàng tiêu thụ trong kỳ

Để phù hợp với đặc điểm kinh doanh của mình , công ty đã áp dụng phương pháp “ **Kê Khai Thường Xuyên** ” , với phương pháp này , công ty có thể theo dõi sát sao tình hình nhập xuất sản phẩm phục vụ các thông tin quản trị kịp thời và **tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.**

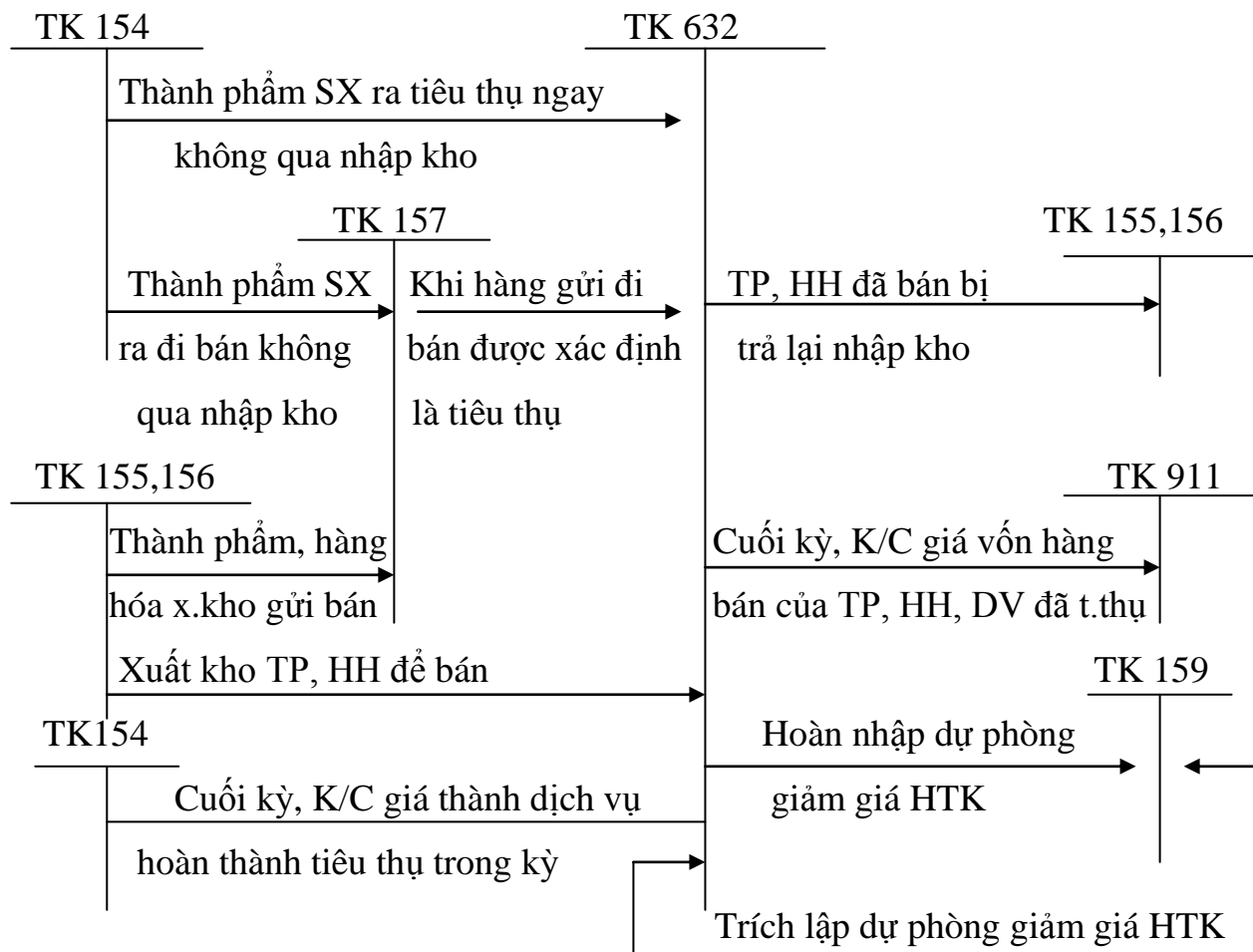
Hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kê khai thường xuyên (KKTX) :

+ Phương pháp KKTX là phương pháp kế toán tổ chức ghi chép một cách thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho và tồn kho của hàng hóa trên từng tài khoản kế toán theo từng chứng từ nhập – xuất.

+ Việc xác định trị giá vốn thực tế xuất kho được căn cứ tiếp vào các chứng từ xuất kho và thông qua một trong bốn phương pháp tính trị giá vốn của hàng xuất kho đã được trình bày ở phần trên.

+ Trị giá vốn của hàng hóa tồn kho trên tài khoản, sổ kế toán được xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

Sơ đồ 9: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKTX



*** Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ (KKĐK) :**

- Phương pháp kiểm kê định kỳ là: phương pháp kế toán không tổ chức ghi chép một cách thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho, và tồn kho của hàng hóa trên các tài khoản hàng tồn kho. Các TK này chỉ phản ánh trị giá vốn của

hàng hóa đầu kỳ và cuối kỳ.

- Phương pháp KKĐK phản ánh trị giá vốn thực tế của hàng hóa nhập kho, xuất kho hàng ngày được phản ánh theo dõi trên TK 611 – Mua hàng, xác định trị giá vốn của hàng hóa xuất kho không căn cứ vào các chứng từ xuất kho, mà căn cứ vào kết quả kiểm kê cuối kỳ và tính theo công thức:

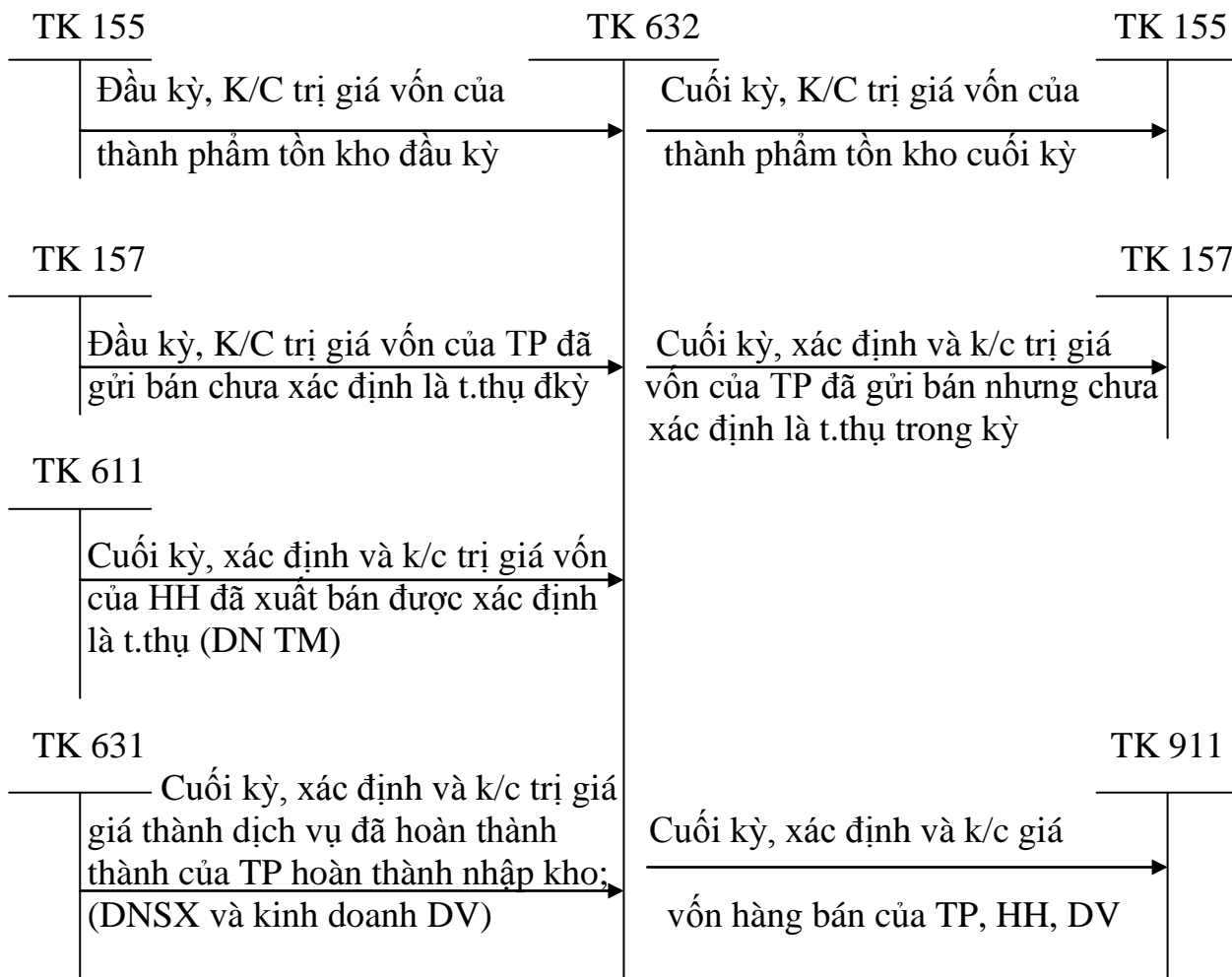
$$\begin{array}{ccccccc} \text{Số lượng hàng} & & \text{Số lượng hàng} & & \text{Số lượng hàng} & & \text{Số lượng hàng} \\ \text{xuất kho} & = & \text{tồn đầu kỳ} & + & \text{nhập đầu kỳ} & + & \text{tồn cuối kỳ} \end{array}$$

Căn cứ vào đơn giá xuất kho theo phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho đã chọn để xác định giá vốn thực tế của hàng xuất kho.

$$\begin{array}{cccccc} \text{Trị giá} & \text{Trị giá} & \text{Trị giá vốn} & \text{Trị giá} & \text{Trị giá} & \text{Trị giá vốn} \\ \text{vốn của} & \text{thực tế} & \text{của HH} & \text{thực tế} & \text{vốn thực} & \text{thực tế của} \\ \text{hàng bán} & \text{của HH} & \text{gửi bán} & \text{của hàng} & \text{tế của HH} & \text{HH gửi bán} \\ \text{trong kì} & \text{tồn kho} & \text{chưa xác} & \text{hoá nhập} & \text{tồn kho} & \text{chưa xác} \\ & \text{đầu kì} & \text{định tiêu} & \text{kho trong} & \text{cuối kì} & \text{định là tiêu} \\ & & \text{thụ đầu kì} & \text{kì} & & \text{thụ cuối kì} \end{array}$$

Khác với phương pháp KKTX, phương pháp KKĐK sử dụng thêm TK 611 và các nghiệp vụ chỉ thực hiện vào đầu và cuối các chu kỳ kế toán. Các nghiệp vụ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ được thể hiện qua sơ đồ :

Sơ đồ 10: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKĐK



1.2.2.2. Kế toán chi phí bán hàng & chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.2.2.1. Kế toán chi tiết chi phí bán hàng

- Nội dung :

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm , hàng hoá , cung cấp dịch vụ , bao gồm các chi phí chào hàng , giới thiệu sản phẩm , quảng cáo sản phẩm , hoa hồng bán hàng , chi phí bảo hành sản phẩm , hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản , đóng gói , vận chuyển...

TK 641 “ Chi phí bán hàng ” được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí như : chi phí nhân viên , bao bì , dụng cụ , đồ dùng , khấu hao TSCĐ...Tuỳ theo đặc điểm kinh doanh , yêu cầu quản lý từng ngành , từng doanh nghiệp, TK 641 có thể được mở thêm một số nội dung chi phí . Cuối kì , kế toán kết chuyển chi phí bán hàng vào

bên Nợ TK 911 “ Xác định kết quả kinh doanh ”

- Chứng từ, sổ sách ghi chép :

+ Các chứng từ thanh toán như : Phiếu chi , giấy đề nghị thanh toán , giấy thanh toán tiền tạm ứng , séc thanh toán , uỷ nhiệm chi ,...

+ Bảng thanh toán lương , bảng phân bổ tiền lương , bảo hiểm xã hội.

+ Bảng trích khấu hao

Hàng ngày , dựa vào các chứng từ phát sinh liên quan đến chi phí bán hàng , kế toán tiến hành ghi vào các sổ chi tiết , sổ cái TK 641

Cuối kì kế toán kết chuyển chi phí bán hàng trừ vào thu nhập để tính lợi nhuận về tiêu thụ trong kì được căn cứ vào mức độ (quy mô) phát sinh chi phí , vào doanh thu bán hàng và vào chu kì kinh doanh của doanh nghiệp sao cho bảo đảm nguyên tắc phù hợp giữa chi phí và doanh thu . Trường hợp chi phí bán hàng phát sinh trong kì lớn trong khi doanh thu kì này nhỏ hơn hoặc chưa có thì chi phí bán hàng được tạm thời kết chuyển vào TK 142 (1422 – chi phí chờ kết chuyển) Số chi phí này sẽ được kết chuyển một lần hoặc nhiều lần ở các kì sau khi có doanh thu .

1.2.2.2. Kế toán chi tiết chi phí quản lý doanh nghiệp

- Nội dung chi phí quản lý doanh nghiệp (TK 642):

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương , tiền công , các phụ cấp ...), bảo hiểm xã hội , bảo hiểm y tế , kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp chi phí vật liệu văn phòng , công cụ lao động , khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất , thuế môn bài...

TK 642 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí theo quy định . Tùy theo yêu cầu quản lý của từng ngành , từng doanh nghiệp , TK 642 có thể được mở thêm một số tài khoản cấp hai để phản ánh các nội dung chi phí thuộc chi phí quản lý doanh nghiệp . Cuối kì , kế toán kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào bên nợ TK 911 “ Xác định kết quả kinh doanh ”

Chi phí quản lý doanh nghiệp tùy theo đặc điểm hạch toán kế toán của từng doanh nghiệp mà sẽ được phân bổ cho hàng bán ra theo một tỷ lệ nhất định để tập hợp nên giá thành toàn bộ của sản phẩm , thông thường người ta sử dụng các tiêu

thức phân bổ như : phân bổ theo doanh số , phân bổ theo chi phí , phân bổ theo tiền lương.

- Các chứng từ , sổ sách ghi chép :

+ Các chứng từ thanh toán như : Phiếu chi , giấy đề nghị thanh toán , giấy thanh toán tiền tạm ứng , séc thanh toán , uỷ nhiệm chi...

+ Bảng thanh toán lương , bảng phân bổ tiền lương , bảo hiểm xã hội.

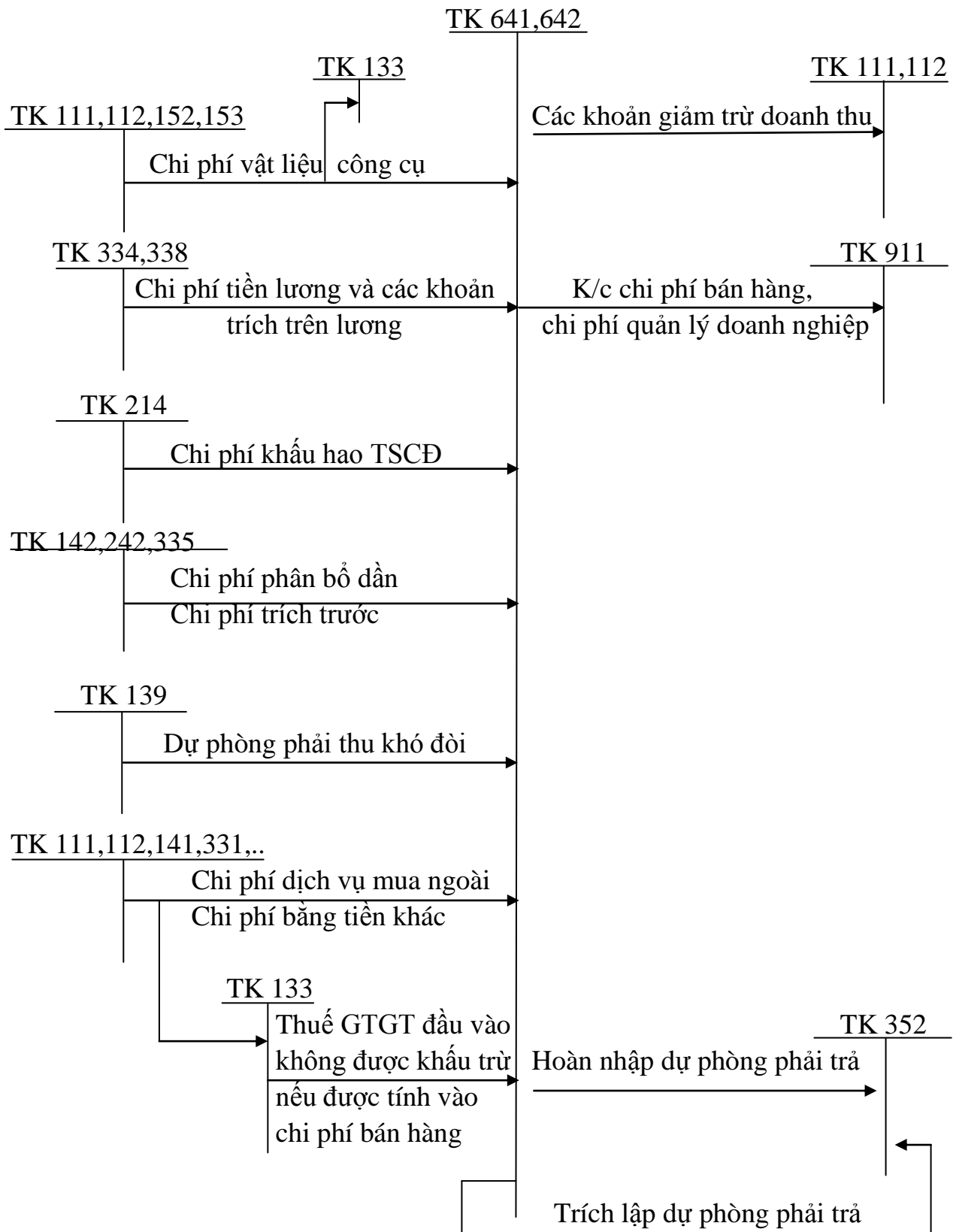
+ Bảng trích khấu hao

Hàng ngày , dựa vào các chứng từ phát sinh liên quan đến chi phí bán hàng , kế toán tiền hàng ghi vào sổ chi tiết , sổ cái TK 642.

Cuối kì hạch toán , kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí quản lý phát sinh trong kì sang TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh. Trong trường hợp doanh nghiệp có chu kì sản xuất kinh doanh dài hạn , trong kì ớc ít hoặc không có sản phẩm tiêu thụ , để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí , kế toán kết chuyển một phần chi phí quản lý sang TK 142 (1422) để chờ phân bổ trong kì tiếp theo.

1.2.2.2.3. Kế toán tổng hợp chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Sơ đồ 11: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp



1.2.2.3. Kế toán chi phí tài chính.

1.2.2.3.1. Kế toán chi tiết chi phí hoạt động tài chính

Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng

- Chứng từ :

- + Giấy báo trả lãi tiền vay
- + Các chứng từ khác có liên quan (nếu có)

-Sổ sách :

- + Sổ NKC
- + Sổ cái TK 635
- + Các sổ sách khác có liên quan

Quy trình hạch toán:

Khi phát sinh các nghiệp vụ thuộc chi phí tài chính kế toán định khoản:

Nợ TK 635: Chi phí trả lãi vay, chi phí liên doanh, liên kết...

Có TK 131,111,112,331: Chi phí trả lãi vay, chi phí liên doanh, liên kết.

1.2.2.3.2. Kế toán tổng hợp Chi phí hoạt động tài chính :

TK sử dụng : TK 635 – “ Chi phí hoạt động tài chính ”

Nội dung và kết cấu TK 635 :

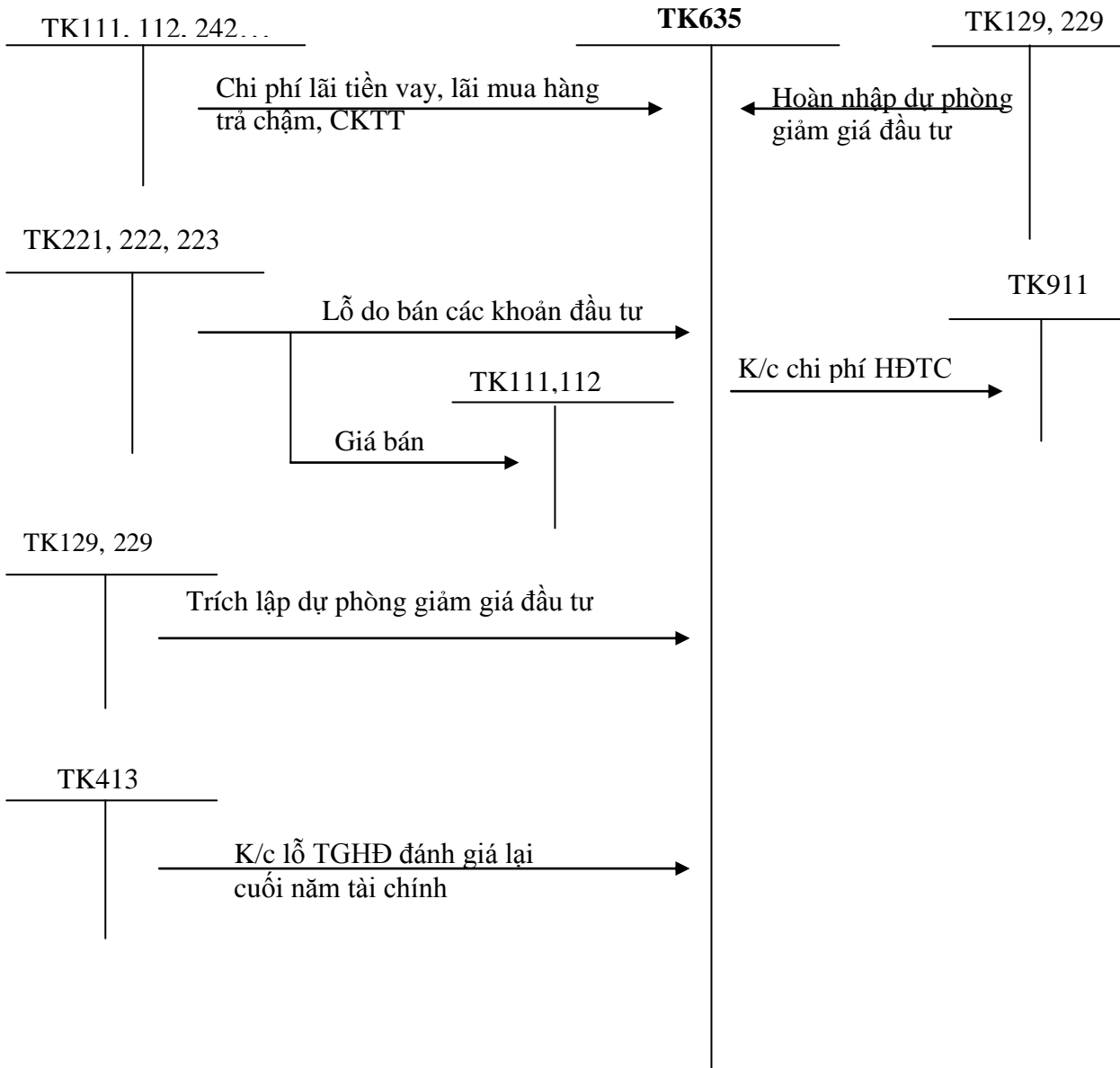
Tài khoản 635 “ Chi phí tài chính”

<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản chi phí hoạt động tài chính. - Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn. - Các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh thực tế. - Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ. - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. - Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

❖ Sơ đồ hạch toán:

Sơ đồ 12: Kế toán chi phí hoạt động tài chính



1.2.2.4. Kế toán chi phí khác.

1.2.2.4.1. Kế toán chi tiết chi phí khác :

Nội dung :

Chi phí khác: là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót, bỏ quên từ năm trước.

Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng

- Phiếu chi
- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 811

1.2.2.4.2. Kế toán tổng hợp chi phí khác

– Tài khoản sử dụng : TK 811 – “ Chi phí khác ”

Loại tài khoản này phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động SXKD tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Chi phí khác là những khoản chi phí(lỗ) do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

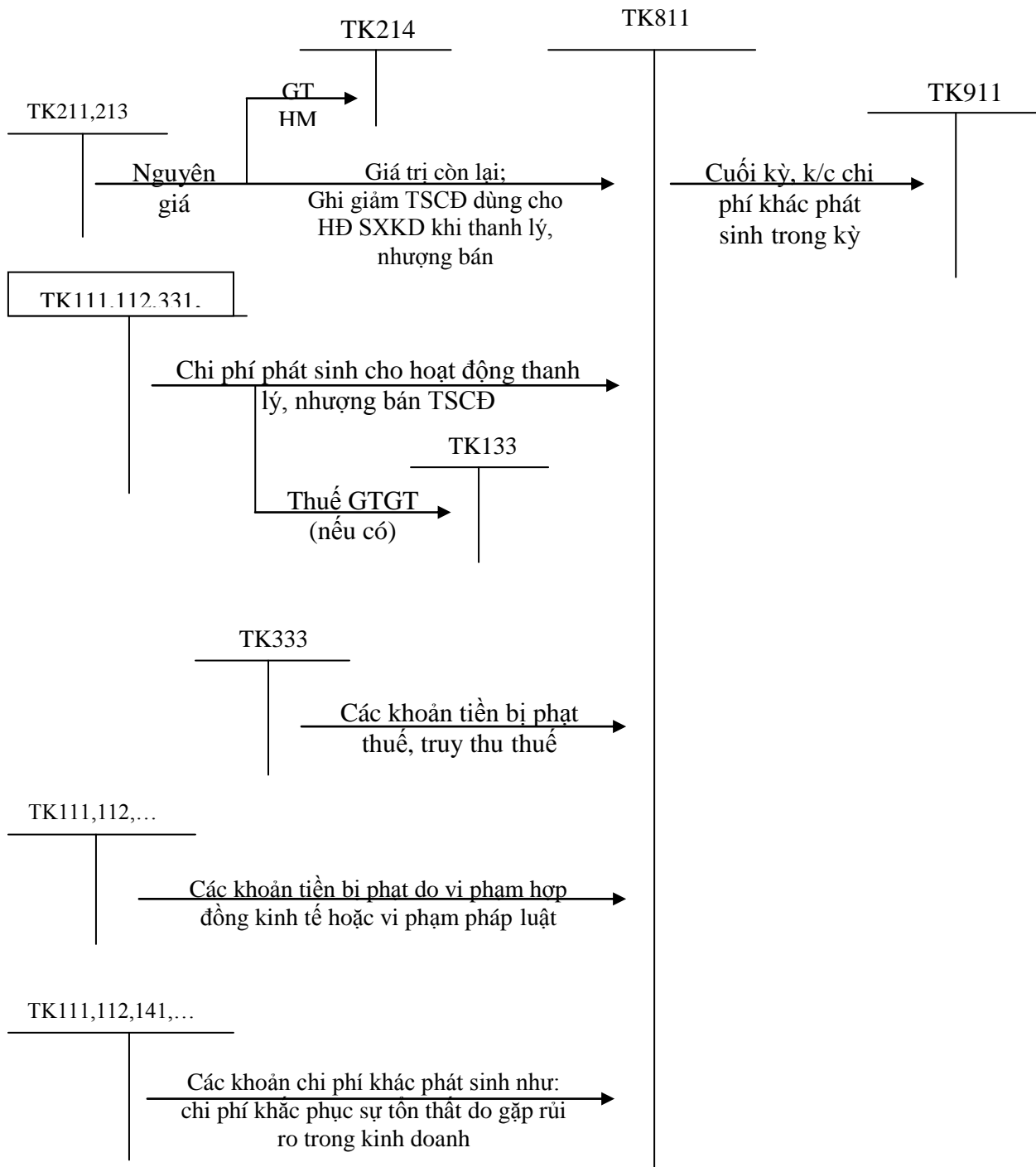
Nội dung và kết cấu TK 811 :

Tài khoản 811 “ Chi phí khác ”

Các khoản chi phí khác phát sinh	Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

- Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ.

Sơ đồ 13: Kế toán chi phí khác



1.2.2.5. Kế toán kết quả hoạt động kinh doanh:

1.2.2.5.1. Kế toán chi tiết kết quả hoạt động kinh doanh:

- Nội dung :

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kì kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm : Kết quả hoạt động sản xuất , kinh doanh , kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác .

* Kết quả hoạt động sản xuất , kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (Gồm cả sản phẩm , hàng hoá , bất động sản đầu tư và dịch vụ , giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp , chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như : chi phí khấu hao , chi phí sửa chữa , nâng cấp , chi phí cho thuê hoạt động , chi phí thanh lý , nhượng bán bất động sản đầu tư) , chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh được xác định bằng công thức sau :

$$\text{Kết quả hoạt động kinh doanh của DN} = \text{Kết quả bán hàng và cung cấp dịch vụ} + \text{Kết quả hoạt động Tài chính} + \text{Kết quả thu nhập khác}$$

$$\text{Kết quả bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Giá vốn hàng bán} - \text{Chi phí bán hàng} - \text{Chi phí QL DN}$$

* Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

Kết quả hoạt động Tài chính được xác định bằng công thức sau :

$$\text{Kết quả hoạt động tài chính} = \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính}$$

* Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\text{Kết quả thu nhập khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

- Cách xác định kết quả kinh doanh .

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá trị vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm , hàng hoá và dịch vụ) , doanh thu từ hoạt động tài chính , chi phí tài chính , chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp... Việc xác định kết quả kinh doanh được tiến hành vào cuối kì hạch toán: tháng , quý , năm tùy thuộc vào đặc điểm sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Kết quả của hoạt động kinh doanh chủ yếu là kết quả của hoạt động tiêu thụ hàng hoá , lao vụ , dịch vụ và được biểu hiện qua chỉ tiêu lãi hoặc lỗ về tiêu thụ . Kết quả đó được tính theo công thức sau đây:

$$\begin{array}{rcccl}
 \text{Lãi (lỗ) về tiêu} & & \text{Doanh} & \text{Giá vốn} & \text{Chi phí} & \text{Chi phí quản} \\
 \text{thụ thành phẩm} & = & \text{thu} & \text{hàng} & \text{bán} & \text{lý doanh} \\
 & & \text{thuần} & \text{bán} & \text{hàng} & \text{nghiệp}
 \end{array}$$

- Chứng từ , sổ sách , ghi chép :

Chứng từ phản ánh kế toán xác định kết quả kinh doanh chủ yếu là các chứng từ do các doanh nghiệp tự lập.

Kết quả kinh doanh thể hiện bằng chỉ tiêu lãi hoặc lỗ , là chỉ tiêu gắn với kỳ hạch toán . Doanh nghiệp chỉ có thể xác định được kết quả kinh doanh của một kì hạch toán khi kết thúc kỳ hạch toán đó , thông thường là một năm tính theo năm dương lịch.

Cuối kì hạch toán , kế toán dựa vào các số liệu của các phần hành kế toán đã phát sinh trong kì như : Kế toán doanh thu , kế toán chi phí ... tiến hành kết chuyển các khoản doanh thu vào bên có TK 911 và các chi phí vào bên nợ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh . Từ đó tính ra được lãi (lỗ) của kì hạch toán đồng thời phân phối kết quả kinh doanh theo quy định . Kế toán ghi chép các bút toán này vào sổ cái TK 911 và sổ cái TK 421.

- Ý nghĩa tác dụng của việc xác định đúng , chính xác kết quả kinh doanh.

Lợi nhuận là mục tiêu hàng đầu đối với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong cơ chế thị trường . Do đó xác định đúng , chính xác kết quả kinh doanh là động

lực thúc đẩy và là cơ sở để các doanh nghiệp không ngừng cải tiến , đổi mới , hợp lý hoá quy trình công nghệ , sử dụng tốt các nguồn lực , phân đầu tiết kiệm chi phí , hạ thấp giá thành sản phẩm.

- Doanh nghiệp thu được lợi nhuận tức là sản phẩm của doanh nghiệp được thị trường chấp nhận (cả về chất lượng và giá cả), từ đó doanh nghiệp có điều kiện để mở rộng sản xuất , kinh doanh đứng vững và phát triển trong cơ chế thị trường hiện nay.

1.2.2.5.2. Kế toán tổng hợp xác định kết quả kinh doanh.

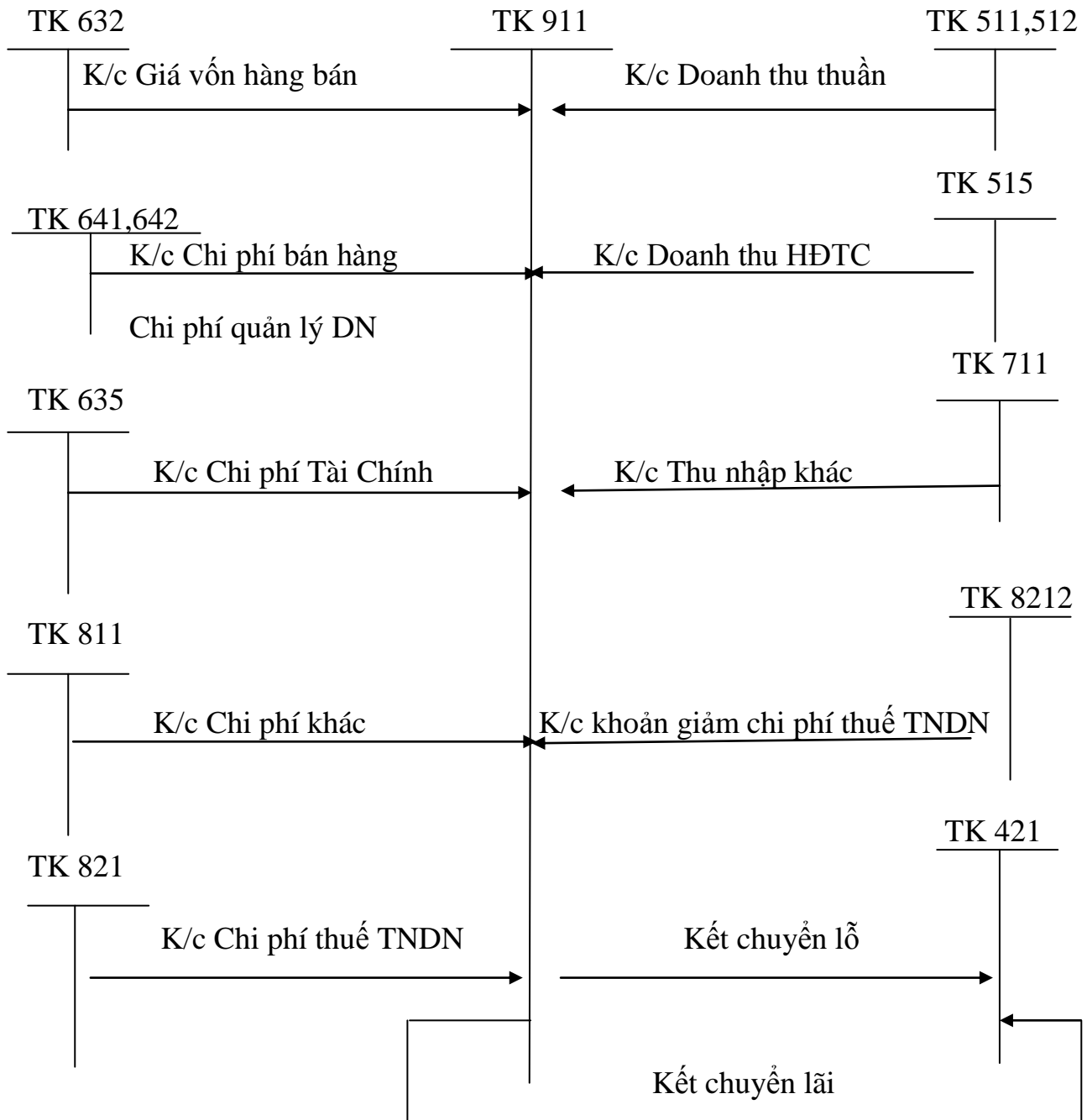
- TK sử dụng : TK 911
- Kết cấu và nội dung TK 911:

Tài Khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh

<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ. - Chi phí bán hàng. - Chi phí quản lý doanh nghiệp. - Chi phí tài chính. - Chi phí khác. - Chi phí thuế TNDN. - Kết chuyển lãi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu thuần của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ. -Doanh thu hoạt động tài chính. - Thu nhập khác. - Khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN. - Kết chuyển lỗ.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

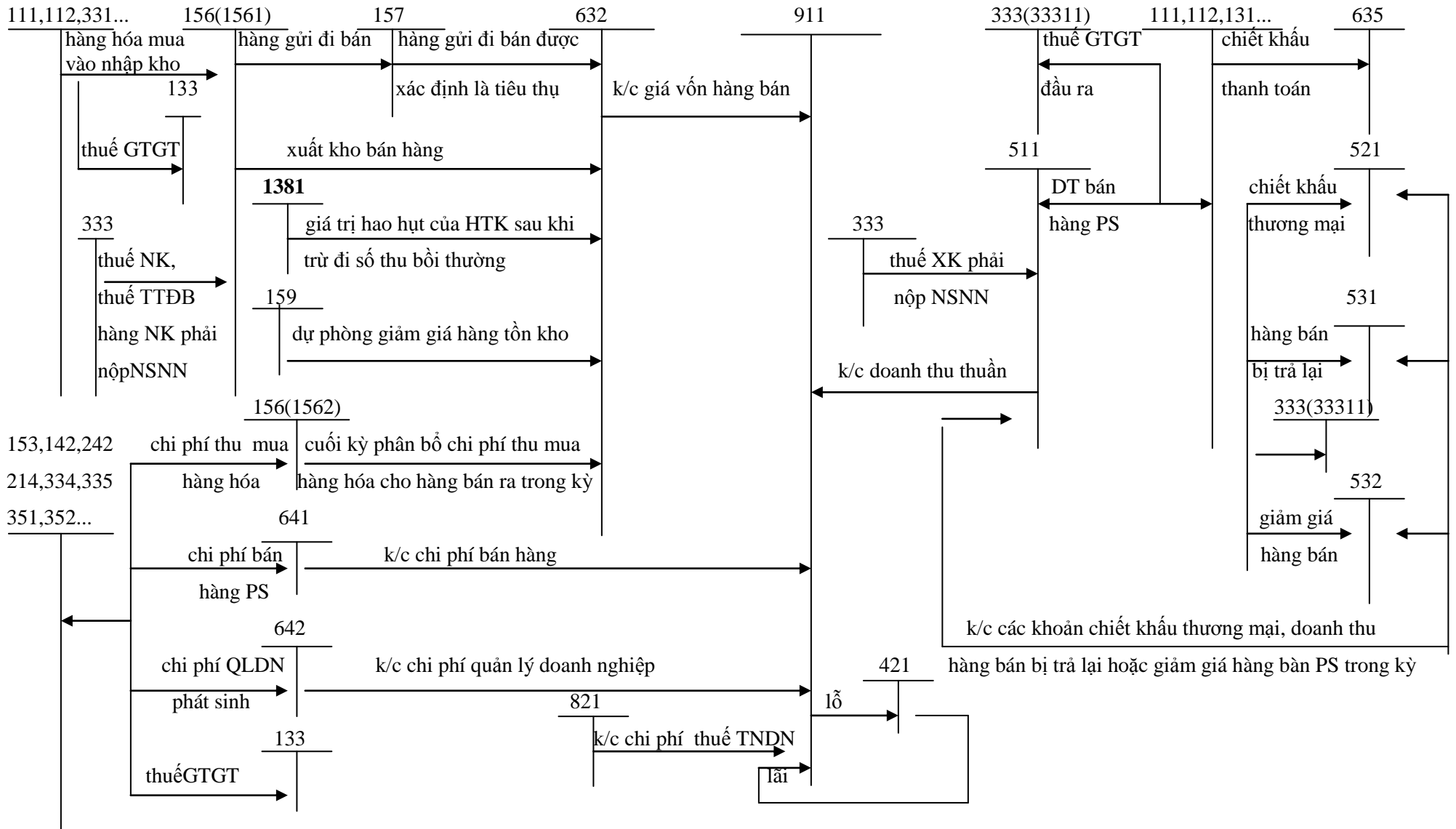
Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ.

Sơ đồ 14: Sơ đồ trình tự kế toán xác định kết quả kinh doanh



Ba chỉ tiêu doanh thu , chi phí , xác định kết quả kinh doanh có mối quan hệ chặt chẽ , bổ sung cho nhau và được thể hiện bằng sơ đồ sau :

Sơ đồ 15: Mô hình kế toán tổng hợp doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh



CHƯƠNG II : CÔNG TÁC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN DOANH THU , CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI XUÂN TRƯỜNG HAI

2.1. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI XUÂN TRƯỜNG HAI.

Tên đầy đủ: Công ty Cổ Phần Vận Tải Và Thương Mại Xuân Trường Hai

Tên giao dịch quốc tế: Xuan Truong Hai JSC

Trụ sở chính: số 4 Nguyễn Bình khiêm, phường Đông Hải, quận Hải An, Thành Phố Hải Phòng.

Trụ sở chi nhánh tại ô 26 tổ 102 phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Thành Phố Hà Nội.

- Điện thoại: 0313.629929

- Fax: 0313.629929

- Tài khoản: 102010000217398

- Mã số thuế: 0200596220

- Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty

Công ty Cổ Phần Vận Tải Và Thương Mại Xuân Trường Hai nguyên là Công ty TNHH Xuân Trường Hai được thành lập ngày 15/7/2001 theo quyết định số 4679 GP/TLDN của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng và được Sở kế hoạch & Đầu tư thành phố Hải Phòng ký giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh số 0752339. Sau một thời gian hoạt động, loại hình “công ty TNHH” không phù hợp, có nhiều hạn chế trong hoạt động sản xuất kinh doanh, theo nghị quyết của các thành viên sáng lập cần phải chuyển đổi loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần. Ngày 05/01/2004 thay mặt Hội đồng thành viên, Giám đốc công ty đã ký quyết định chuyển đổi công ty TNHH thành công ty cổ phần và đổi tên thành “ Công ty Cổ phần vận tải

và thương mại Xuân Trường Hai”, và ngày 13/01/2004 công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng chính thức cấp giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh cho công ty cổ phần. Tuy nhiên cho đến cuối tháng 11 năm 2004 công ty Cổ phần mới chính thức đi vào hoạt động với số vốn điều lệ : 100.000.000.000 đồng.

Là công ty mới thành lập vì vậy công ty còn gặp nhiều khó khăn trong hoạt động. Tuy nhiên nhờ thường xuyên nâng cấp TSCĐ , nhằm ngày càng hoàn thiện về kỹ thuật , giúp nâng cao chất lượng sản phẩm để đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu thị trường , việc đầu tư mở rộng kinh doanh và nhờ sự nỗ lực của ban giám đốc và đội ngũ cán bộ công nhân viên toàn công ty vẫn đạt kết quả khả quan.

Một số chỉ tiêu về kinh doanh của công ty qua 2 năm:

Đvt: Đồng Việt Nam

TT	Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Chênh lệch	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu thuần	118.405.020.034	123.585.829.242	5.180.809.200	4.375
2	Doanh thu hoạt động tài chính	3.549.011	8.139.463	4.590.452	129.34
3	Chi phí tài chính		1.593.414.295	1.593.414.295	0
4	Giá vốn hàng bán	115.973.778.224	116.885.478.388	911.700.100	0.786
5	Lợi nhuận chịu thuế	(1.432.433.292)	2.084.897.915	3.517.331.207	245.55
6	Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách		20.000.000	20.000.000	20.000.000
7	Vốn điều lệ	55.343.235.957	100.000.000.000	44.656.764.043	80.691
8	Số lượng CNV	98	139	41	20.8

2.1.2. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty Cổ Phần Vận Tải Và Thương Mại Xuân Trường Hai.

1. Kinh doanh thiết bị, vật tư kim khí, phụ tùng ô tô
2. Kinh doanh xăng dầu, nhiên liệu các loại

3. Vận tải và dịch vụ vận tải hàng hoá đường bộ

4. Kinh doanh XNK sắt thép

Ngoài ra công ty còn được cấp phép kinh doanh về sửa chữa phương tiện vận tải, vật tư thiết bị chuyên ngành giao thông vận tải, sản xuất, kinh doanh và gia công hàng may mặc

Từ một công ty nhỏ với số vốn điều lệ ít ỏi là 5 tỷ đồng, khi chuyển sang loại hình công ty cổ phần, Xuân Trường Hai cho đến nay số vốn này đã lên tới 100 tỷ đồng, do 6 cổ đông góp vốn trong đó có 2 cổ đông với số vốn góp lớn nhất giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc. Công ty đã nhanh chóng nắm bắt được thị phần trên toàn miền Bắc, đặc biệt trong lĩnh vực vận tải và đại lí xăng dầu, góp phần nâng cao đời sống cho, giải quyết công ăn việc làm cho hơn 200 cán bộ công nhân viên với mức lương ổn định và tương đối cao. Đồng thời công ty cũng góp phần không nhỏ trong sự nghiệp xây dựng đất nước, hàng năm nộp ngân sách đầy đủ.

Quy trình kinh doanh :

Nhập xăng dầu→Téc đưng dầu→Cây Xăng →Người tiêu dùng

2.1.3. Những thuận lợi và khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động

2.1.3.1. Thuận lợi:

Thời gian thành lập đến nay đã hơn 10 năm được sự giúp đỡ, quan tâm của các ban ngành thành phố cũng như sự nhiệt tình, hăng say lao động của đội ngũ công nhân viên có tay nghề cao, công ty đã tạo dựng được uy tín trên toàn miền Bắc. Số vốn ngày càng tăng giúp công ty thay đổi quy mô sản xuất, mở rộng thị phần...

2.1.3.2. Khó khăn:

Do tình hình biến động của thị trường xăng dầu trong và ngoài nước làm cho doanh nghiệp cũng luôn chịu ảnh hưởng không nhỏ.

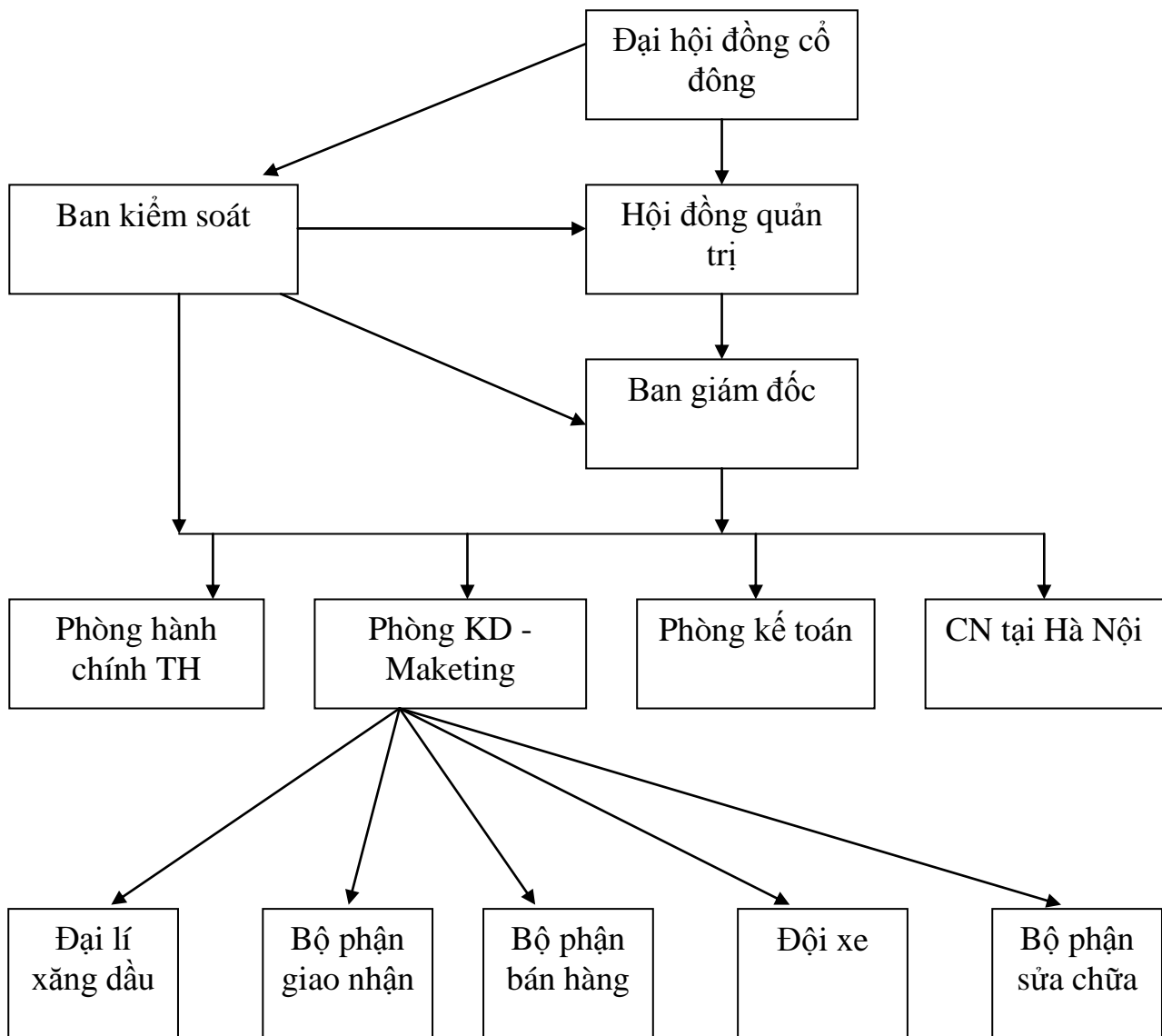
Sự cạnh tranh của các doanh nghiệp cùng ngành ngày càng trở nên gay gắt cũng là một trở ngại lớn cho công ty.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty .

Công ty CP Vận Tải và Thương Mại Xuân Trường Hai tổ chức bộ máy quản lý theo hình thức tập trung do Giám đốc trực tiếp quản lý và điều hành các công việc

trong công ty . Mỗi hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như báo cáo tài chính đều do giám đốc quyết định thông qua phòng tổng hợp , duy trì sự phát triển quan hệ với các đại lí kiểm tra và giám sát các hoạt động của toàn công ty . Phòng tổng hợp nhất là bộ phận kế toán phân tích phương hướng và chiến lược phát triển của công ty.

Sơ đồ 16: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý điều hành của công ty :



Chức năng nhiệm vụ cụ thể của các cấp quản lí như sau:

* *Hội đồng quản trị:*

Thực hiện chức năng quản lí công ty, chịu trách nhiệm về sự phát triển của công ty theo nhiệm vụ mà các cổ đông giao.

* *Ban giám đốc*

Gồm giám đốc và 2 phó giám đốc, trực tiếp quản lí và điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh của công ty, trực tiếp chỉ đạo của phòng ban nghiệp vụ, chi nhánh.

** Phòng hành chính tổng hợp:*

- Tham mưu giúp việc cho Ban giám đốc ở các khâu:
- Xây dựng định mức lao động, kế hoạch lao động, đơn giá tiền lương, quỹ tiền lương...
- Tổ chức lao động, quản lí lao động, tiền lương, tiền thưởng
- Thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ công nhân viên
- Thực hiện các chức năng hành chính khác.

** Phòng kinh doanh – marketing:*

- Tham mưu giúp việc cho Ban giám đốc tổ chức và triển khai các công việc trong lĩnh vực đầu tư và liên doanh, liên kết trong và ngoài nước.
- Tìm kiếm khách hàng, thị trường, duy trì mối quan hệ với các đối tác cũ và tìm kiếm các đối tác mới.
- Tham mưu cho Giám đốc trong lĩnh vực hoạt động đại lí, triển khai nghiệp vụ chuyên môn.
- Nghiên cứu, xây dựng các hợp đồng thuê lao động, hợp đồng vận chuyển hàng hoá, hợp đồng mua bán kinh tế trong và ngoài nước.

** Phòng tài chính kế toán:*

- Tham mưu cho giám đốc trong việc sử dụng và huy động vốn, quản lí vốn một cách có hiệu quả, đúng mục đích, vòng quay của vốn ngắn ngày.
- Tổ chức công tác kế toán và nghiệp vụ kế toán trong công ty
- Thực hiện nhiệm vụ thanh toán, quyết toán, trả lương cho CBCNV kịp thời
- Phản ánh kịp thời tình hình sử dụng và biến động của tài sản, vốn, thường xuyên kiểm tra đối chiếu công nợ, xác định và phân loại các khoản nợ tồn đọng, phân tích khả năng thu hồi để có biện pháp xử lí thích hợp.

** Chi nhánh tại Hà Nội:*

Phối hợp tìm kiếm thị trường tại Hà Nội để giải quyết khâu tiêu thụ hàng hoá

** Đại lí xăng dầu*

-Theo dõi lượng hàng nhiên liệu nhập – xuất – tồn báo cáo hàng ngày với phòng kinh doanh cũng như đảm bảo lượng hàng luôn đáp ứng được nhu cầu của khách hàng.

- Quản lý trực tiếp đội ngũ nhân viên bán hàng xăng dầu

**Bộ phận thợ sửa chữa:*

-Theo dõi kỹ thuật cho đội xe, sửa chữa kịp thời mọi hỏng hóc cho các phương tiện vận tải cũng như trang thiết bị trong công ty

**Bộ phận giao nhận:*

-Theo dõi giám sát, giao nhận hàng hoá tại cảng, các điểm nhận hàng khác đối với hàng mà công ty vận tải thuê.

-Theo dõi giám sát, giao nhận hàng tại các điểm mà công ty bán hàng tại kho người mua.

**Bộ phận bán hàng*

- Phối hợp với phòng kinh doanh – Marketing tiếp cận khách hàng mới, chăm sóc khách hàng cũ tiềm năng.

- Phối hợp với bộ phận giao nhận giao hàng đến tận kho khách hàng.

- Qua sơ đồ trên ta thấy: công ty có 3 phòng chức năng và 1 chi nhánh. Với một cơ cấu hết sức gọn nhẹ đây chính là một lợi thế của công ty, chi phí quản lý được giảm đến mức tối thiểu, thông tin được xử lý một cách nhanh chóng , kịp thời.

2.1.5. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ Phần Vận Tải Và Thương Mại Xuân Trường Hai.

2.1.5.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán:

Công ty cổ phần vận tải và thương mại Xuân Trường Hai là một doanh nghiệp với quy mô vừa, tập trung chủ yếu tại Hải Phòng, vì vậy Chủ tịch Hội đồng quản trị đã chọn tổ chức bộ máy kế toán theo “ **Mô Hình Tập Trung** ”. Theo mô hình này toàn doanh nghiệp chỉ có một phòng kế toán duy nhất, mọi công việc kế toán đều được thực hiện tại đây. Hình thức này tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, chỉ đạo nghiệp vụ và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của ban giám đốc công ty đối với hoạt động kinh doanh nói

chung và công tác kế toán nói riêng.

***Kế toán trưởng:**

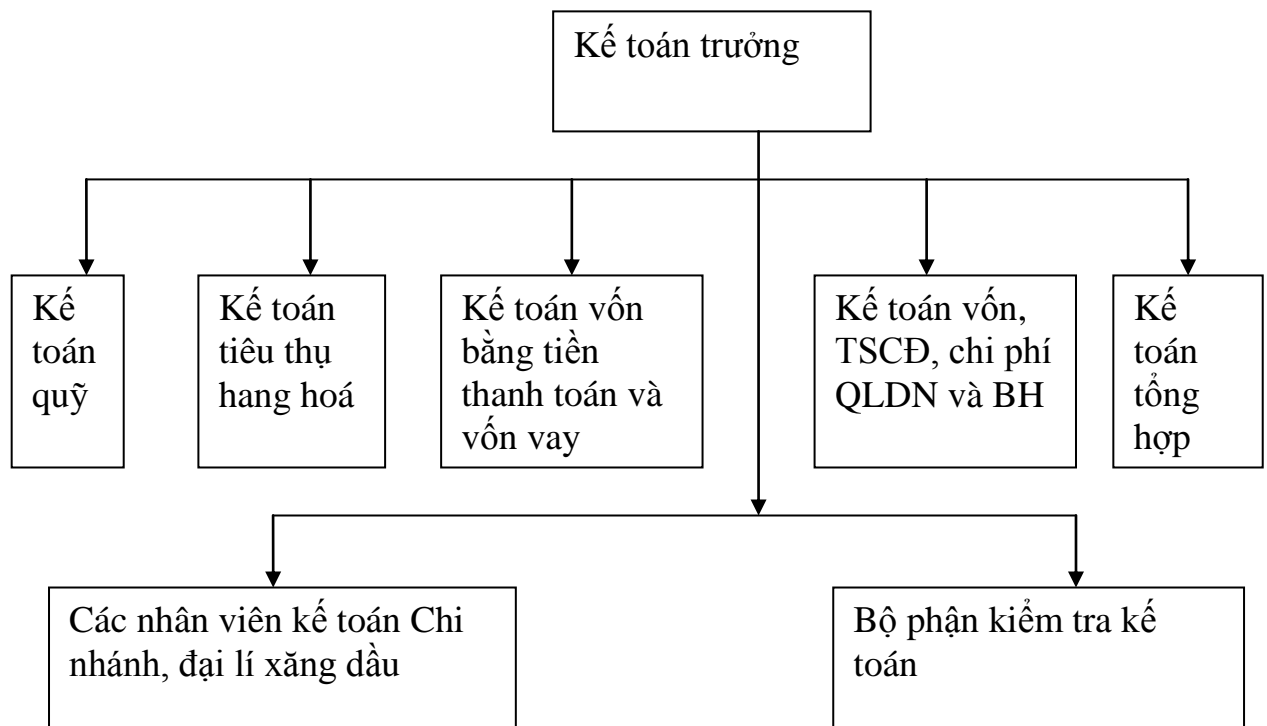
Là người giúp giám đốc quản lí hoạt động tài chính, cung cấp thông tin về toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh, việc sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn nhằm đảm bảo quyền chủ động trong sản xuất kinh doanh và tự chủ tài chính của doanh nghiệp. Kế toán trưởng có nhiệm vụ lựa chọn các hình thức sổ sách phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

***Các kế toán viên:**

Thực hiện mọi công tác kế toán từ việc thu nhận, xử lí chứng từ luân chuyển ghi sổ, tổng hợp, thông báo số liệu kế toán thống kê cho các phòng ban phụ thuộc khác. Mỗi kế toán viên phụ trách một phần hành kế toán riêng, bao gồm kế toán tiền lương và tiền quỹ, kế toán vốn bằng tiền thanh toán và tiền vay, kế toán hàng hoá và tiêu thụ, kế toán TSCĐ, CCDC, chi phí QLDN và chi phí bán hàng.

Bộ máy kế toán của công ty được bố trí theo sơ đồ dưới đây:

Sơ đồ 17: Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty



2.1.5.2. Hình thức tổ chức hệ thống sổ sách kế toán áp dụng tại Công ty

Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/9/2006 của Bộ Tài chính

Chế độ kế toán mà công ty đang áp dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Niên độ kế toán: từ 01/01 --> 31/12

Hình thức sổ kế toán : **Nhật ký chung**

Hạch toán hàng tồn kho theo : **Phương pháp kê khai thường xuyên.**

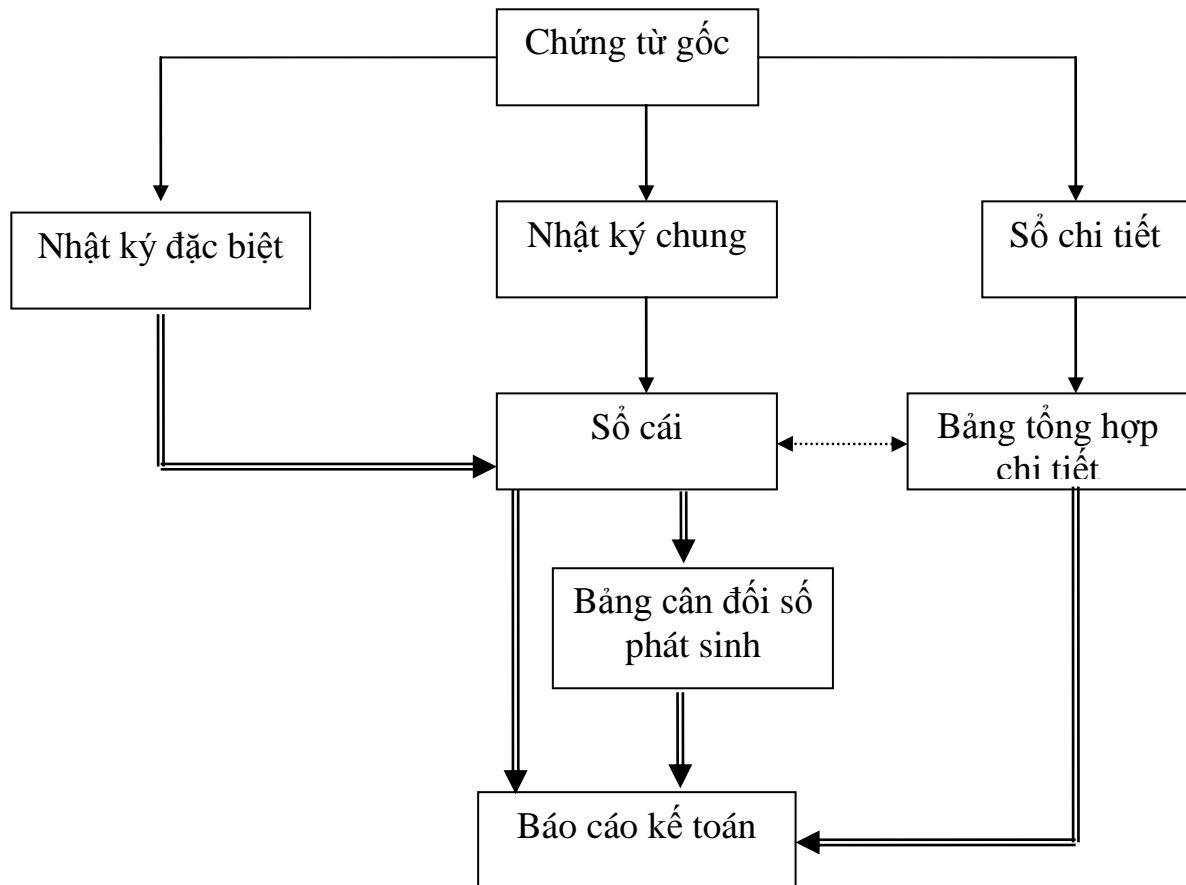
- ✓ Đơn vị tính : Việt Nam Đồng (VND)
- ✓ Công ty tính thuế GTGT theo: **Phương pháp khấu trừ.**
- ✓ Công ty thực hiện khấu hao theo : Phương pháp khấu hao đường thẳng.
- ✓ Doanh thu được ghi nhận khi kế toán xuất hoá đơn GTGT cho khách hàng

Với những đặc điểm kế toán nói trên và để đáp ứng công tác quản lý, tạo điều kiện cho công tác hạch toán kế toán được thuận lợi, công ty đã áp dụng hình thức kế toán: **NHẬT KÝ CHUNG**

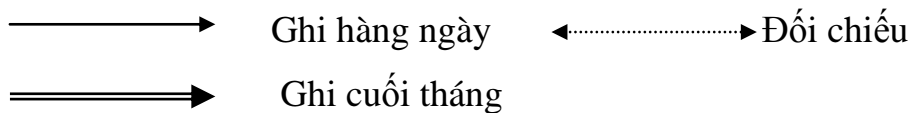
- Trình tự ghi sổ theo hình thức nhật ký chung:

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ phát sinh, kế toán ghi số liệu vào sổ nhật ký chung. Sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên nhật ký chung để ghi vào các tài khoản phù hợp trên sổ cái. Các số liệu liên quan đến các sổ, thẻ kế toán chi tiết cũng được đồng thời ghi vào các sổ, thẻ chi tiết tương ứng. Cuối tháng, quý, năm cộng các số liệu trên sổ cái, tính số dư để lập bảng cân đối tài khoản. Các số liệu trên sổ kế toán chi tiết cũng được tổng hợp để lập ra các bảng tổng hợp chi tiết. Các số liệu sau khi kiểm tra thấy khớp và đúng sẽ được sử dụng để lập báo cáo kế toán.

Sơ đồ 18: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật Ký Chung



Ghi chú :



2.2. Công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Vận Tải Và Thương Mại Xuân Trường Hai

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

2.2.1.1. Kế toán chi tiết doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ :

a. Chứng từ, sổ sách sử dụng

* Chứng từ sử dụng:

Chứng từ sử dụng ban đầu là hoá đơn GTGT.

* Thủ tục lập chứng từ hoá đơn GTGT

- Chứng từ trong hạch toán doanh thu bán hàng là hoá đơn , hoá đơn GTGT được lập 3 liên.

- Trên Hoá đơn phải ghi đầy đủ các thông tin sau:

+ Ngày, tháng, năm phát sinh nghiệp vụ; số Hoá đơn. + Tên đơn vị bán hàng (cung cấp dịch vụ) ; địa chỉ; số tài khoản; mã số thuế; hình thức thanh toán.

+ Tên hàng hoá (dịch vụ cung cấp như: vận tải...) Số lượng; đơn giá; thành tiền; lệ phí đầu (đối với Hoá đơn bán đầu); thuế GTGT; tổng tiền thanh toán.

Tại phòng kế toán, khi khách hàng thanh toán tiền hàng bằng tiền mặt, kế toán viết phiếu thu. Phiếu thu được lập 3 liên:

Liên 1: Lưu sổ.

Liên 2: Giao cho người nộp.

Liên 3: Dùng làm căn cứ ghi sổ.

Ngoài các hoá đơn GTGT, chứng từ bán hàng còn gồm có:

- + Hợp đồng mua bán hàng hoá
- + Phiếu thu.
- + Giấy báo có của ngân hàng.
- + Chứng từ khác có liên quan (nếu có).
- + Bảng kê bán lẻ xăng dầu
- + Biên bản bàn giao
- + Sổ chi tiết thanh toán với người mua

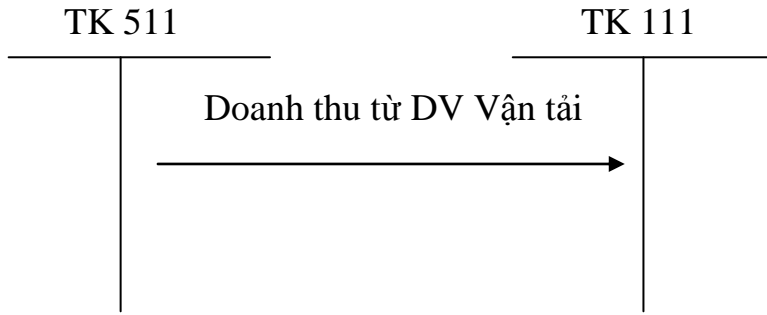
*** Sổ sách được áp dụng:**

- + Sổ tiền gửi ngân hàng
- + Sổ chi tiết thanh toán với người mua
- + Sổ cái (TK 511 – doanh thu bán hàng)
- + Sổ chi tiết khấu hao thanh toán
- + Bảng cân đối kế toán
- + Bảng cân đối tài khoản
- + Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn , ...

c. Phương pháp hạch toán doanh thu:

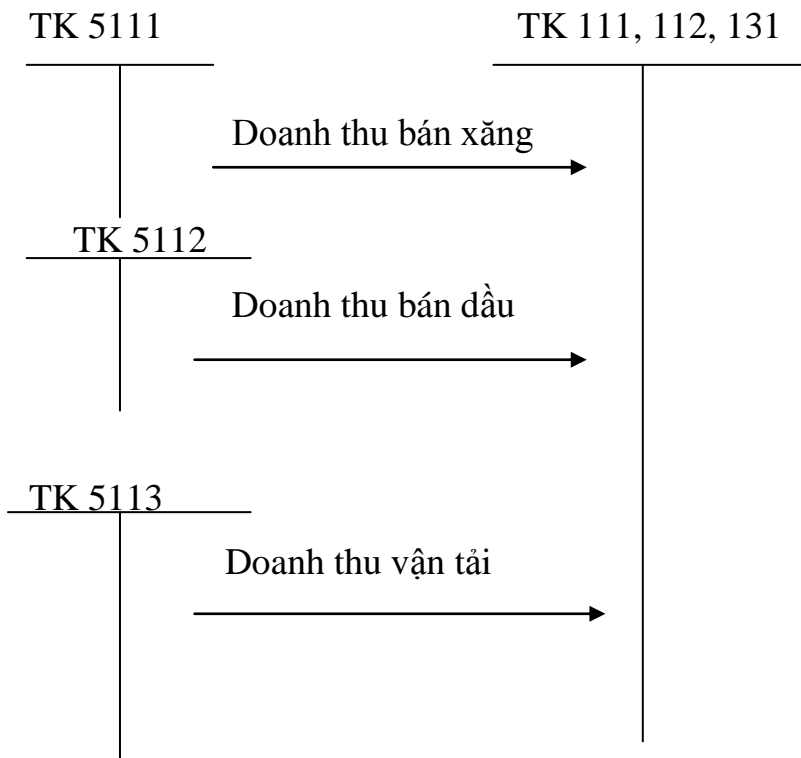
- Đối với doanh thu từ dịch vụ vận tải: Định kỳ cuối tháng, các lái xe chịu

trách nhiệm các đầu xe đem tiền về phòng kế toán nộp số tiền giao khoán trên mỗi đầu xe



► Đối với doanh thu từ bán xăng dầu: Định kỳ 3 ngày, cửa hàng xăng dầu sẽ chuyển hóa đơn GTGT bán hàng kèm theo bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa bán ra về phòng Kinh doanh. Phòng Kinh doanh sẽ tập hợp lại sau đó chuyển cho phòng Tài chính kế toán làm căn cứ vào sổ sách theo các định khoản như sau:

Phản ánh doanh thu bán hàng:



Ghi chú:



Sơ đồ 19: Quy trình hạch toán tiêu thụ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty Cổ phần Vận Tải Và Thương Mại Xuân Trường Hai.

Trong bài luận văn này em xin trích dẫn ví dụ minh họa về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty trong tháng 5/2010.

Ví Dụ: Ngày 31/05/2010 Công ty xuất dầu Diezel bán cho công ty Cổ Phần Thương Mại Và Dịch Vụ Thái Ninh , Số lượng là : 3.287 (lit) , đơn giá 12.818 đồng/ lit và lệ phí xăng dầu 500 đồng/ lit.

+ Kế toán lập phiếu xuất kho 03/05 , Hoá đơn GTGT 0000883 , phiếu thu 03/05 . Kế toán sẽ tiến hành ghi nhận doanh thu và phản ánh trị giá vốn hàng xuất bán trong tháng vào sổ chi tiết , sổ cái TK 511 và các sổ liên quan khác.

HÓA ĐƠN	Mẫu số: 01GTKT-3LL
GIÁ TRỊ GIA TĂNG	DT/2010B
Liên 3 : Nội bộ	0000883
Ngày 31 Tháng 05 Năm 2010	

Đơn vị bán hàng: ..Công ty Cổ Phần Vận Tải Và Thương Mại Xuân Trường Hai.....
 Địa chỉ:.....Đông Hải , Hải An , Hải Phòng.....
 Tài khoản :
 Điện thoại :MS : 0200596220

Họ tên người mua hàng:.....
 Tên đơn vị :Công ty Cổ Phần vận Tải Và Dịch vụ Thái Ninh.....
 Địa chỉ :Số 79 Chợ con – Lê Chân Hải Phòng.....
 Số tài khoản :
 Hình thức thanh toán : ..CK.....MS: 0200935522

Tên hàng hóa , dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
B	C	1	2	3=1X2
Dầu Diezel	Lit	3.287	12.818,18	42.133.358
LFXD	Lit	3.287	500	1.643.500

Cộng tiền hàng :	42.133.358
Thuế suất GTGT:10% Tiền thuế GTGT :	4.213.336
Tổng cộng tiền thanh toán :	47.990.194
Tiền viết bằng chữ Bốn mươi bảy triệu , chín trăm chín mươi ngàn, một trăm chín tư đồng/	

Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị
(ký , ghi rõ họ tên)	(ký , ghi rõ họ tên)	(ký , đóng dấu , ghi rõ họ tên)

Công ty CP Vận tải Và Thương Mại Xuân Trường Hai

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)

(Dùng cho TK 131 , 331)

Tài khoản : 131

Đối tượng : Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Thái Ninh

Tháng 05 năm 2010

Loại tiền : VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Thời hạn được chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kì					<u>58.034.430</u>	
			Số PS tháng 05						
.....
30/05/10	00883	31/05/10	Bán dầu Diezel	5111		42.133.358		91.674.374	
30/05/10	00883	31/05/10	Thuế GTGT đầu ra	3331		4.213.336		95.887.710	
30/05/10	00883	31/05/10	Lệ phí xăng dầu	138		1.643.500		97.531.210	
.....
			Cộng PS			217.506.891	160.802.581		
			Số dư cuối kì					<u>114.738.740</u>	

Ngày 31 tháng 05 năm 2010

Kế toán

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký và ghi rõ họ tên)

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT-3LL		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		DT/2010B		
Liên 3 : Nội bộ		0000888		
Ngày 31 Tháng 05 Năm 2010				
Đơn vị bán hàng:..Công ty Cổ Phần Vận Tải Và Thương Mại Xuân Trường Hai.....				
Địa chỉ:.....Đông Hải , Hải An , Hải Phòng.....				
Tài khoản :				
Điện thoại :MS : 0200596220				
Họ tên người mua hàng:.....				
Tên đơn vị :Công ty Cổ Phần vận Tải Và Vận Tải Nam Phương.....				
Địa chỉ :102 Trường Chinh-Lâm Hà – Kiến An –Hải Phòng.....				
Số tài khoản :				
Hình thức thanh toán :..CK.....MS: 0200906539				
Tên hàng hóa , dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
B	C	1	2	3=1X2
Dầu Diezel	Lit	4.397	12.818,18	56.361.537
LFXD	Lit	4.397	500	2.198.500
Cộng tiền hàng :				56.361.537
Thuế suất GTGT:10% Tiền thuế GTGT :				5.636.154
Tổng cộng tiền thanh toán :				64.196.191
Tiền viết bằng chữ : Sáu mươi tư triệu , một trăm chín sáu ngàn, một trăm chín một đồng /				
Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị		
(ký , ghi rõ họ tên)	(ký , ghi rõ họ tên)	(ký , đóng dấu , ghi rõ họ tên)		

Công ty CP Vận tải Và Thương Mại Xuân Trường Hai

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)

(Dùng cho TK 131 , 331)

Tài khoản : 131

Đối tượng : Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Nam Phương

Tháng 05 năm 2010

Loại tiền : VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Thời hạn được chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kì					<u>38.116.929</u>	
			Số PS tháng 05						
.....
30/05/10	00888	31/05/10	Bán dầu Diezel	5111		56.361.537		88.504.691	
30/05/10	00888	31/05/10	Thuế GTGT đầu ra	3331		5.636.154		94.140.845	
30/05/10	00888	31/05/10	Lệ phí xăng dầu	138		2.198.500		96.339.345	
.....
			Cộng PS			117.682.893	98.062.561		
			Số dư cuối kì					<u>57.737.261</u>	

Ngày 31 tháng 05 năm 2010

Kế toán

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký và ghi rõ họ tên)

Công Ty Cổ Phần Vận Tải Và Thương Mại Xuân Trường Hai

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA (NGƯỜI BÁN)

Tài khoản: 131 – Phải thu khách hàng

Tháng 05 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên người mua	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Cty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Thái Ninh	58.034.430		217.506.891	160.802.581	114.738.780	
2	Cty TNHH Thương Mại & Dịch Vụ Nam Phương	38.116.929		117.682.893	98.062.561	57.737.261	
3	Cty TNHH Thương Mại Vận Tải Bình Dung	63.237.064		264.891.658	198.673.324	129.455.398	
...
	Tổng Cộng	1.728.743.794		120.750.371.870	109.531.893.134	12.947.222.530	

Ngày 31 tháng 05 năm 2010

Kế toán

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký và ghi rõ họ tên)

2.2.1.2. Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ :

- Tài khoản sử dụng :

+ TK 511 : Doanh thu bán hàng là số tiền thu được từ việc bán hàng hoá , dịch vụ. TK này dùng để phản ánh tổng doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp trong kì kế toán.

- Kết cấu và nội dung TK 511 :

Bên nợ : Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

Bên có : Doanh thu bán sản phẩm , hàng hoá , cung cấp dịch vụ của công ty thực hiện trong kì kế toán.

+ TK 3331 : Thuế GTGT phải nộp , phản ánh số thuế GTGT đầu ra , số thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ , số thuế GTGT phải nộp , đã nộp , còn phải nộp của sản phẩm , hàng hoá , dịch vụ tiêu thụ trong kì.

Kết cấu và nội dung TK 3331 : Thuế GTGT phải nộp . Phản ánh số thuế GTGT đầu ra , số thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ , số thuế GTGT phải nộp , đã nộp , còn phải nộp của sản phẩm hàng hoá , dịch vụ tiêu thụ trong kì.

Kết cấu và nội dung TK 3331 :

+ Bên Nợ : Số thuế GTGT đã được khấu trừ trong kì

Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp

+ Bên Có : Số Thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp

- Số dư bên Có : Số thuế còn phải nộp vào Ngân sách nhà nước .

- Tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tháng 05 năm 2010.

Nợ TK 131: 12.947.222.530

Có TK 511 : 11.770.202.300

Có TK 33311 : 1.177.020.230

Nợ TK 511 : 11.770.202.300

Có TK 911 : 11.770.202.300

Công Ty Cổ Phần Vận Tải Và Thương Mại Xuân Trường Hai

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

DVT: đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng		Số tiền
	Số hiệu	NT		Nợ	Có	
			SPS Tháng 05			
...
416	00682	30/05/2010	Dầu DO-cty TNHH TM Bình Dung	131	5111	147.614.161
417	00683	30/05/2010	Thuế GTGT-cty TNHH TM Bình Dung	131	3331	14.761.416
418	00684	30/05/2010	Lệ phí dầu-cty TNHH TM Bình Dung	131	138	5.758.000
...
428	00883	31/05/10	Dầu DO Công ty CP TM&DV Thái Ninh	131	5111	42.133.358
429	00883	31/05/10	Thuế GTGT 00883 TM & DV Thái Ninh	131	3331	4.213.336
430	00883	31/05/10	Lệ Phí Dầu Công Ty CP TM&DV Thái Ninh	131	138	1.643.500
.....
434	00888	31/05/10	Dầu DO Công ty CP TMVT Nam Phương	131	5111	56.361.537
435	00888	31/05/10	Thuế GTGT00888 CTCP TMVT Nam Phương	131	3331	5.636.154
436	00888	31/05/10	Lệ Phí Dầu Công Ty CP TM&DV Nam Phương	131	138	2.198.500
.....
483	PX 23	31/05/10	Xuất giá vốn 20W50	6321	156	2.568.800
.....
676	PKT	31/05/10	KC DTVC về KQKD	5112	911	4.846.519.138
677	PKT	31/05/10	KC DTTM về KQKD	5113	911	362.270.888
.....	PKT	31/05/10
679	PKT	31/05/10	KC CPSX Về giá vốn	6322	154	4.894.402.475
680	PKT	31/05/10	KC giá vốn XD về KQKD	911	6321	6.337.981.067
681	PKT	31/05/10	KC giá vốn VC về kqkd	911	6322	4.894.402.475

			Số trang trước chuyển sang			92.142.641.809
683	PKT	31/05/10	KC lãi về TNDN	911	421.2	56.754.586
.....
			Cộng			101.254.472.087

Kế toán
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 05 năm 2010
Giám Đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Công Ty Cổ Phần Vận Tải Và Thương Mại Xuân Trường Hai

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 511

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Năm 2010

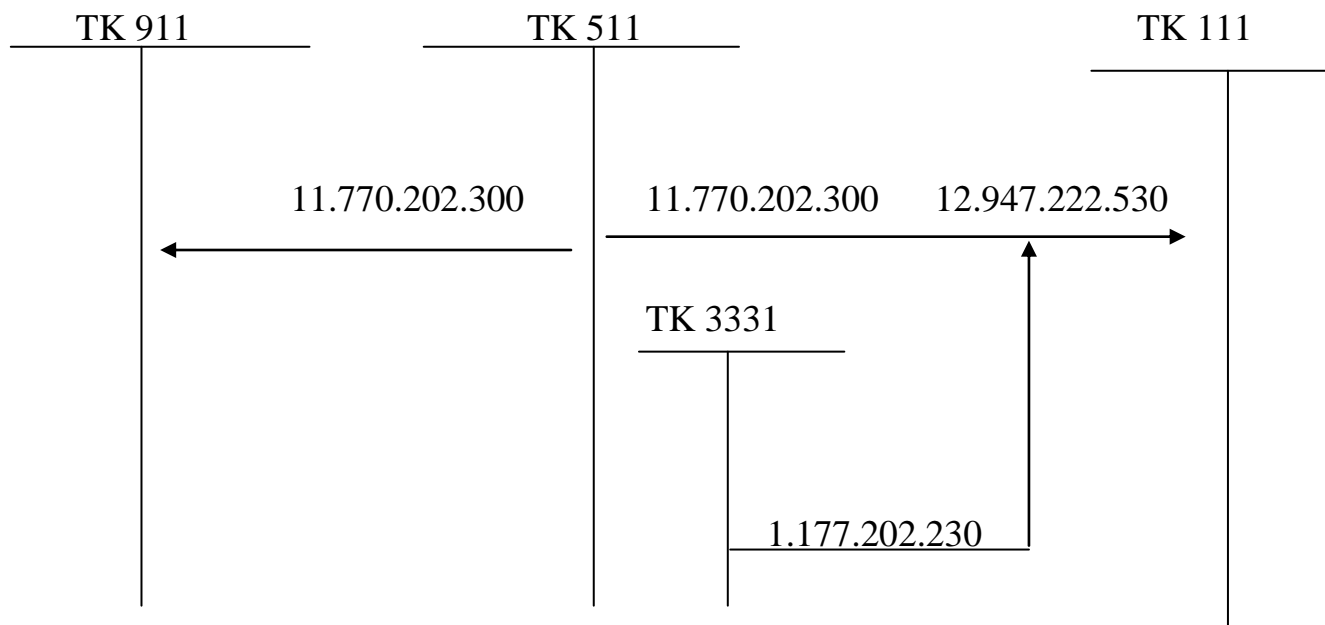
ĐVT: đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			-
			SPS Tháng 05			
.....
416	00875	30/05/2010	Dầu DO-Cty TNHH TM Bình Dung	131		147.614.161
417	00767	30/05/2010	Dầu DO – Cty CP GNVT Vinashin	131		18.470.997
.....
428	00883	31/05/10	Dầu DO Công ty Cổ Phần TM&DV Thái Ninh	131		42.133.358
.....
434	00888	31/05/10	Dầu DO Công ty Cổ Phần TMVT Nam Phương	131		56.361.537
.....
676	PKT	31/05/2010	KC DTVC về KQKD	911	4.846.519.138	
677	PKT	31/05/2010	KC DTTM về KQKD	911	362.270.888	
.....
			Cộng SPS tháng 05		11.770.202.300	11.770.202.300
			Số dư cuối kỳ			-

Kế toán
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 05 năm 2010
Giám Đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Sơ đồ 20 : Hạch toán doanh thu bán hàng tại Công ty CP Vận Tải Và Thương Mại Xuân Trường Hai.



2.2.2. Doanh thu hoạt động tài chính :

2.2.2.1. Kế toán chi tiết doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm: tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, thu nhập từ các hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán và doanh thu từ các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Chứng từ, sổ sách sử dụng:

- Giấy báo có, giấy báo nợ
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác liên quan (nếu có)
- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 515
- Sổ chi tiết TK 515

Cách xác định doanh thu hoạt động tài chính :

– Đối với các khoản doanh thu từ hoạt động mua bán , bán chứng khoán , doanh thu được ghi nhận là số chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá gốc , số lãi về trái phiếu , tín phiếu hoặc cổ phiếu.

– Đối với khoản doanh thu từ hoạt động mua , bán ngoại tệ , doanh thu được ghi nhận là số chênh lệch lãi giữa giá ngoại tệ bán ra và giá ngoại tệ mua vào.

– Đối với khoản tiền lãi đầu tư nhận được từ khoản đầu tư cổ phiếu , trái phiếu thì chỉ có phần tiền lãi của các kì mà doanh nghiệp mua lại khoản đầu tư này mới được ghi nhận là doanh thu phát sinh trong kì , còn khoản lãi đầu tư nhận được từ các khoản lãi đầu tư dồn tích trước khi doanh nghiệp mua lại khoản đầu tư đó thì ghi giảm giá gốc khoản đầu tư trái phiếu , cổ phiếu đó.

– Đối với khoản thu nhập từ nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con , công ty liên doanh , công ty liên kết , doanh thu được ghi nhận vào tài khoản 515 là số chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá gốc.

Ví dụ : Ngày 31/05/2010 Ngân hàng Ngô Quyền trả lãi tiền gửi cho công ty số tiền là : 3.800 đồng.

2.2.2.2. Kế toán tổng hợp doanh thu hoạt động tài chính:

TK sử dụng : – TK 515

Nội dung và kết cấu TK 515

+ **Bên Nợ** :

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 – “ xác định kết quả kinh doanh ”

+ **Bên Có** :

- Tiền lãi , cổ tức và lợi nhuận được chia .
- Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kì của hoạt động kinh doanh.
- Lãi tỉ giá phát sinh khi bán ngoại tệ .
- Lãi tỉ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh .
- Kết chuyển hoặc phân bổ tỉ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kì.

Tổng hợp doanh thu hoạt động tài chính tháng 05 năm 2010.

Nợ TK 515 : 1.561.593

Có TK 911 : 1.561.593

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

ĐVT: đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng		Số tiền
	Số hiệu	NT		Nợ	Có	
			SPS Tháng 05			
...
417	00683	30/05/2010	Thuế GTGT-cty TNHH TM Bình Dung	131	3331	14.761.416
418	00684	30/05/2010	Lệ phí dầu-cty TNHH TM Bình Dung	131	138	5.758.000
...
427	GBC34	31/05/2010	NG Sebank trả lãi tiền gửi.	112S	515	3.167
428	00883	31/05/10	Dầu DO Công ty CP TM&DV Thái Ninh	131	5111	42.133.358
429	00883	31/05/10	Thuế GTGT 00883 TM & DV Thái Ninh	131	3331	4.213.336
430	00883	31/05/10	Lệ Phí Dầu Công Ty CP TM&DV Thái Ninh	131	138	1.643.500
.....
433	GBC38	31/05/2010	Ngân hàng trả lãi tiền gửi- NH Ngô Quyền	112B	515	3.800
434	00888	31/05/10	Dầu DO Công ty CP TMVT Nam Phương	131	5111	56.361.537
435	00888	31/05/10	Thuế GTGT00888 CTCP TMVT Nam Phương	131	3331	5.636.154
436	00888	31/05/10	Lệ Phí Dầu Công Ty CP TM&DV Nam Phương	131	138	2.198.500
.....
483	PX 23	31/05/10	Xuất giá vốn 20W50	6321	156	2.568.800
.....
676	PKT	31/05/10	KC DTVC về KQKD	5112	911	4.846.519.138
677	PKT	31/05/10	KC DTTM về KQKD	5113	911	362.270.888
678	PKT	31/05/10	KC DT HĐTC	515	911	1.561.593
679	PKT	31/05/10	KC CPSX Về giá vốn	6322	154	4.894.402.475

680	PKT	31/05/10	KC giá vốn XD về KQKD	911	6321	6.337.981.067
681	PKT	31/05/10	KC giá vốn VC về kqkd	911	6322	4.894.402.475
682	PKT	31/05/2010	KC lãi vay về KQKD	911	635	202.340.478
683	PKT	31/05/10	KC lãi về TNDN	911	421.2	56.754.586
			Cộng			101.254.472.087

Ngày 31 tháng 05 năm 2010

Kế toán

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám Đốc

(Ký và ghi rõ họ tên)

Công Ty Cổ Phần Vận Tải Và Thương Mại Xuân Trường Hai

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 515

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Năm 2010

ĐVT: đồng

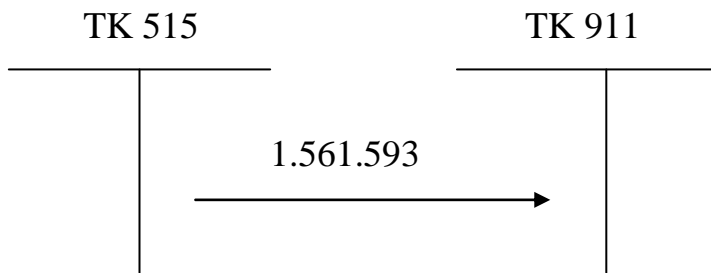
STT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			SPS Tháng 05			
.....
661	GBC	31/5/2010	NH Trả lãi TG-NH ACB	112F		83.489
.....
668	GBC	31/5/2010	NHNQ Trả lãi TG USD-NH Ngô Quyền	1122B		3.800
669	GBC	31/5/2010	NH Sebank trả lãi tiền gửi-NH Sebank	112S		3.167
678	PKT	31/5/2010	KC DT HĐTC	911	1.561.593	
			Cộng		1.561.593	1.561.593
			Số dư cuối kỳ			

Kế toán
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 05 năm 2010

Giám Đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Sơ đồ tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:



2.2.3. Kế toán Giá vốn hàng bán ra.

2.2.3.1. Kế toán chi tiết giá vốn hàng bán ra.

- Phương pháp xác định giá vốn : Giá vốn bán hàng chính là giá gốc (giá mua vào) của hàng hoá. Để xác định giá vốn của hàng xuất kho công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.

✓ Đối với hàng hóa là dịch vụ như dịch vụ vận tải, dịch vụ cho thuê kho..., Công ty không tập hợp chi phí để tính giá thành cũng không có thành phẩm, vì vậy các chi phí về nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được tập hợp lại đến cuối kỳ kết chuyển sang TK 154 – chi phí dở dang cuối kỳ rồi kết chuyển sang giá vốn.

✓ Đối với hàng hóa xăng dầu thì giá vốn hàng bán bao gồm toàn bộ giá mua và các chi phí có liên quan đến thu mua. Giá vốn của hàng hóa bán ra được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ, hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

– Tài khoản sử dụng, chứng từ sử dụng :

– Chứng từ sử dụng :

- + Phiếu xuất kho.
- + Hợp đồng kiểm phiếu xuất kho
- + Bảng kê mua hàng
- + Các chứng từ thanh toán như : phiếu thu , séc chuyển

khoản, séc thanh toán , uỷ nhiệm chi , giấy báo có của ngân hàng....

– **Sổ sách sử dụng :**

- + Nhật ký chung,
- + sổ chi tiết TK (156...),
- + Sổ cái các tài khoản liên quan,
- + Bảng tổng hợp Nhập - Xuất - Tồn.

Để theo dõi giá vốn hàng bán chứng từ ban đầu là phiếu xuất kho , khi xuất hàng hoá kế toán phải lập phiếu xuất kho làm căn cứ để xuất hàng hoá đồng thời là cơ sở vào sổ chi tiết vật liệu , hàng hoá . Đồng thời ghi nhận về số lượng hiện vật.

Khi bán hàng cửa hàng lập : Phiếu xuất kho , hoá đơn GTGT , phiếu thu và ghi nhận Giá vốn hàng bán qua TK 632. Cuối tháng kế toán tổng hợp giá vốn hàng bán toàn công ty , dùng bảng tổng hợp nguyên vật liệu , công cụ , hàng hoá để lập Báo cáo bán hàng.

Ví dụ : Tồn đầu tháng 05 năm 2010 như sau:

Xăng Mogas92	Lượng 188.834 lít	Đơn giá 13.125 đ/lít
Dầu Diezel	Lượng 21.109 lít	Đơn giá 12.293 đ/lít

Căn cứ vào hóa đơn số 00888 ngày 31/05/2010 Công ty xuất bán cho công ty CPTM Vận Tải Nam Phương.

Xăng Mogas 92: 640 lít, đơn giá bán lẻ : 15.400 đ/lít (giá bán đã bao gồm thuế GTGT 10% và lệ phí xăng dầu).

Dầu Diezel: 4.397 lít, đơn giá bán lẻ: 13.318 đ/lít (giá bán đã bao gồm thuế GTGT 10% và lệ phí xăng dầu). Công ty CPTM Vận Tải Nam Phương chưa thanh toán.

Cuối kỳ, xác định được đơn giá xuất theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ là 13.125 đồng/lít, xác định giá vốn hàng bán: căn cứ vào phiếu xuất kho, kế toán xác định giá vốn của xăng dầu bán cho ngày 01/05/2010:

Giá vốn của xăng mogas 92: $640 \times 13.125 = 8.400.000$

Nợ TK 632: 8.400.000

Có TK 1561: 8.400.000

Công ty Cổ Phần Vận Tải Và Thương Mại Xuân Trường Hai

PHIẾU XUẤT KHO

Số : 98/T05/PXXD/2010

Họ và tên người bán hàng : Chị Tâm

Xuất bán cho : Công ty Cổ Phần Vận Tải Nam Phương

Xuất tại kho : Kho xăng dầu – Công ty

STT	Tên hàng hóa	ĐV Tính	Số lượng xuất	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Xăng Mogas 92	lit	640	13.125	8.400.000
2	Dầu Diezel	lit	4.397	12.293	54.052.321
	/				
	Tổng cộng				65.030.821
	Lệ phí xăng dầu				2.578.500

Cộng thành tiền (viết bằng chữ) : *Sáu mươi lăm triệu không tám ba mươi ngàn tám trăm hai mươi một đồng chẵn .*

Kế toán
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 05 năm 2010
Giám Đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT-3LL		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		DT/2010B		
Liên 3 : Nội bộ		0000888		
Ngày 31 Tháng 05 Năm 2010				
Đơn vị bán hàng: ..Công ty Cổ Phần Vận Tải Và Thương Mại Xuân Trường Hai.....				
Địa chỉ:.....Đông Hải , Hải An , Hải Phòng.....				
Tài khoản :				
Điện thoại :MS : 0200596220				
Họ tên người mua hàng:.....				
Tên đơn vị :Công ty Cổ Phần vận Tải Và Vận Tải Nam Phương.....				
Địa chỉ :102 Trường Chinh-Lâm Hà – Kiến An –Hải Phòng.....				
Số tài khoản :				
Hình thức thanh toán : ..CK.....MS: 0200906539				
Tên hàng hóa , dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
B	C	1	2	3=1X2
Dầu Diezel	Lit	4.397	12.818,18	56.361.537
LPXD	Lit	4.397	500	2.198.500
Cộng tiền hàng :				56.361.537
Thuế suất GTGT:10% Tiền thuế GTGT :				5.636.154
Tổng cộng tiền thanh toán :				64.196.191
Tiền viết bằng chữ : Sáu mươi tư triệu , một trăm chín sáu ngàn, một trăm chín một đồng /				
Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị		
(ký , ghi rõ họ tên)	(ký , ghi rõ họ tên)	(ký , đóng dấu , ghi rõ họ tên)		

HÓA ĐƠN				
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số: 01GTKT-3LL	
Liên 3 : Nội bộ			DT/2010B	
Ngày 31 Tháng 05 Năm 2010			0000888	
Đơn vị bán hàng:..Công ty Cổ Phần Vận Tải Và Thương Mại Xuân Trường Hai.....				
Địa chỉ:.....Đông Hải , Hải An , Hải Phòng.....				
Tài khoản :				
Điện thoại :MS : 0200596220				
Họ tên người mua hàng:.....				
Tên đơn vị :Công ty Cổ Phần vận Tải Và Vận Tải Nam Phương.....				
Địa chỉ :102 Trường Chinh-Lâm Hà – Kiến An –Hải Phòng.....				
Số tài khoản :				
Hình thức thanh toán :..CK.....MS: 0200906539				
Tên hàng hóa , dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
B	C	1	2	3=1X2
Xăng A92	Lit	640	13.125	8.400.000
LPXD	Lit	640	594	380.000
Cộng tiền hàng :				8.780.000
Thuế suất GTGT:10% Tiền thuế GTGT :				878.000
Tổng cộng tiền thanh toán :				9.658.000
Tiền viết bằng chữ : chín triệu sáu trăm năm mươi tám ngàn đồng chẵn.				
Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị		
(ký , ghi rõ họ tên)	(ký , ghi rõ họ tên)	(ký , đóng dấu , ghi rõ họ tên)		

Công Ty Cổ Phần Vận Tải Và Thương Mại Xuân Trường Hai

SỔ CHI TIẾT SẢN PHẨM HÀNG HÓA

Tháng 05 năm 2010

Tài khoản: 1561

Hàng hóa: Xăng mogas 92

Đơn vị tính: VND

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3=1*2	4	5=1*4	6	7=1*6
		Dư đầu kỳ		13.000					300.254	3.903.302.000
620	31/05/2010	Bán chịu Cty Nam Phương	632				640		299.614	
59	06/05/2010	Mua của Gia Trang	112	13.250	1.000	13.250.000			300.614	
									
		Cộng tháng		13.125	11.074	145.346.250	147.134	3.074.590.980	64.194	906.135.920

Kế toán
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 05 năm 2010
Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Công Ty Cổ Phần Vận Tải Và Thương Mại Xuân Trường Hai

SỔ CHI TIẾT SẢN PHẨM HÀNG HÓA

Tháng 05 năm 2010

Tài khoản: 1562

Hàng hóa: **Dầu Diezel 0,05%**

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3=1*2	4	5=1*4	6	7=1*6
		Số dư đầu kỳ		12.000					20.109	241.308.000
620	01/12/2009	Bán chịu Nam Phương	632				4.397		15.712	
59	06/12/2009	Mua của Gia Trang	112	12.500	3.000	37.500.000			18.712	
....
		Cộng tháng		12.293	7.852	96.524.636	17.856	219.503.000	4.903	100.183.300

Kế toán

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 05 năm 2010

Giám đốc

(Ký và ghi rõ họ tên)

Công Ty Cổ Phần Vận Tải Và Thương Mại Xuân Trường Hai

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT SẢN PHẨM HÀNG HÓA

Tài khoản: 156
Tháng 05 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Tên sản phẩm hàng hóa	Số tiền			
		Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
A	B	1	2	3	4
1	Xăng mogas 92	3.903.302.000	145.346.250	3.074.590.980	906.135.920
2	Dầu diezel 0,05	241.308.000	96.524.636	219.503.000	100.183.300
	Cộng	4.144.610.000	241.870.886	3.294.093.980	1.006.319.220

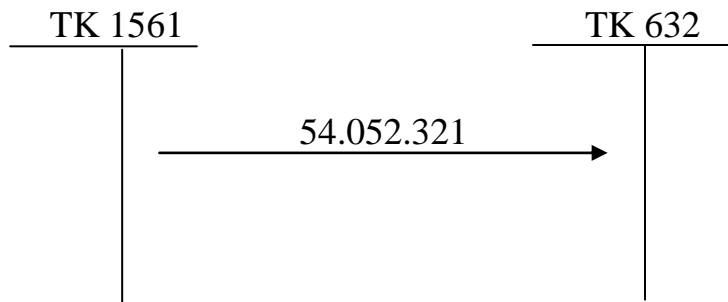
Kế toán
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 05 năm 2010
Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giá vốn của dầu diesel: $4.397 \times 12.293 = 54.052.321$

Nợ TK 632: 54.052.321

Có TK 1561: 54.052.321



2.2.3.1.2. Kế toán Tổng hợp Giá vốn hàng bán ra.

– Tài khoản sử dụng :

+ TK 156 – Hàng hoá là tài khoản phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động của các loại hàng hoá của doanh nghiệp bao gồm hàng hoá tại kho , quầy hàng , hàng hoá bất động sản .

+ TK 632 – Giá vốn hàng bán là giá trị phản ánh số giá trị vốn của hàng hoá xuất bán trong kì .

– Kết cấu và nội dung của TK 632 :

+ Bên nợ : Trị giá vốn của hàng hoá đã cung cấp theo từng hoá đơn

+ Bên có : Kết chuyển giá vốn của hàng hoá vào bên nợ TK 911

- TK này không có số dư

* Tổng hợp giá vốn hàng bán tháng 05 năm 2010.

+ Nợ TK 632 : 11.232.383.542

Có TK 156 : 11.232.383.542

+ Nợ TK 911 : 11.232.383.542

Có TK 632 : 11.232.383.542

Công Ty Cổ Phần Vận Tải Và Thương Mại Xuân Trường Hai

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

DVT: đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng		Số tiền
	Số hiệu	NT		Nợ	Có	
			SPS Tháng 05			
...
416	00682	30/05/2010	Dầu DO-cty TNHH TM Bình Dung	131	5111	147.614.161
417	00683	30/05/2010	Thuế GTGT-cty TNHH TM Bình Dung	131	3331	14.761.416
418	00684	30/05/2010	Lệ phí dầu-cty TNHH TM Bình Dung	131	138	5.758.000
...
428	00883	31/05/10	Dầu DO Công ty CP TM&DV Thái Ninh	131	5111	42.133.358
429	00883	31/05/10	Thuế GTGT 00883 TM & DV Thái Ninh	131	3331	4.213.336
430	00883	31/05/10	Lệ Phí Dầu Công Ty CP TM&DV Thái Ninh	131	138	1.643.500
.....
434	00888	31/05/10	Dầu DO Công ty CP TMVT Nam Phương	131	5111	56.361.537
435	00888	31/05/10	Thuế GTGT00888 CTCP TMVT Nam Phương	131	3331	5.636.154
436	00888	31/05/10	Lệ Phí Dầu Công Ty CP TM&DV Nam Phương	131	138	2.198.500
.....
483	PX 23	31/05/10	Xuất giá vốn 20W50	632	156	2.568.800
.....
676	PKT	31/05/10	KC DTVC về KQKD	5112	911	4.846.519.138
677	PKT	31/05/10	KC DTTM về KQKD	5113	911	362.270.888
.....	PKT	31/05/10
679	PKT	31/05/10	KC CPSX Về giá vốn	632	154	4.894.402.475
680	PKT	31/05/10	KC giá vốn XD về KQKD	911	632	6.337.981.067
681	PKT	31/05/10	KC giá vốn VC về KQKD	911	632	4.894.402.475

			Số trang trước chuyển sang			90.142.641.809
683	PKT	31/05/10	KC lãi về TNDN	911	421.2	56.754.586
.....
			Cộng			101.254.472.087

Kế toán
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 05 năm 2010
Giám Đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Công Ty Cổ Phần Vận Tải Và Thương Mại Xuân Trường Hai

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 632

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Năm 2010

DVT: Đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			SPS Tháng 05			
.....
481	PX 217	31/05/2010	Xuất xăng A 92	156	21.262.500	
482	PX 218	31/05/2010	Xuất Thẻ Lọc 46	156	288.540	
483	PX 219	31/05/2010	Xuất 20W50	156	2.568.800	
484	PKT 220	31/05/2010	Xuất dầu cầu	156	141.670	
.....
679	PKT 350	31/05/2010	KC CPSX Về giá vốn	154	4.894.402.475	
680	PKT 351	31/05/2010	KC giá vốn XD về KQKD	911		6.337.981.067
681	PKT 352	31/05/2010	KC giá vốn VC về KQKD	911		4.894.402.475
			Cộng		11.232.383.542	11.232.383.542
			Số dư cuối kỳ			

Kế toán

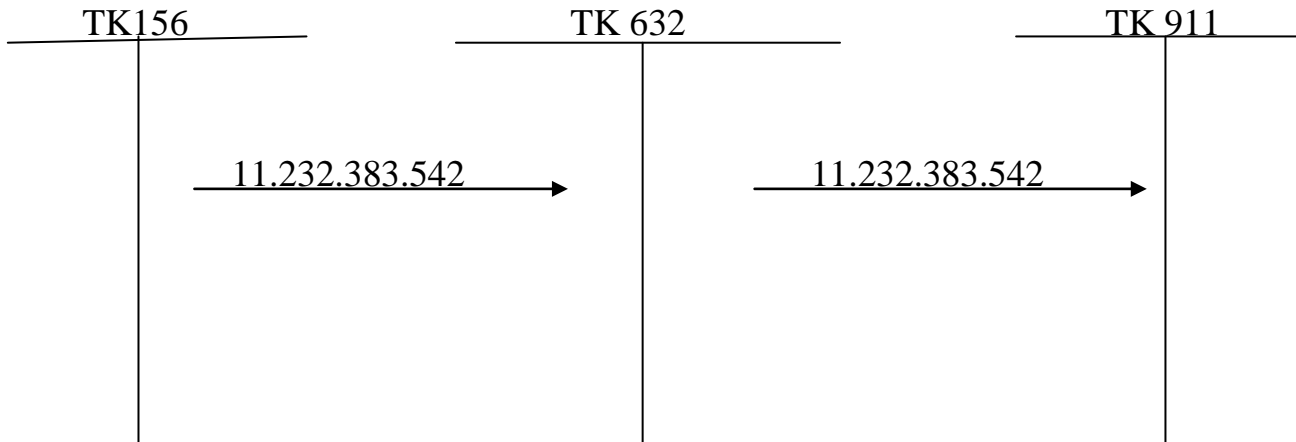
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 05 năm 2010

Giám đốc

(Ký và ghi rõ họ tên)

Sơ đồ 21 : Hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty CP Vận Tải và Thương Mại Xuân Trường Hai.



2.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Tại công ty CP Vận Tải Và Thương Mại Xuân Trường Hai , do quy mô hoạt động và quản lý còn hạn chế , cửa hàng tiêu thụ sản phẩm được quản lý trực tiếp bởi ban Giám đốc , mọi chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động bán hàng đều được hạch toán qua chi phí quản lý doanh nghiệp.

2.2.4.1. Kế toán chi tiết chi phí quản lý doanh nghiệp .

Chi phí quản lý doanh nghiệp là những chi phí cho việc quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và phục vụ chung khác liên quan đến hoạt động của cả doanh nghiệp. Chi phí quản lý chủ yếu của công ty bao gồm:

- Chi phí trả lương cho nhân viên.
- Chi phí khấu hao TSCĐ.
- Chi phí mua văn phòng phẩm.
- Lệ phí ngân hàng .
- Tiền điện thoại.
- Chi phí bằng tiền khác: chi phí tiếp khách, thuê môn bài....

a) Chứng từ sổ sách kế toán sử dụng.

- Phiếu chi
- Bảng lương.
- Bảng tính và phân bổ khấu hao.
- Hoá đơn GTGT.
- Các chứng từ khác có liên quan.
- Sổ nhật ký chung.
- Sổ cái TK 642.

b) Phương pháp hạch toán.

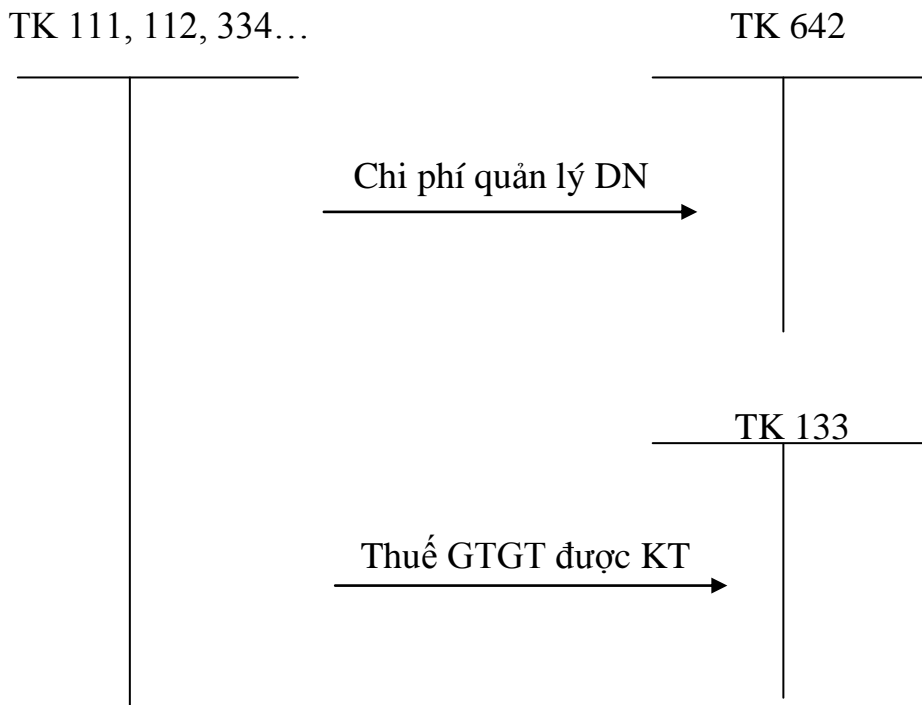
Hàng tháng kế toán căn cứ vào bảng thanh toán lương, bảng trích khấu hao TSCĐ, phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng....để tập hợp chi phí thực tế phát sinh sau đó kế toán ghi vào sổ cái TK 642.

Trong tháng khi phát sinh chi phí quản lý doanh nghiệp kế toán căn cứ vào các hóa đơn chứng từ liên quan để hạch toán.

Nợ TK 642

Nợ TK 133 (nếu có)

Có TK 111, 112, 334, 214...



Ví dụ :

- Ngày 07 tháng 05 năm 2010 Công ty thanh toán tiền vé máy bay cho Công ty TNHH TM Hải Long Số tiền : 29.788.000 đồng

- Ngày 18 tháng 05 năm 2010 Công ty thanh toán tiền cước di động cho Tổng công ty Viễn Thông Quân Đội số tiền là 3.711.672 đồng

Căn cứ vào phiếu chi ngày 07 tháng 05 và phiếu chi ngày 18 tháng 05 kế toán vào Sổ Nhật Ký Chung và Sổ Cái

Đơn vị:

PHIẾU CHI

Quyển số:

Mẫu số: 02-TT(ban

Bộ phận :

Ngày 7 tháng 05 năm 2010

Số : 07

hành theo QĐ

48/2006-QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của

Mã đơn vị SDNS:

Bộ trưởng BTC

Tên người nhận tiền : Công ty TNHH Hải Giang.....

Địa chỉ :

Lý do chi : Vé máy bay.....

Số tiền : 29.788.000 (Viết bằng chữ) Hai mươi chín triệu , bảy trăm tám mươi

tám ngàn đồng chẵn /.....

Kèm theoChứng từ gốc.....

Ngày 7 tháng 05 năm 2010

Giám đốc
(ký , họ tên , đóng dấu)

Kế toán trưởng
(ký , họ tên)

Người lập
(ký , họ tên)

Người nhận
(ký , họ tên)

Thủ quỹ
(ký , họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ).....

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng , bạc , đá quý).....

+ Số tiền quy đổi :.....

Đơn vị: **PHIẾU CHI** *Quyển số:* **Mẫu số: 02-TT(ban**
 Bộ phận: **Ngày 18 tháng 05 năm 2010** *Số: 04* **hành theo QĐ**
48/2006-QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của
Bộ trưởng BTC

Mã đơn vị SDNS:

Tên người nhận tiền : Tổng Công ty TNHH Viễn Thông Quân Đội.....

Địa chỉ :

Lý do chi : Cước di động.....

Số tiền : 3.711.672 (Viết bằng chữ) Ba triệu , bảy trăm mười một ngàn , sáu trăm bảy mươi hai đồng chẵn /.....

Kèm theoChứng từ gốc.....

Ngày 18 tháng 05 năm 2010

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận	Thủ quỹ
(ký , họ tên , đóng dấu)	(ký , họ tên)	(ký , họ tên)	(ký , họ tên)	(ký , họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ).....

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng , bạc , đá quý).....

+ Số tiền quy đổi :.....

Công Ty Cổ Phần Vận Tải Và Thương Mại Xuân Trường Hai

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

ĐVT: đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng		Số tiền
	Số hiệu	NT		Nợ	Có	
			Số PS Tháng 05			
...
11	PC 05	05/05/2010	TT Tiền nước-Công ty TNHH 1 Thành Viên Cấp nước HP	642		2.249.270
				133		224.927
					1111	2.474.1976
13	GBN	6/05/2010	Trả lãi ngân hàng Ngô Quyền	635	1121B	2.288.521
...
109	PC 07	7/05/2010	TT Tiền Vé máy bay -CT TNHH Hải Giang	642		27.149.000
				133		2.639.000
					111	29.788.000
...
211	PC 04	18/05/2010	Thanh toán Tiền cước di động-CT VT Quân Đội	642		3.374.248
				133		337.424
					111	3.711.672
.....
678	PKT	31/05/2010	KC CPQL Về KQKD	911	642	280.285.287
679	PKT	31/05/2010	KC CPSX Về giá vốn	6322	154	4.894.402.475
680	PKT	31/05/2010	KC giá vốn XD về KQKD	911	6321	6.337.981.067
681	PKT	31/05/2010	KC giá vốn VC về KQKD	911	6322	4.894.402.475
.....
			Cộng			101.254.472.087

Kế toán
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 05 năm 2010
Giám Đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Công Ty Cổ Phần Vận Tải Và Thương Mại Xuân Trường Hai

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 642

Tên tài khoản: Chi Phí Quản Lý Doanh Nghiệp

Năm 2010

DVT: Đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			SPS Tháng 05			
11	PC 05	5/05/2010	TT Tiền nước –CT TNHH 1 Thành viên	111	2.249.270	
.....
109	PC 07	7/05/2010	TT vé máy bay –CT TNHH Hải Long	111	27.149.000	
211	PC 04	18/05/2010	TT tiền cước di động –CT Viễn Thông Quân Đội	111	3.711.672	
.....
266	PKT 20	4/05/2010	Phí chuyển tiền –NH NQ	1121B	112.420	
267	PKT 22	6/05/2010	Phí chuyển tiền –NH NQ	1121B	101.354	
270	PKT 25	10/05/2010	Tiếp khách –CT TNHH Lan Hương	111	1.182.000	
268	PC 32	31/05/2010	TT Phụ Cấp VP	111	13.188.400	
.....
491	PKT 35	31/05/2010	Xuất xăng cho xe công tác	156	72.975.000	
492	PKT 36	31/05/2010	Xuất xăng cho CBNV	156	20.343.750	
493	PKT 37	31/05/2010	Lệ Phí xăng	138	7.100.000	
.....
678	PKT 232	31/05/2010	KC CPQLDN	911		280.285.287
			Công		280.285.287	280.285.287

Kế toán

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 05 năm 2010

Giám Đốc

(Ký và ghi rõ họ tên)

2.2.4.2. Kế toán tổng hợp chi phí quản lý doanh nghiệp :

– Tài khoản sử dụng :

TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí chung của doanh nghiệp

– Kết cấu và nội dung của TK 642 :

+ Bên Nợ : Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kì.

+ Bên Có : - Các khoản giảm chi phí quản lý doanh nghiệp

- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911.

– Tài khoản này không có số dư .

– Tổng hợp chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh tháng 05 năm 2010.

Nợ TK 642 : 280.285.287

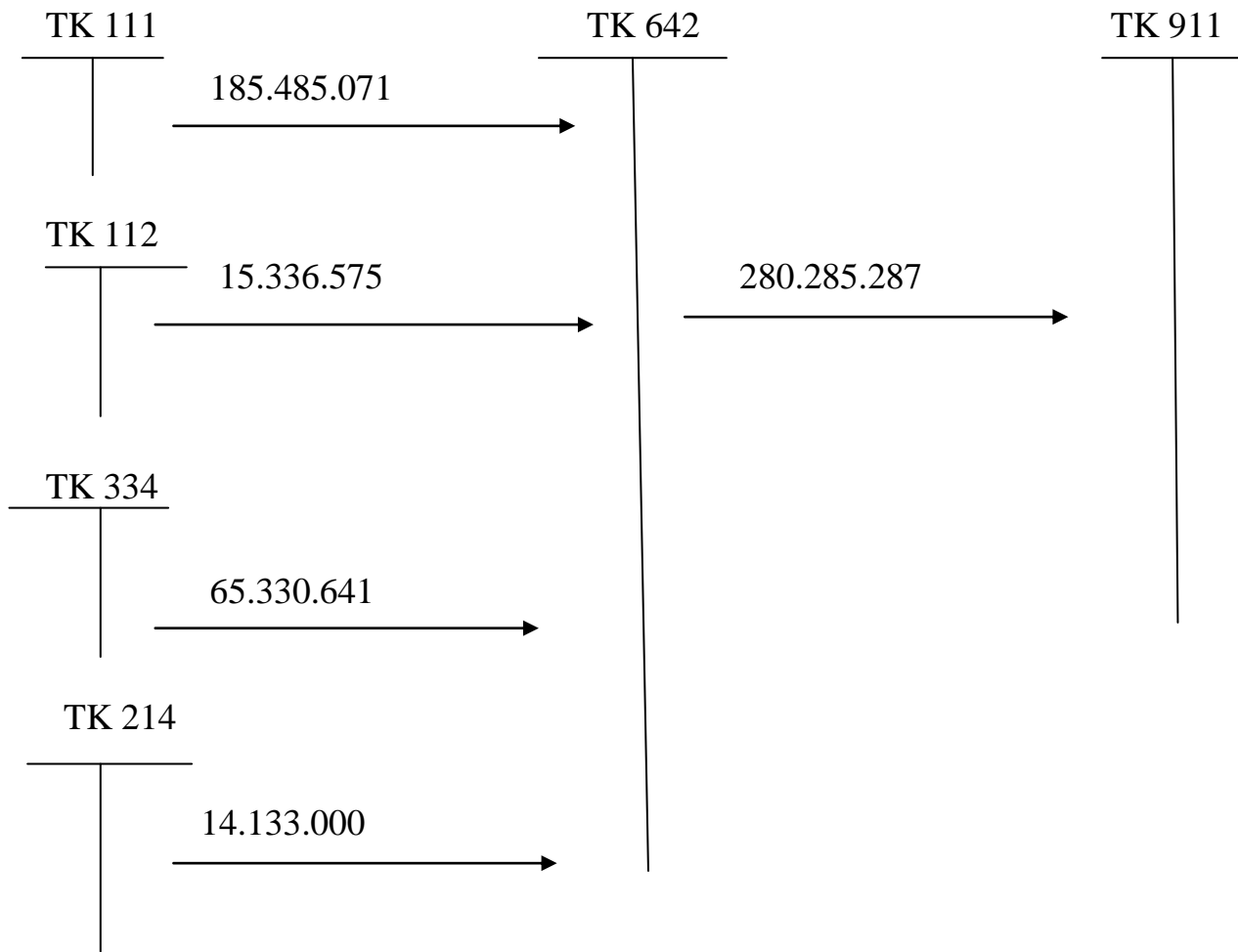
Có TK 111 : 185.485.071

Có TK 112 : 15.336.575

Có TK 334 : 65.330.641

Có TK 214 : 14.133.000

Sơ đồ 22: Hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp :



2.2.5. Kế toán chi phí tài chính

2.2.5.1. Kế toán chi tiết chi phí hoạt động tài chính.

Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng

- Chứng từ :

- + Giấy báo trả lãi tiền vay
- + Các chứng từ khác có liên quan (nếu có)

-Sổ sách :

- + Sổ NKC
- + Sổ cái TK 635
- + Các sổ sách khác có liên quan

Quy trình hạch toán:

Khi phát sinh các nghiệp vụ thuộc chi phí tài chính kế toán định khoản:

Nợ TK 635: Chi phí trả lãi vay, chi phí liên doanh, liên kết...

Có TK 131,111,112,331: Chi phí trả lãi vay, chi phí liên doanh, liên kết.

2.2.5.2. Kế toán tổng hợp Chi phí hoạt động tài chính :

TK sử dụng : TK 635 – “ Chi phí hoạt động tài chính ”

Nội dung và kết cấu TK 635 :

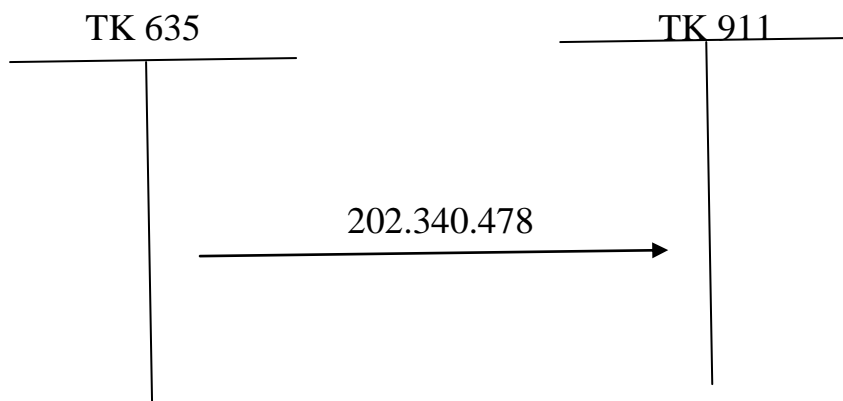
Tài khoản 635 “ Chi phí tài chính”

<ul style="list-style-type: none"> - Các khoản chi phí hoạt động tài chính. - Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn. - Các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh thực tế. - Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ. - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. - Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản này không có số dư đầu và cuối kỳ

Cuối tháng tổng hợp kết chuyển chi phí tài chính vào kết quả hoạt động sản xuất kinh

doanh.



NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

ĐVT: đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng		Số tiền
	Số hiệu	NT		Nợ	Có	
			SPS Tháng 05			
...
309	GBN22	10/05/2010	Trả lãi NH Ngô Quyền	635	1121B	2.288.521
417	00683	30/05/2010	Thuế GTGT-cty TNHH TM Bình Dung	131	3331	14.761.416
418	00684	30/05/2010	Lệ phí dầu-cty TNHH TM Bình Dung	131	138	5.758.000
...
427	GBN36	25/05/2010	Trả lãi Ngân hàng Ngô Quyền	635	1121B	200.051.957
428	00883	31/05/10	Dầu DO Công ty CP TM&DV Thái Ninh	131	5111	42.133.358
429	00883	31/05/10	Thuế GTGT 00883 TM & DV Thái Ninh	131	3331	4.213.336
430	00883	31/05/10	Lệ Phí Dầu Công Ty CP TM&DV Thái Ninh	131	138	1.643.500
.....
433	GBC38	31/05/2010	Ngân hàng trả lãi tiền gửi- NH Ngô Quyền	112B	515	3.800
434	00888	31/05/10	Dầu DO Công ty CP TMVT Nam Phương	131	5111	56.361.537
435	00888	31/05/10	Thuế GTGT00888 CTCP TMVT Nam Phương	131	3331	5.636.154
436	00888	31/05/10	Lệ Phí Dầu Công Ty CP TM&DV Nam Phương	131	138	2.198.500
.....
483	PX 23	31/05/10	Xuất giá vốn 20W50	6321	156	2.568.800
.....
676	PKT	31/05/10	KC DTVC về KQKD	5112	911	4.846.519.138
677	PKT	31/05/10	KC DTTM về KQKD	5113	911	362.270.888
678	PKT	31/05/10	KC DT HĐTC	515	911	1.561.593
679	PKT	31/05/10	KC CPSX Về giá vốn	6322	154	4.894.402.475
680	PKT	31/05/10	KC giá vốn XD về KQKD	911	6321	6.337.981.067

681	PKT	31/05/10	KC giá vốn VC về kqkd	911	6322	4.894.402.475
682	PKT	31/05/2010	KC lãi vay về KQKD	911	635	202.340.478
683	PKT	31/05/10	KC lãi về TNDN	911	421.2	56.754.586
.....
			Cộng			101.254.472.087

Kế toán
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 05 năm 2010
Giám Đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Công Ty Cổ Phần Vận Tải Và Thương Mại Xuân Trường Hai

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 635

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Năm 2010

DVT: Đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			SPS Tháng 05			
309	GBN22	10/05/2010	Trả lãi ngân hàng Ngân Quyền	1121B	2.288.521	
427	GBN36	25/05/2010	Trả lãi Ngân hàng Ngân Quyền	1121B	200.051.957	
682	PKT	31/05/2010	KC lãi vay về KQKD	911		202.340.478
			Cộng		202.340.478	202.340.478
			Số dư cuối kỳ			

Kế toán

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 05 năm 2010

Giám Đốc

(Ký và ghi rõ họ tên)

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

2.2.6.1. Kế toán chi tiết kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Nguyên tắc hạch toán.

Sau một kỳ kế toán cần xác định kết quả của hoạt động kinh doanh trong kỳ với yêu cầu chính xác và kịp thời. Chú ý tới nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ kế toán.

Trên tài khoản 911 cần phải phản ánh đầy đủ, chính xác các khoản kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ hạch toán theo đúng quy định của chế độ quản lý tài chính.

Các khoản doanh thu và thu nhập được kết chuyển vào tài khoản này là số doanh thu thuần và thu nhập thuần.

- Phương pháp xác định kết quả kinh doanh.

Cuối mỗi quý, kế toán tổng hợp thực hiện các bút toán kết chuyển các tài khoản liên quan trên phiếu kế toán (PKT). Căn cứ vào các PKT để lập sổ chi tiết xác định kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

Kết quả hoạt động kinh doanh được xác định như sau:

$$\mathbf{KQKD = DTT - CP + KQTC + LN KHÁC}$$

DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ	=	Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Các khoản giảm trừ doanh thu
--	---	--	---	---------------------------------

Trong đó:

- Các khoản giảm trừ doanh thu : Giảm giá hàng bán.
- Chi phí = Giá vốn hàng bán + Chi phí bán hàng , chi phí quản lý DN
- KQTC = Doanh thu HĐTC - Chi phí HĐTC
- LN khác = Thu nhập khác - Chi phí khác

Ví dụ: Cuối kỳ, kế toán tiến hành thực hiện các bút toán kết chuyển :

K/c giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp:

Nợ TK 911 : 11.715.009.307

Có TK 632: 11.232.383.542

Có TK 635: 202.340.478

Có TK 642: 280.285.287

-K/c doanh thu:

Nợ TK 511 : 11.770.202.300

Có TK 911 : 11.770.202.300

- Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính :

Nợ Tk 515 : 1.561.593

Có Tk 911 : 1.561.593

-K/c Lợi nhuận trước thuế TNDN:

Nợ 911 : 56.754.586

Có TK 4212 : 56.754.586

Cuối tháng, căn cứ vào bút toán kết chuyển để ghi Sổ cái TK 911 và TK 4212.

2.2.6.2. Kế toán tổng hợp kết quả hoạt động kinh doanh.

+ Tài khoản sử dụng.

Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” dùng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi hay lỗ từ các loại hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

Công Ty Cổ Phần Vận Tải Và Thương Mại Xuân Trường Hai

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

ĐVT: đồng

STT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng		Số tiền
	Số hiệu	NT		Nợ	Có	
			SPS Tháng 05			
...
428	00883	31/05/10	Dầu DO Công ty Cổ Phần TM&DV Thái Ninh	131	5111	42.133.358
429	00883	31/05/10	Thuế GTGT 00883 TM & DV Thái Ninh	131	3331	4.213.336
430	00883	31/05/10	Lệ Phí Dầu Công Ty CP TM&DV Thái Ninh	131	138	1.643.500
.....
434	00888	31/05/10	Dầu DO Công ty Cổ Phần TMVT Nam Phương	131	5111	56.361.537
435	00888	31/05/10	Thuế GTGT00888 CTCP TMVT Nam Phương	131	3331	5.636.154
436	00888	31/05/10	Lệ Phí Dầu Công Ty CP TM&DV Nam Phương	131	138	2.198.500
.....
483	PX 23	31/05/10	Xuất giá vốn 20W50	6321	156	2.568.800
.....	31/05/10
676	PKT	31/05/10	KC DTVC về KQKD	5112	911	4.846.519.138
677	PKT	31/05/10	KC DTTM về KQKD	5113	911	362.270.888
.....	PKT	31/05/10
679	PKT	31/05/10	KC CPSX Về giá vốn	6322	154	4.894.402.475
680	PKT	31/05/10	KC giá vốn XD về KQKD	911	6321	6.337.981.067
681	PKT	31/05/10	KC giá vốn VC về KQKD	911	6322	4.894.402.475
683	PKT	31/05/10	KC lãi về TNDN	911	421.2	56.754.586
.....
			Cộng			101.254.472.087

Ngày 31 tháng 05 năm 2010

Kế toán
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám Đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Công ty CP Vận Tải Và Thương Mại Xuân Trường Hai

SỔ CÁI

Năm 2010

TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh tháng 05			
				
	31/05/2010	K/c giá vốn hàng bán	632	11.232.383.542	
	31/05/2010	K/c chi phí hoạt động tài chính	635	202.340.478	
	31/05/2010	K/c CPQLDN	642	280.285.287	
	31/05/2010	K/c doanh thu BH và CCDV	511		11.770.202.300
	31/05/2010	K/c doanh thu HĐTC	515		1.561.593
	31/05/2010	K/c lãi	421	56.754.586	
		Cộng SPS tháng 05		11.771.763.893	11.771.763.893
		Số dư cuối kỳ		-	-

Kế toán
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 05 năm 2010
Giám Đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Công ty CP Vận Tải Và Thương Mại Xuân Trường Hai

SỔ CÁI

Năm 2010

TK 421 – Lợi Nhuận Chưa Phân Phối

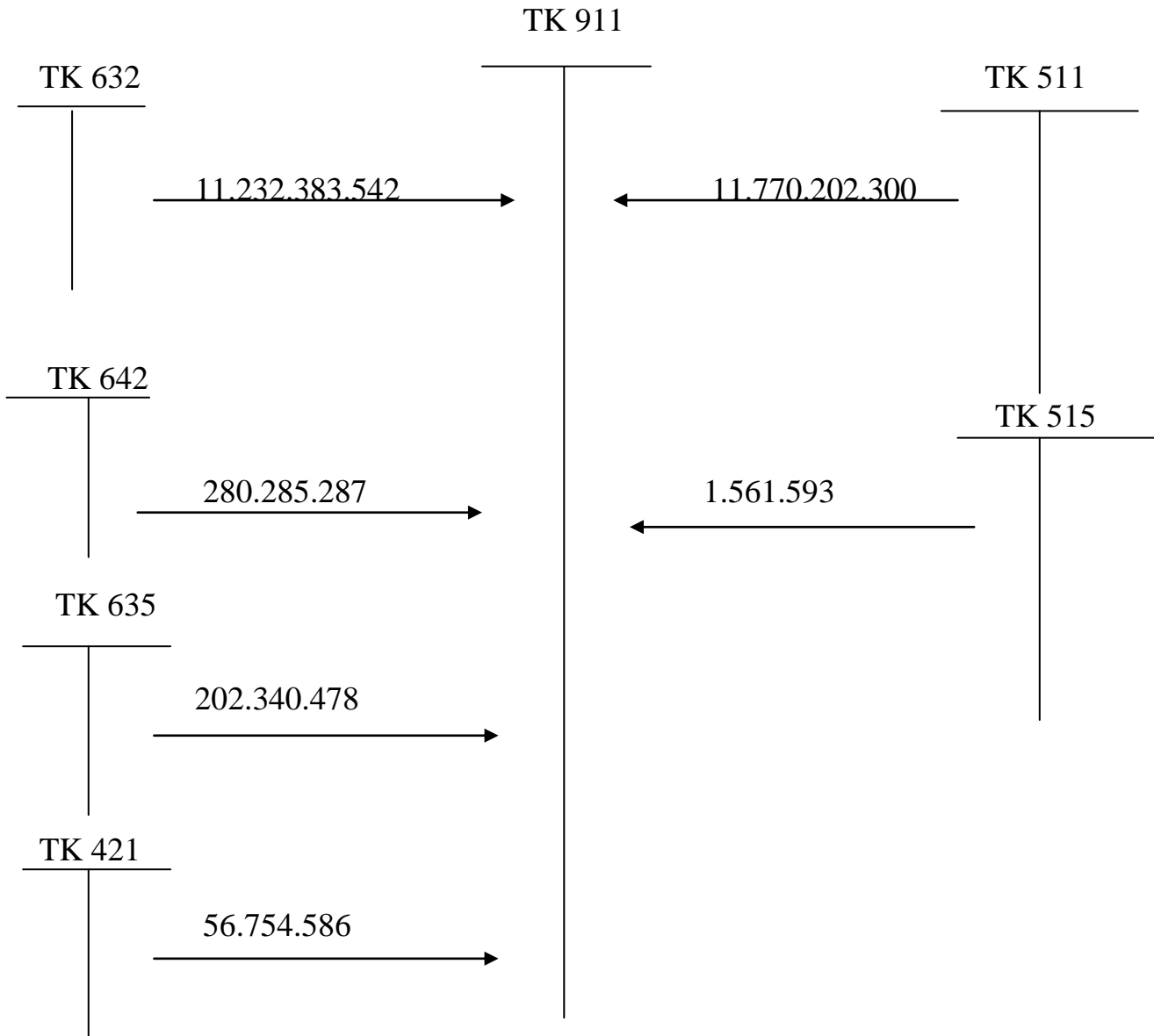
Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			ĐƯ	Nợ
		Số dư đầu kỳ			
		Số phát sinh tháng 05			
PKT	31/12/2010	Kết chuyển KQSX KD Tháng 05 về lãi	911		56.754.586
		Cộng SPS tháng 05			56.754.586
		Số dư cuối kỳ			<u>56.754.586</u>

Kế toán
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 05 năm 2010
Giám Đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Sơ đồ 23 : Hạch Toán tổng hợp doanh thu , chi phí , xác định kết quả kinh doanh :



Mẫu số : B – 02/DNN

(Ban hành kèm theo quyết định

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006

Độc Lập – Tự Do – hạnh Phúc

Của Bộ Tài Chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

NĂM 2010

Người nộp thuế : Công Ty Cổ Phần vận Tải Và Thương Mại Xuân Trường Hai

Mã số thuế : 0200596220

Quận Huyện : Hải An

Tỉnh / Thành phố : Hải Phòng

Điện thoại : 0313.629.929

Fax : 0313.629.929 Email :

STT	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	DT bán hàng và CC dịch vụ	01	IV.08	123.585.829.242	118.405.020.034
2	Các khoản giảm trừ DT	01			
3	DT thuần về bán hàng và CCDV (10=01-02)	10		123.585.829.242	118.405.020.034
4	Giá vốn hàng bán	11		116.885.478.388	115.973.778.224
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV (20=10-11)	20		6.700.350.854	2.431.241.810
6	DT hoạt động Tài Chính	21		8.139.463	3.549.011
7	Chi phí tài chính	22		1.593.414.295	
	Trong đó chi phí lãi vay	23		1.593.414.295	
8	Chi phí quản lý kinh doanh	24		3.030.178.107	3.867.224.113
9	Lợi nhuận thuần từ HĐ kinh doanh(30=20+12-22-24)	30		2.084.897.915	(1.432.433.292)
10	Thu nhập khác	31			
11	Chi phí khác	31			
12	Lợi nhuận khác	40			
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50	IV.09	2.084.897.915	(1.432.433.292)
14	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		20.000.000	
15	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)	60		2.064.897.915	(1.432.433.292)

Lập ngày 27 tháng 30 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám Đốc

(ký và ghi rõ họ tên)

(ký và ghi rõ họ tên)

(ký , ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG III

MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI XUÂN TRƯỜNG HAI

3.1. Nhận xét, đánh giá khái quát công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Vận Tải Và Thương Mại Xuân Trường Hai.

3.1.1. Những ưu điểm về tổ chức quản lý kinh doanh lý .

- Về hình thức kế toán : công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung. Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép vào Nhật ký chung mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó.

- Công ty áp dụng phương pháp kế toán hàng tồn kho theo : Phương pháp kê khai thường xuyên và hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ là rất hợp lý . Vì vậy công việc ghi chép nhanh chóng , chính xác , kịp thời thuận tiện cho việc kiểm tra đối chiếu sau này thông qua đó giúp cho kế toán trưởng nắm bắt được chi tiết , nhanh chóng kết quả hoạt động kinh doanh.

- Bộ máy kế toán được tổ chức theo mô hình tập trung, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được gửi lên phòng kế toán để kiểm tra và ghi chép vào sổ sách. Hình thức này gọn nhẹ, đảm bảo công tác kế toán được thực hiện một cách hiệu quả. Việc bố trí và phân chia trách nhiệm cụ thể cho các kế toán viên phù hợp với yêu cầu công việc và chuyên môn của từng người. Theo mô hình này, các kế toán viên có mối quan hệ chặt chẽ, qua lại với nhau nhằm đảm bảo công tác kế toán được tiến hành liên tục, chính xác và kịp thời.

- Hệ thống chứng từ Công ty sử dụng nhìn chung là đúng với mẫu biểu của Bộ Tài Chính ban hành. Những thông tin kinh tế được ghi chép một cách chính xác, đầy đủ vào chứng từ, tạo điều kiện cho việc kiểm tra số liệu thực tế và số liệu trên sổ sách kế toán. Chứng từ được kế toán phân loại cẩn thận, thuận lợi cho việc tìm kiếm và

đôi chiều số liệu.

- Công ty áp dụng hệ thống tài khoản kế toán theo quy định của Bộ Tài Chính và chuẩn mực kế toán thống nhất trên cả nước.

3.1.2. Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

3.1.2.1. Về công tác kế toán doanh thu.

Được sự hướng dẫn của kế toán trưởng giàu kinh nghiệm nên hiện nay phần lớn doanh thu đều được hạch toán theo dõi chặt chẽ. Việc hạch toán doanh thu như hiện nay là cơ sở quan trọng để từng bước tiến hành hạch toán kết quả sản xuất kinh doanh, đánh giá cụ thể hiệu quả loại hình kinh doanh để từ đó có cách nhìn đúng đắn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

3.1.2.2. Về công tác kế toán chi phí.

Chi phí kinh doanh là vấn đề hầu hết các doanh nghiệp quan tâm hàng đầu và luôn cố gắng quản lý chi phí một cách chặt chẽ nhằm tránh tình trạng khai khống chi phí làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh. Chính vì vậy mà mọi chi phí phát sinh tại công ty được theo dõi cụ thể để có thể kiểm soát chi phí một cách chặt chẽ.

3.1.2.3. Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh.

Công tác tổ chức kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh của công ty nhanh gọn, kịp thời, phản ánh đúng mức doanh thu mà doanh nghiệp đạt được theo từng tháng, từng quý, từng năm.

Tuy nhiên, ngoài những ưu điểm kể trên mà bộ máy kế toán công ty đã đạt được thì vẫn còn những bất cập mà kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cần phải khắc phục để hoàn thiện hơn nữa, đáp ứng tốt hơn yêu cầu quản lý và xây dựng một “ XUÂN TRƯỜNG HAI ” ngày càng vững mạnh.

3.1.3. Những nhược điểm.

3.1.3.1 Về tổ chức quản lý.

Là một công ty Cổ phần quy mô còn nhỏ hẹp , thời gian hoạt động chưa lâu nên vẫn còn một số hạn chế về tổ chức quản lý . Tuy nhiên ban lãnh đạo và các cán bộ công ty không ngừng học hỏi tiếp thu kinh nghiệm các doanh nghiệp bạn phấn đấu ngày càng vững mạnh , mở rộng quy mô đáp ứng mọi đòi hỏi của cơ chế mới.

3.1.3.2. Nhược điểm trong hạch toán kế toán nói chung và kế toán doanh thu , chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng.

*** Thứ nhất : Về việc luân chuyển chứng từ.**

Việc luân chuyển chứng từ trong công ty còn chậm trễ do Công ty không có thời gian qui định cụ thể về việc giao nộp chứng từ của các bộ phận nên dẫn đến tình trạng quá tải khi chứng từ về cùng một lúc.

*** Thứ hai : Về Chính sách thu hút khách hàng.**

Công ty chưa có chính sách để thu hút khách hàng , thúc đẩy tiêu thụ như chiết khấu thương mại (phản ánh qua TK 521) , giảm giá hàng bán (phản ánh qua TK 532). Bán hàng là nhiệm vụ hết sức quan trọng , quyết định lớn đến việc thu được lợi nhuận về cho doanh nghiệp . Bên cạnh đó vấn đề cạnh tranh trên thị trường ngày càng gay gắt , quyết liệt , không đặt lợi ích khách hàng lên hàng đầu ... đã làm giảm hiệu quả của công tác tiêu thụ sản phẩm , giảm năng lực cạnh tranh trên thị trường .

*** Thứ ba : Về việc thu hồi công nợ.**

Việc giải quyết tình trạng chiếm dụng vốn đang là một vấn đề nan giải của nhiều nhà quản lý. Trong khi Công ty cần vốn để đáp ứng đúng tiến độ, cung cấp cho khách hàng những sản phẩm có chất lượng cao, mở rộng mặt hàng kinh doanh vậy mà Công ty lại bị chiếm dụng vốn. Điều đó chứng tỏ Công ty chưa áp dụng các biện pháp giảm trừ doanh thu một cách hiệu quả đặc biệt là các khoản chiết khấu thanh toán trong quá trình bán hàng.

Ảnh hưởng: Do bị khách hàng chiếm dụng vốn nên doanh nghiệp không có lượng tiền để quay vòng vốn , mở rộng sản xuất kinh doanh nên công ty phải vay vốn ngân hàng và phải chịu mức lãi suất của ngân hàng trong khi vốn có nhưng lại bị khách hàng chiếm dụng.

3.1.3.3. Nguyên nhân của những nhược điểm.

- Nguyên nhân khách quan :

Ban lãnh đạo , nhân viên trong công ty chưa nhạy bén , nắm bắt kịp thời chế độ kế toán mới ban hành của bộ tài chính.

- Nguyên nhân chủ quan :

- + Chưa có sự quan tâm của lãnh đạo công ty , giữa các phòng ban không có sự phối hợp nhịp nhàng , ăn khớp.
- + Trình độ của nhân viên kế toán còn hạn hẹp, chưa được bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ , chuyên môn.
- + Chưa vận dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến , công nghệ mới.

3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Vận Tải Và Thương Mại Xuân Trường Hai.

3.2.1. Sự cần thiết và yêu cầu của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

– Khi Việt Nam chuyển sang nền kinh tế thị trường , các doanh nghiệp phải quan tâm nhiều hơn về sản phẩm và hoạt động kinh doanh của họ . Do vậy, các doanh nghiệp rất cần các thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về tình hình tiêu thụ lẫn lỗ thực tế của doanh nghiệp. Từ đó, doanh nghiệp sẽ đưa ra các biện pháp để giải quyết, khắc phục các vấn đề nảy sinh trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp. Những thông tin này có thể lấy từ nhiều nguồn khác nhau nên phải có sự thu thập và chọn lọc thông tin. Thu thập thông tin từ phòng kế toán là việc mà doanh nghiệp vẫn luôn được thực hiện do vậy kế toán là một công cụ quản lý rất quan trọng không thể bỏ qua.

– Trước hết sự thay đổi căn bản về nội dung và hình thức của các mối quan hệ kinh tế cũng tạo nên sự thay đổi cách hạch toán . Cho nên sự thay đổi nội dung và hình thức của các mối quan hệ kinh tế như kinh tế nhiều thành phần cùng với nó là sự xuất hiện công ty TNHH, Cổ Phần, Công ty tư nhân...đòi hỏi phải hoàn thiện công tác hạch toán kế toán để theo kịp sự phát triển và hoà nhập với hệ thống kế toán của các nước trên thế giới . Từ đầu năm 1994 dưới sự chỉ đạo trực tiếp của thủ tướng chính phủ , bộ tài chính đã tiến hành xây dựng hệ thống kế toán áp dụng thống nhất trong cả nước . Như vậy hoàn thiện hệ thống hạch toán kế toán là một việc làm tất yếu và cần thiết.

– Đối với mỗi doanh nghiệp, doanh thu và xác định kết quả là khâu cuối cùng kết thúc quá trình kinh doanh của doanh nghiệp nên đóng vai trò quan trọng. Thực

trạng kế toán nói chung, kế toán doanh thu xác định kết quả nói riêng tại các doanh nghiệp ở Việt Nam hầu hết chưa thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình. Thực tế, công tác kế toán còn thụ động, chỉ dừng ở mức độ ghi chép, cung cấp thông tin mà chưa có sự tác động tích cực. Xác định đúng doanh thu và kết quả hoạt động của công ty sẽ cho biết doanh nghiệp đó hoạt động ra sao, có hiệu quả hay không để các nhà đầu tư ra quyết định có nên đầu tư hay không. Đồng thời là cơ sở để cho các cán bộ lãnh đạo điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh để tăng doanh thu hạ chi phí mặt khác xác định được mục tiêu chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động của công ty trong tương lai. Do vậy hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả có một ý nghĩa rất quan trọng.

3.2.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Vận Tải Và Thương Mại Xuân Trường Hai.

Trước những yêu cầu hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán của Công ty cho phù hợp với chế độ của Nhà nước, phù hợp với trình độ chuyên môn của cán bộ kế toán Công ty. Qua quá trình thực tập tại Công ty CP Vận Tải Và Thương Mại Xuân Trường Hai, trên cơ sở tìm hiểu, nắm được tình hình thực tế cũng như những vấn đề lý luận đã được học, tôi nhận thấy trong công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh của công ty còn có những mặt hạn chế mà nếu được khắc phục thì phần hành kế toán này của Công ty sẽ được hoàn thiện hơn, đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu quản lý. Sau đây tôi xin đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty như sau :

3.2.2.1. Hoàn thiện việc luân chuyển chứng từ :

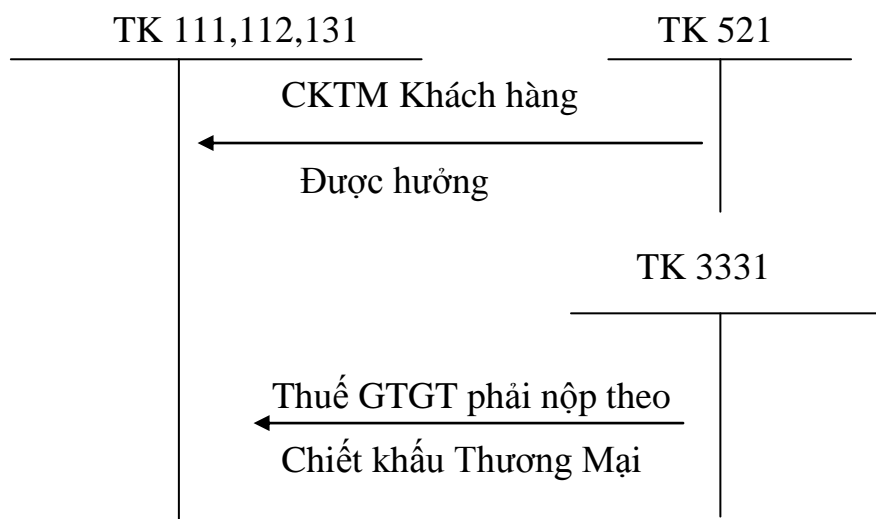
Việc luân chuyển chứng từ từ kho hay chi nhánh sang phòng tài vụ để xử lý còn chậm trễ gây nhiều khó khăn và ảnh hưởng tới việc xác định giá vốn hàng bán, công việc bị dồn ứ sang tháng sau làm ảnh hưởng không tốt cho công tác kế toán, làm cho nhân viên kế toán phải vất vả trong công việc. Vì vậy công ty cần có những biện pháp qui định về ngày luân chuyển chứng từ nhất định trong tháng để việc tập hợp chứng từ được thực hiện một cách đầy đủ, nhanh chóng, kịp thời, biện pháp cụ thể là: Có quy định thời gian cụ thể về việc giao nộp chứng từ của các bộ phận.

Với biện pháp hoàn thiện này ,việc tập hợp luân chuyển chứng từ có quy định cụ thể về thời gian giao nộp chứng từ của các bộ phận nên tránh được tình trạng chậm trễ trong quá trình đưa chứng từ đến phòng tài vụ để xử lý . Vì vậy chứng từ không bị ứ đọng đến kỳ sau , như vậy nhân viên kế toán không phải vất vả trong công việc.

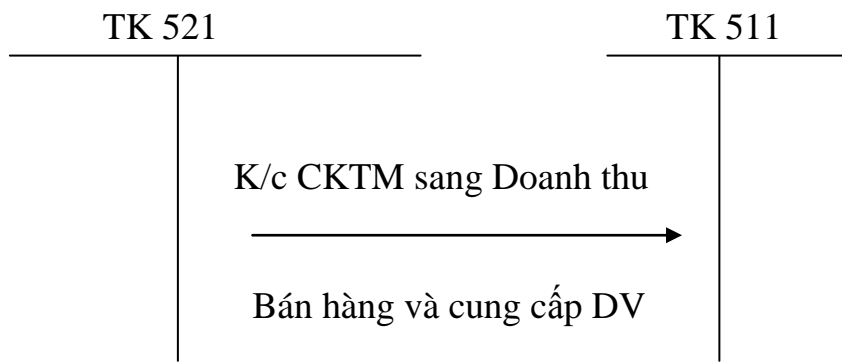
3.2.2.2. Hoàn thiện chính sách thu hút khách hàng.

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều tập thể và cá nhân hoạt động kinh doanh mặt hàng của công ty nên tình hình cạnh tranh diễn ra gay gắt . Công ty hiện nay đang có một lượng khách hàng truyền thống , lâu năm . Những khách hàng này thường mua với số lượng lớn , thanh toán bằng chuyển khoản . Do vậy công ty nên áp dụng một số biện pháp khuyến mại như bớt giá , chiết khấu thương mại khi khách hàng mua với số lượng lớn , thanh toán tiền nhanh , nhằm giữ được khách hàng. Khi áp dụng các biện pháp này kế toán phải mở tài khoản 521 “ Chiết khấu thương mại ” và TK 532 “ Giảm giá hàng bán ” để theo dõi.

- Phương pháp kế toán TK 521 “ Chiết khấu thương mại ” như sau :

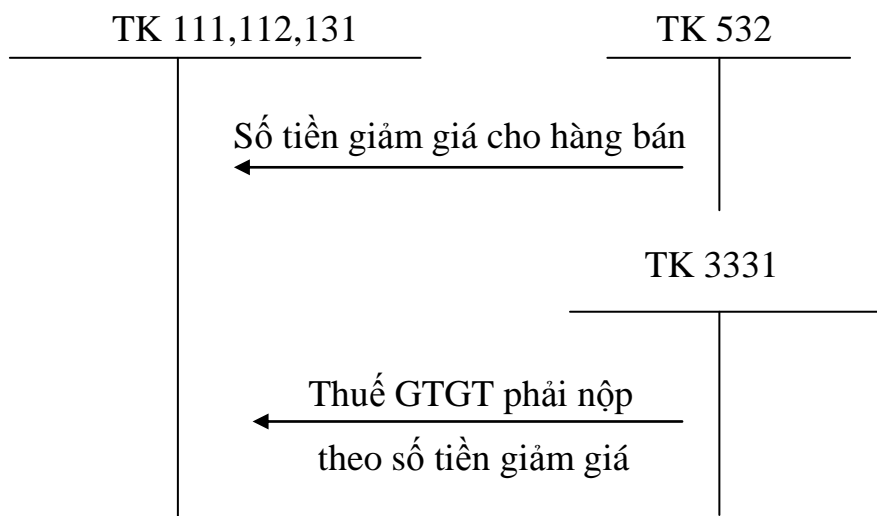


Cuối kỳ kết chuyển số tiền (Chiết khấu bán hàng đã chấp thuận) cho khách hàng sang TK 511 “ Doanh thu bán hàng ”



Phương pháp kế toán TK 532 “Giảm giá hàng bán ”

Khi phát sinh nghiệp vụ giảm giá hàng bán , kế toán phản ánh :

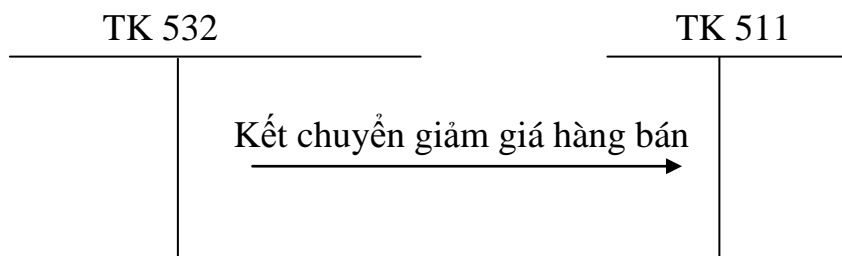


Nợ TK 532 : Số tiền giảm giá cho hàng bán

Nợ TK 3331: Thuế GTGT phải nộp theo số tiền giảm giá

Có TK 111,112,131 : Tổng số tiền trả lại hoặc giảm nợ cho khách hàng.

Cuối kỳ hạch toán kết chuyển giảm giá hàng bán để điều chỉnh giảm doanh thu



Với các biện pháp khuyến mãi này có thể công ty không chỉ giữ được các khách hàng truyền thống mà còn tăng được khối lượng khách hàng mới trong tương lai vì

có sự ưu đãi của công ty trong việc bán hàng và thanh toán , giúp thúc đẩy quá trình tiêu thụ , tăng thêm năng lực cạnh tranh trên thị trường.

Việc mở thêm các tài khoản này góp phần hoàn thiện đầy đủ , cụ thể hơn nữa hệ thống tài khoản kế toán cho công ty , đáp ứng yêu cầu của hạch toán kế toán tiêu thụ.

3.2.2.3. Hoàn thiện thu hồi công nợ.

Công ty phải theo dõi và thu hồi công nợ đúng hạn, có những biện pháp tích cực đòi nợ nhưng vẫn chú ý giữ gìn mối quan hệ với khách hàng. Công ty nên tiến hành trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi để tránh những rủi ro trong kinh doanh khi khách hàng không có khả năng thanh toán. Dự phòng phải thu khó đòi được phản ánh vào tài khoản 139. Mức trích lập theo quy định của chế độ kế toán hiện hành như sau: Đối với những khoản nợ được xác định là khó đòi dưới 01 năm mức trích lập là 30%, từ 01 năm đến 02 năm mức trích lập là 50%, từ 02 năm đến 03 năm mức trích lập là 70%, trên 03 năm thì được coi là khoản nợ không đòi được.

- Theo quy định hiện hành thì các khoản phải thu được coi là khoản phải thu khó đòi phải có các bằng chứng chủ yếu sau:

+ Số tiền phải thu theo dõi được cho từng đối tượng, theo từng nội dung, từng khoản nợ, trong đó ghi rõ số nợ phải thu khó đòi.

+ Phải có chứng từ gốc hoặc giấy xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ chưa trả bao gồm: Hợp đồng kinh tế, kế ước vay nợ.

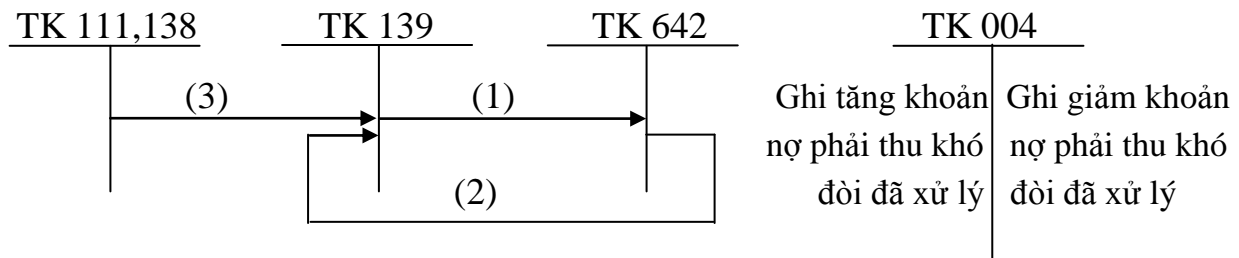
Căn cứ để được ghi nhận là một khoản nợ phải thu khó đòi là :

+ Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong Hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa được.

+ Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã làm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Cuối kỳ kế toán, Công ty căn cứ vào các khoản nợ phải thu được xác định là chắc chắn không thu được, kế toán tiến hành tính toán và trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Sơ đồ 24: Sơ đồ kế toán dự phòng phải thu khó đòi



(1): Nếu số dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập ở cuối niên độ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch dự phòng cần phải trích lập thêm

(2): Nếu số dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập năm nay nhỏ hơn số dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập ở cuối niên độ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được hoàn nhập, ghi giảm chi phí

(3): Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được, được phép xoá nợ (việc xoá nợ phải theo đúng chế độ tài chính hiện hành). Căn cứ vào quyết định xoá nợ về khoản nợ phải thu khó đòi ghi

Nợ TK 139 - Dự phòng phải thu khó đòi (nếu đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (nếu chưa lập dự phòng)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 711 - Thu nhập khác

Đồng thời ghi đơn vào bên Nợ TK 004 (nợ khó đòi đã xử lý) để theo dõi thu hồi khi khách hàng có điều kiện trả nợ.

Đối với các khoản phải thu khó đòi đã được xử lý xoá nợ, nếu sau đó thu hồi được, kế toán ghi

Nợ TK 111,112

Có TK 711 – Thu nhập khác

Đồng thời ghi đơn vào bên Có TK 004 (nợ khó đòi đã xử lý).

3.3. Ý nghĩa của việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Đối với công tác quản lý, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp các đơn vị quản lý chặt chẽ hơn hoạt động

tiêu thụ hàng hoá, việc sử dụng các khoản phí. Từ đó doanh nghiệp sẽ có biện pháp để thúc đẩy quá trình tiêu thụ sản phẩm, điều tiết chi phí, tăng doanh thu cho doanh nghiệp, xác định đúng đắn kết quả kinh doanh, phân phối thu nhập một cách chính xác, kích thích người lao động và thực hiện tốt nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước.

Đối với công tác kế toán, hoàn thiện quá trình hạch toán nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ cung cấp tài liệu có độ chính xác tin cậy cao, giúp cho nhà quản lý đánh giá hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua các số liệu kế toán phản ánh sẽ thấy được những thuận lợi khó khăn của doanh nghiệp, từ đó nhà quản lý sẽ đề ra những biện pháp giải quyết kịp thời nhưng khó khăn hoặc phát huy những thuận lợi nhằm mục đích giúp doanh nghiệp ngày càng phát triển.

KẾT LUẬN

Đối với mỗi doanh nghiệp mục đích cuối cùng là sản xuất kinh doanh có lợi nhuận mà là lợi nhuận thực sự, để có được kết quả trên là sự phấn đấu không ngừng của ban giám đốc, cán bộ công nhân viên trong công ty. Song công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh làm tốt sẽ đảm bảo lợi nhuận chính xác. Vì vậy việc hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp chiếm vị trí, vai trò rất quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp. Thông qua hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh người quản lý doanh nghiệp, các đối tượng cần tìm hiểu về doanh nghiệp biết được doanh nghiệp đó hoạt động có hiệu quả hay không, từ đó có những quyết định về mặt chiến lược đối với doanh nghiệp, quyết định đầu tư đối với các nhà đầu tư. Chính vì vậy việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là công việc không thể không làm và là vấn đề cần thiết.

Khoá luận “ Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần vận tải và thương mại Xuân Trường Hai ” đã ít nhiều nêu được các vấn đề về hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

+ Về mặt lý luận : Khoá luận đã đưa ra và hệ thống những vấn đề cơ bản về doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

+ Về mặt thực tế : Khoá luận đã phản ánh khách quan, có chọn lọc công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần vận Tải và Thương Mại Xuân Trường Hai và lấy số liệu của năm 2010 để làm sáng tỏ các lý luận.

Trên cơ sở lý luận đã trình bày, so sánh với thực tế tình hình kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty Cổ Phần Vận Tải Và Thương Mại Xuân Trường Hai. Khoá luận đưa ra 3 ý kiến về luân chuyển chứng từ, chính sách thu hút khách hàng, thu hồi công nợ nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ Phần vận Tải và Thương Mại Xuân Trường Hai nói riêng và các công ty Cổ Phần Vận Tải và Thương Mại nói chung.

Những kiến nghị đề xuất là có cơ sở về lý luận , về thực tiễn nên có tính khả thi song với kiến thức còn có hạn , chưa thật am hiểu sâu thực tế nên có thể còn mang nặng tính lý thuyết song dù sao cũng là những ý kiến để doanh nghiệp tham khảo.

Do điều kiện thời gian và trình độ còn hạn chế , khoá luận không thể tránh khỏi những thiếu sót , khuyết điểm , em rất mong được sự chỉ bảo , góp ý của Ban Giám đốc công ty cùng các cô bác, anh chị cán bộ phòng kế toán công ty Cổ Phần Vận Tải Và Thương Mại Xuân Trường Hai và các thầy cô giáo trong khoa.

Khoá luận này hoàn thành được là nhờ sự giúp đỡ , hỗ trợ chỉ bảo của ban lãnh đạo công ty , các phòng ban đặc biệt là sự tạo mọi điều kiện về số liệu của phòng kế toán , sự hướng dẫn bảo ban nhiệt tình của thầy giáo hướng dẫn cùng các thầy cô giáo trong khoa . Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ quý báu này.

Sinh viên :

Nguyễn Thị Lệ